

NEUROTONIC

57
15.69

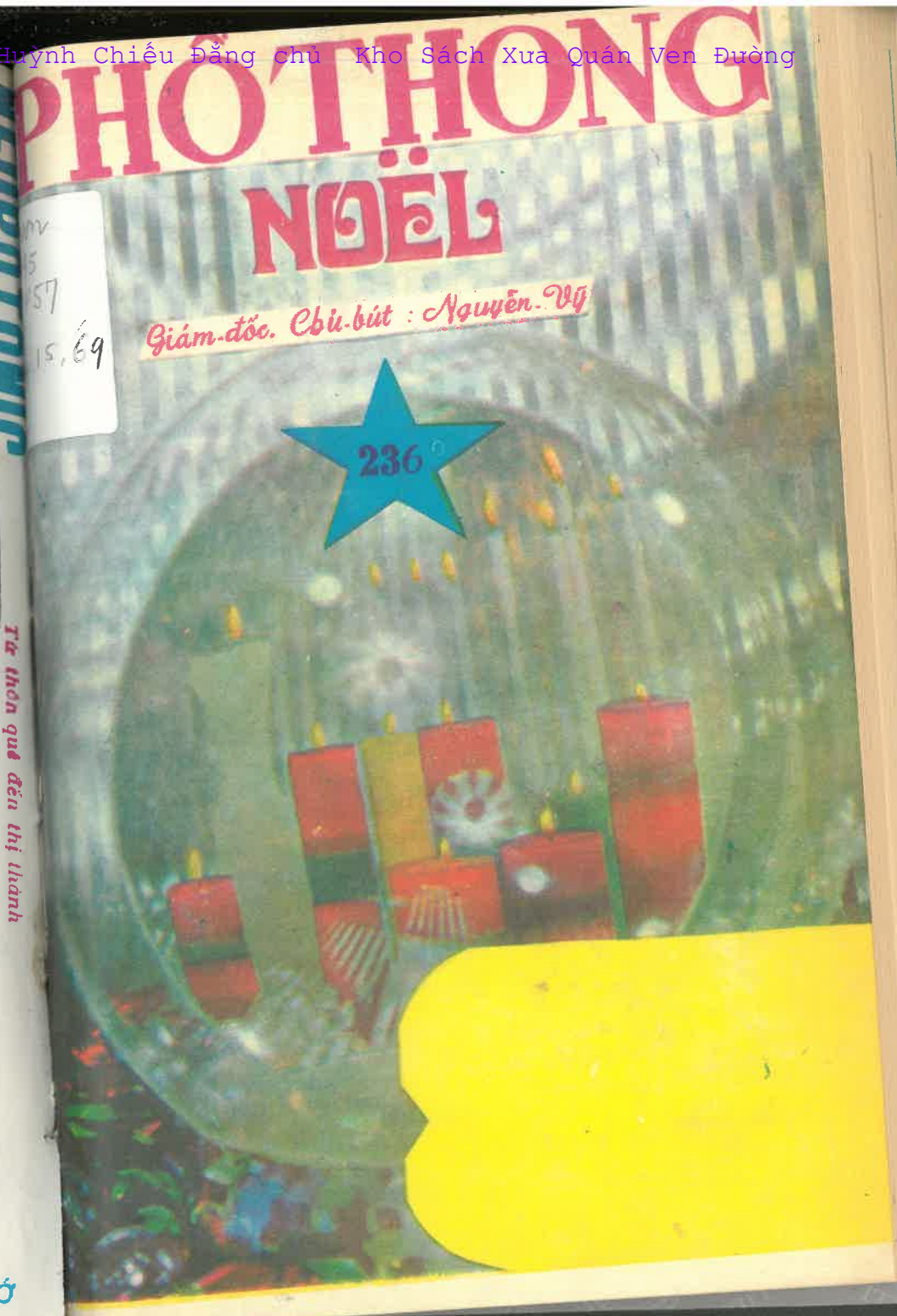
CORNELL
UNIVERSITY
FEB 9 1970
LIBRARY

St. Nông, Công, Thương chng dành NEURO

Từ thôn quê đến thị thành

NEUROTONIC

- ★ BỒI BỒ ỐC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ bút; Nguyễn-Vỹ
Tòa-soạn: 231 đường Phạm-ngũ-Lão - Saigo - ĐT 25861

Năm thứ XII — số 236 — 15-12-1969

1 — Apollo 12	P.T.	5 — 6
2 — Noel thứ 24	Nguyễn-Vỹ	7 — 10
3 — Mẹ Tây Mẹ Mỹ	Đông-Tùng	11 — 14
4 — Chiến thắng nhà Trần	Khánh-Xuyên	15 — 19
5 — VN tại hội nghị Văn Bút	Bàng-Bá-Lân	20 — 23
6 — Dương-Mai	Phạm-văn-Son	24 — 32
7 — Bức thư Đức quốc	Đỗ thị-ngọc-Điệp	33 — 37
8 — Cuộc tình chim bao (thơ)	Ng-Hồ-Hào-Mi	38
9 — Ca-sĩ (tiếp theo)	Vũ-Minh-Thiều	39 — 46
10 — Tình Thành (truyện ngắn)	Sao Trời	47 — 56
11 — Hưng Hóa vàng phai (miền Bắc)	Cao-nguyên-Lãng	57 — 61
12 — Nhà rằm (Nam)	Bình-nguyên-Lộc	62 — 65
13 — Nhuộm răng (Trung)	Bà Ái-Lan	66 — 70
14 — Hồn chiều (thơ)	Lâm-Chương	71
15 — Bức thư Nhà Bần	Trần thị-thanh-Bảo	72 — 78
16 — Hồ Xuân Hương	Nguyễn-Vỹ	79 — 85
17 — Nụ cười trong đám khóc (phóng sự)	Trọng-Tấu	86 — 89

18 — Bang giao giữa Cao Miêu và Việt Nam		90 — 93
19 — Cái rương ma quái		94 — 99
20 — Thân phận (thơ)	Lê-Hương	100
21 — Nửa tuổi đời (phóng sự)	Giàng-Tân	101 — 104
22 — Bạt	Thụy-Vân	105 — 110
23 — M-11.69 Ngày giở Nam Cao	Nguyễn-thu-Minh Phan thị-thu-Mai	111 — 113
24 — Apollo 12		114 — 119
25 — Sinh khí văn nghệ	Nguyễn-hữu-Trọng	120 — 124
26 — Bận đọc gởi tòa soạn	P.T.	125
27 — Đáp bạn bốn phương	Hoàng-Thắng	126 — 128



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cả của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-đ).
 - ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt,
 - ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 - ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



KHOA.HỌC KHÔNG.GIAN
★

APOLLO 12

đổ bộ lên Trăng lần thứ hai,
do ba phi-hành-gia Mỹ :



Charles Conrad
phi-đoàn trưởng

Richard Gordon
phi-tiêu
Phi-thuyền mẹ
Yankee Clipper

Alan Bean
phi-tiêu
Nguyệt xa
Intrepid

Tiểu sử 3 Phi hành gia

APOLLO 12

CHARLES CONRAD. Sinh ngày 2-6-1930, tại Philadelphia, Tiểu bang Pennsylvania. 1953, đậu Cử nhân cơ khí Hàng-Không Đại học Princeton. Sinh-viên phi-công Hải-quân Huê-kỳ. Phi-công trắc nghiệm Hải quân. Huấn luyện viên Phi-binh. Trung tá hải quân. 4000 giờ bay (3000 giờ bay phản lực). Cao : 1.m 69. Nặng 62 k : 500, mắt xanh. Vợ : Jane Du Bose (Texas). nữ họa sĩ Có 4 con. Tháng 8-1965, lái Phi-Thuyền *Gemini-5* trên quỹ đạo trái Đất suốt 8 ngày.

RICHARD GORDON. Sinh ngày 5-10-1929 tại Seattle, tiểu bang Washington. 1951, đậu Cử nhân khoa học (Hóa học) Đại học Washington. Sinh viên phi hành Hải quân. Trung tá Hải quân. Cao 1 m 70, nặng 68 kí, mắt nâu. Vợ : Farbara (Seattle) 6 con. 3.700 giờ bay, (3.100 giờ bay phản lực) Tháng 9-1966, du hành không gian *Gemini.11*, kỷ lục cao độ 1.360 cây số trên không gian, đi bộ trong không gian.

ALAN BEAN. Sinh ngày 15-3-1932 tại Wheeler, Texas. Cử nhân Khoa học Hàng Không. Phục vụ Hải quân 14 năm. Thiếu tá Hải quân. (3.500 giờ bay phản lực). Cao : 1m76. Nặng 70 kí. mắt nâu nhạt. Vợ : Sue Ragsdale (Dallas, Texas), 2 con. Phi hành gia chỉ huy dự bị cho *Gemini-10*, và *Apollo 8*. *Apollo* là cuộc thám hiểm không gian đầu tiên của ông.

(Xem tiếp trang 114)

NOEL
THỨ 24
TRONG CHIẾN-TRANH
CỐ PHẢI NOEL

CUỐI CÙNG
TRONG

MÁU

LỬA

hay

KHÔNG ?

NHÂN dân Việt Nam thực sự tham gia vào chiến tranh, và Lịch sử chiến tranh riêng biệt của Dân tộc Việt Nam, bắt đầu ngày 19-12-1946, nghĩa là 5 ngày trước Lễ Giáng-Sinh của Chúa Jêsu Christ.

Đối với đồng bào tin đồ Việt Nam của Thiên Chúa giáo, thì Noel 1946 là Lễ Giáng-Sinh đầu tiên chìm trong máu, lửa, nước mắt, và tang tóc, hận thù, một năm sau Đệ Nhị Thế chiến chấm dứt.

Kể tiếp 8 năm bom đạn không ngừng. Một số không ít tin đồ Thiên Chúa đã tham gia vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, và một số đã anh dũng hy sinh xương máu trong cuộc kháng chiến của toàn dân để thu hồi Độc lập và Tự do cho Tổ quốc. Thực dân Pháp đã hoàn toàn chiến bại.

Không ngờ Hiệp định Genève tháng 7-1954 lại chia đôi nước Việt Nam thành hai miền, và chia Dân tộc Việt Nam thành hai phe, Quốc gia và Cộng sản.

Gần 1 triệu đồng bào miền Bắc di-cư vào miền Nam, đại đa số là tin đồ Thiên Chúa.

Tuy rằng miền Nam cũng là Đất Nước Việt-Nam, nhưng đối với đồng bào Di-cư, Bùi Chu, Phát Diệm, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Hà Nội... lễ Noel ở Gò-vấp, Hóc-Môn, Phú-Thọ, Tân-Mai, Gia-Kiệm, Hố-Nai, Blao, Cái-Sắn... vẫn là Noel trong đau khổ biệt-ly, Noel của mồ-hôi, nước

mắt, Noel của căm-thù, uất hận.

Nhân dân miền Nam, không phân biệt tôn-giáo, đã đón tiếp đồng bào di cư với một cảm-tình đầy thương xót và xúc động.

Những Nhà-Thờ mới được dựng lên trên những đất khai-khẩn mới, ở miền Trung, miền Nam, trên bờ biển, trên núi rừng, và Noel 1954, Noel 1955, chuông các nhà thờ reo vang, đèn đuốc sáng trưng, trong một không-khí thái-bình hoan-lạc mới, mừng ngày Chúa Cứu Thế ra đời.

Kinh cầu nguyện vang lên khắp các Giáo-Đường, đến tận các khu rừng hẻo-lánh trước kia bỏ hoang, nay trở thành chợ, ấp, làng, lợp lá, lợp tôn... Rồi Noel kế tiếp Noel..

Vui vẻ, thái bình, được 5 năm. Đồng bào di cư đã trở nên giàu có -- Những Nhà Thờ mới, đồ sộ nguy nga, được xây cất bên cạnh những giáo đường cũ -- Những nhà lầu một tầng, hai tầng, những biệt thự, những nhà máy, những hãng buôn, đã thay thế cho những căn nhà lụp sụp lúc mới khai hoang.

Đồng bào di-cư đã xây dựng lại cuộc sống tung bưng, thịnh vượng.

Nhưng 1960, tiếng súng lại nổ. Chiến tranh bùng dậy từ các núi rừng, tràn xuống đồng-bằng, tàn phá nông thôn, xáo động thành phố.

Ác khi lại bao trùm miền Nam phù nhiều, hoan lạc. Lại máu lửa, hận thù tang tóc lan khắp nơi nơi..

Đồng bào Thiên Chúa giáo lại mừng Chúa cứu Thế Giáng-sinh trong lo âu, sợ hãi, đau buồn, cảm hận. Luật giới nghiêm tái thiết lập, hạn chế đêm Noel bớt phần long trọng, nhưng tăng vẻ ngậm ngùi bi thảm.

Kinh cầu-nguyện cho Hòa-bình không đợi đến 12 giờ khuya. Tiếng đạn vèo, bom nổ xen lẫn với lời kinh tạ ơn Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, và Đấng Hai-Đồng...

Người ta có cảm tưởng rằng Chiến-tranh bắt chấp Tôn Giáo, nhưng Tôn-Giáo tiếp tục cầu-nguyện cho chiến tranh lắng dịu, cho Hòa Bình chóng về.

Đến nay đồng bào Thiên-Chúa-Giáo đón mừng lễ Noel thứ 24..., kể từ Noel 1946.

Có phải là một triệu chứng thật sự đáng mừng không? Có phải là giờ thứ 24 của Chiến tranh đã điềm? Và Noel 1969 sẽ là Noel cuối-cùng trong Máu Lửa, Hận Thù, Tang-tóc?

Dù không là tin đồn của Đấng Christ, mọi người dân Việt-Nam chắc chắn đều một lòng cầu mong như thế.



«Me Tây», «Me Mỹ»

dưới con mắt một nhà Văn Ý

• ĐÔNG-TÙNG

Hôm chủ nhật vừa rồi tôi tới chơi nhà một người bạn già, khi tới tôi bắt gặp ông đang đọc một cuốn sách. Trông thấy tôi ông bỏ kính xuống bàn, sau cái bắt tay xiết chặt, ông nói :

«Tôi đang đọc một cuốn sách của con cháu trong nhà mới mua về tối hôm qua. Ông giờ cao cuốn sách rồi nói tiếp :

«Cuốn sách này hay quá, đúng quá ! Đời tôi chưa hề thấy một người ngoại quốc nào hiểu dân tộc Việt Nam một cách thấu triệt như tác giả cuốn sách này.

Tôi liền cầm lấy cuốn sách, đồng thời lấy cuốn sổ tay ra ghi tên sách, tên tác giả, dịch giả.

Trên đường về nhà tôi đã ghé vào nhà sách Khai-trí tìm mua cho bằng được cuốn sách ấy, đó là cuốn : «NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ». Nguyên tác của A. Pazzi

nhà văn Ý đại lợi, bản dịch của Hồng-Cúc.

Khi về tới nhà tôi giờ sách ra đọc ngay và đã đọc rất kỹ.

Nội dung tác phẩm từ đầu chí cuối, A. Pazzi đã ghi nhận những nét cao quý, khả kính khả ái, khả thán phục của người V.N., từ đôi mắt nụ cười tới vẻ uyển chuyển, tế nhị, qua ý thức luân lý, cuối cùng là tinh-thần anh dũng bất khuất của dân tộc V.N. trong trường kỳ lịch sử chống kẻ thù Bắc phương, mở rộng bờ cõi về phía Nam, cũng như việc chống Pháp để bẻ gãy xiềng xích nô lệ gắn một thế kỷ vừa rồi.

Ông A. Pazzi cũng không quên nêu lên những tiêu chuẩn : Phong tục, tập quán, ngôn ngữ, văn chương, kiến trúc, sáng tạo, sau đó ông bày tỏ cảm tình nồng hậu đối với dân tộc V.N.

một cách hết sức khách quan, vô tư và đầy đủ..

Tựu trung A. Pazzi chỉ có phần nào, nếu không muốn nói là chê trách, có hai hạng người ấy là :

— Hạng người trí thức — lẽ dĩ nhiên là một thiểu số.

— Hạng con gái «Me Tàu» «Me Tây» hay «Me Mỹ».

Người trí thức V.N. bị A. Pazzi chỉ trích đầu tiên là ông Nguyễn-văn-Vĩnh, ở trang 16, «17 người Việt cao quý» tác giả viết:

«Những người Việt-Nam mất gốc quá chịu ảnh hưởng Âu-Mỹ, không thể nào hiểu được những nét ưu việt, độc đáo mà bất cứ dân tộc nào ở trên thế giới cũng không thể có được».

Để chứng minh cho luận cứ của mình, A. Pazzi viết tiếp :

«Tôi đã có đọc một bài của một dịch giả, mà trước đây người Pháp không tiếc lời ca ngợi, đó là ông Nguyễn-văn-Vĩnh nói về cái cười của dân tộc ông.

Nhưng tiếc rằng ông đã nói một cách rất sai lầm. Ông Vĩnh đã nhìn nụ cười của Đồng-bào ông bằng một quan điểm của một bọn đế quốc Âu-Mỹ nhìn dân thuộc địa Á-Phi ; lối nhìn người Tàu ở công viên «cắm chó và người Tàu không được vào» của người Anh trước đây.»

Tiếp đó A Pazzi chê trách luôn cả một số người trí thức V.N. mà các nhà giáo là trước nhất, nên ông đã viết tiếp :

«Tôi rất ngạc nhiên, cho mãi tới bây giờ, hình như ở các trường tại miền Nam V.N. vẫn còn dạy loại bài như kiểu bài của ông Vĩnh đó. Như vậy có nghĩa là, người ta vẫn chưa biết là ông Vĩnh hay những người như ông Vĩnh trước đây đã nói sai, hay nói cách khác, họ đã tự chửi lấy dân tộc mình».

Thế rồi A. Pazzi khẳng định : «Như vậy ta có quyền nói rằng : một số trí thức V.N có bằng cấp cao, nhưng họ lại thiếu căn bản dân tộc ; họ hãnh diện khi nói tiếng ngoại quốc, hay việc đi ra

ngoại quốc, dù là đi vào rừng rừ Phi châu, Nam Mỹ là một vinh dự hiếm có. Những người trí thức đó in hệt như anh chàng trong chuyện cổ tích La-mã vừa mua được một cái mặt nạ rở tiền đã với chối từ khuôn mặt trái xoan thật đẹp vẫn có của mình. Tôi chưa hề thấy một dân tộc nào trên thế giới mà người trí thức lại thích nói tiếng ngoại quốc như ở V.N.»

Có lẽ ông A. Pazzi muốn tránh cho mình cái tội vu khống, nên ở những trang sau ông viết tiếp :

«Người trí thức Việt Nam bị sự giáo dục đầu độc của các chế độ ngoại lai, mà các ngoại bang đã đem tới cốt nhồi sọ cho họ vong bản, đến nỗi họ không còn thấy gì là đáng quý của giống nòi mình, thậm chí cái tên bố mẹ đặt cho từ khi lọt lòng, họ còn thêm vào một ngoại ngữ đặt lên trên ví dụ : Paul nọ, Jean kia v.v ..

Cuối cùng tác giả khuyến cáo các giới trí thức Việt Nam, với những lời thành thực, khái thiết.

«Bởi vậy những người trí thức

Việt Nam, bây giờ đã đến lúc phải tỏ ra khiêm tốn nhiều hơn, sớm gỡ rửa những thái độ vong bản, để tự tạo lấy một con đường học hỏi sâu xa hơn nữa về dân tộc mình. Có thể, các Ngài mới khỏi biến thành những công cụ ngoại bang, dần dần mất hết cá tính, dân tộc tính, rồi mất luôn cả nhân tính».

Đoạn nói về nữ giới Việt Nam, sau khi nêu lên những tình thần anh dũng bất khuất, không thua gì nam giới : Hai chị em bà Trưng, bà Triệu ; những Bùi thị Xuân, Huyền Trân Công Chúa ; những Đoàn thị Điểm, bà huyện Thanh Quan, Hồ xuân Hương trong văn giới. Tác giả viết tiếp :

«Nhưng trong vườn thượng uyển của nữ giới Việt Nam, cũng không tránh khỏi một số cỏ dại.. «Ở đây tác giả muốn nói tới bọn gái Việt thích lấy người ngoại quốc, mà tiếng Việt thường gọi là «me» như : me Tàu, me Tây, me Mỹ.. Ở trang 36, tác giả viết :

«Người Việt Nam vẫn rất kính trọng đám phụ nữ lạc loài này, mà họ kính trọng tất cả có lý, vì những người ngoại quốc ấy thường lại là kẻ thù chung của dân tộc họ.. Bởi vậy những người con gái nào thiếu giáo dục, trở nên hư thân mất nết, hay vì tệ nạn xã hội đã sản sinh ra họ, thì mới đang tâm làm chuyện đó.»

KẾT LUẬN

Hiện nay trên đất nước Việt Nam, thảm họa chiến tranh đang tiếp diễn, với số quân đội ngoại quốc — Mỹ, Phi, Úc, Hàn, Thái, Tây tây Lan — gồm trên



● *Kỳ sở bất dục vật thi ư nhân, kỳ sở dục giả khả thi ư nhân*

(Luận-Ngữ)

Cái gì mình không muốn, chớ đem thi hành với kẻ khác, cái gì mình thích nên đem thi thử cho người,

600 ngàn, đang làm giá trị, nhân phẩm người phụ-nữ Việt phá sản một cách thảm hại.

Tình trạng những người vợ trẻ của những công chức, quân đội, những nữ sinh con cái của những gia-dình nền nếp khá-giả trong mỗi buổi chiều lén lút đi với tụi ma cô bằng đường tắt ngõ hậu vào những nhà Xam nhà chứa.

Một tình trạng đang bi đát như thế, tôi thiết nghĩ rằng, cuốn sách «Người Việt cao quý» của A. Pazzi nên được phổ biến sâu rộng.



Chiến thắng nhà Trần

đã ngăn chặn được đạo quân Mông-Cò
 Thống trị Việt-Nam và Đông-Nam-Á

● KHÁNH - XUYỀN

DÂN tộc Việt Nam không đông lắm, trên dưới ba chục triệu người. Nhưng được nổi tiếng là anh hùng, Lịch-sử đã chứng minh điều đó. Thật vậy từ ngày lập quốc cho đến nay chẳng biết bao nhiêu cuộc xâm lăng đô hộ kéo dài từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Tưởng đến bản đồ nước Việt bị bôi xóa tàn nhẫn. Song người Việt vẫn trường tồn nhờ mang trong người một dòng máu bất khuất. Đã biết bao nhiêu lần đô hộ của người Tàu | Mạnh tâm của Trung Quốc là muốn đồng hóa Việt Nam Họ chưa được thực hiện kế hoạch đó thì phải trả một giá thật đắt bằng máu xương do sự đồng tâm nhất trí của dân Việt chống xâm lăng. Vào hậu bán thế kỷ thứ Mười-ba, dân tộc Việt Nam đã chứng tỏ cho thế

giới khâm phục là tạo được chiến thắng vĩ đại với đạo quân háo chiến Mông Cò.

Để nghiên cứu giai đoạn Lịch sử hào hùng đó trong bài này, chúng tôi muốn trình bày cùng độc giả yếu tố tất thắng của Nhà Trần đã ngăn chặn được sự bành trướng của quân Mông Cò xuống Đông Nam Á.

Người dựng nghiệp cho đại Mông cổ là Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan) vào năm 1206. Người Mông cổ có tham vọng muốn bành trướng thế lực của mình khắp bốn phương thiên hạ. Vào năm 1226 họ hướng về phía Nam, diệt nước Tây Hạ, năm 1234 diệt nước Kim, làm chủ tỉnh tế nước Tây Bắc và Bắc Trung Hoa. Phía Tây, năm 1242

họ đã chinh phục được cả miền Nam nước Nga. Phía Tây Nam, vào năm 1259 họ đã tràn đến Bắc Phi. Về phía Đông, bắt đầu năm 1238 họ xâm lấn Cao ly phải thần phục, và năm 1260 Cao ly biến hẳn thành thuộc địa. Nhưng để thực hiện tham vọng bá chủ của Thành Cát Tư Hãn, Quân Mông cổ còn hoàn thành cuộc chinh phục Nam Tống, mục đích chiếm trọn vẹn lãnh thổ và phạm vi thế lực của đế quốc nhà Đường. Họ còn nhìn sang phía Đông-nhật-Bản: Phía Nam tràn xuống tận Ấn Độ đến Nam Dương quần đảo. Có thể nói rằng đạo Quân Mông cổ lúc bấy giờ đi đến đâu thì thắng đến đó, tất cả phải thần phục họ, tể không đành phải chịu chết một cách thảm thết. Chưa có cuộc chiến nào trong lịch sử loài người man rợ bằng đạo quân Mông; «nơi nào ngựa Mông cổ đi qua, cây cỏ cũng hết sống».

Tính đến năm 1580, đế quốc Mông cổ đã làm chủ trên 40 quốc gia vừa lớn vừa nhỏ, từ Á sang Âu. Một đế quốc lớn nhất trong lịch sử

chiến tranh làm lu mờ sự nghiệp tham vọng chinh phục của Napo-léon. Sự chinh phục của Mông Cổ đã làm đức giáo hoàng Innocent IV và vua Louis nước Pháp phải cử người xin cầu hòa.

Đạo quân Mông Cổ phát xuất từ mạn Bắc nước Tàu. «Vào thượng lưu sông Hắc Long Giang. Người Mông Cổ rất hung tợn, tính hiếu chiến, người nào cử ngựa cũng giỏi và bắn tên không ai bằng. Binh lính thường bị quân kỵ mã xếp đặt thành cơ thành đội.» (1)

Chiến thuật và chiến lược của đạo quân này lúc bấy giờ thật tình. Bằng phương tiện duy nhất là ngựa thề mà họ đánh thật chớp nhoáng. Yếu tố nhanh nhẹn trong binh thư đã tạo cho họ những chiến thắng vẻ vang khắp nơi. Chỉ cần một thời gian ngắn là hai năm, người và ngựa của quân Mông Cổ được

(1) Tài liệu lịch sử tham khảo trong bài này:

- Quyển «Việt Nam sử lược» của Trần trọng Kim
- Việt sử Toàn thư
- Đào Duy Anh.

Vạn Lý Trường Thành bao vây Bắc-Kinh. Trận chiến xảy ra vô cùng khốc liệt, thành thất thủ. Cho mãi đến 90 năm sau du khách đi ngang qua còn thấy tàn tích chiến tranh để lại, xương khô ngúi ngúi chất đống!

Đối với địch thủ, quân Mông cổ áp dụng nguyên tắc: «hàng phục thì đãi có độ lượng, chống lại thì tàn sát tới ngọn cỏ lá cây».

Thế lực và binh thư giỏi như vậy, làm sao lại thua trước sự kháng cự của dân tộc ta lúc bấy giờ? Thật phi thường, ai đã mang trong mình giòng giống Việt phải tự hào với ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông cổ. Trong thời này dân gian đã phổ biến:

«Nực cười Châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu đá ai dè
xe nghiêng».

**Chiến thắng quân Mông
cổ lần thứ nhất:**

Nhận thấy đánh Nam Tống khó khăn, mãi năm 1234 mà chưa giải quyết xong, Mông cổ định chiếm lấy nước Đại Lý (Vân Nam) và nước Đại Việt, rồi dọ đường xâm lấn vào nước ta để tiến binh vào Ung Châu và Quế Châu của Trung Hoa, để phổ hạp với đại binh tiến từ đất Ngạc (Hắc Bắc) mà đánh kẹp nhà Tống ở hai mặt. Bởi thế sau khi chiếm được nước Đại lý rồi, năm 1254, Hốt tất Liệt rút quân về Bắc đánh nhà Tống và giao cho Ngột lương Hợp tiếp tục chinh phục các bộ lạc nước Đại lý và tiến vào nước Việt Nam để lấy đường đánh Tống xuống Đông Nam.

Quân số giặc Mông lúc bấy giờ có đến 200.000 người, ấy là chưa kể đạo quân đi hậu tập và tiếp viện. Quân giặc tiến vào sông Thao, Hưng hóa và Thăng Long. Mới đầu quân ta thua. Sau nhờ tất cả các tầng lớp dân chúng và quân đội hết lòng. Giặc Mông không quen với phong thổ. Vua Thái Tôn đánh bại giặc ở Đông Bộ Đầu. Giặc chạy lên trại Qui hóa bị thổ dân ở đây chặn đánh thật điêu đứng. Phải rút về Tàu;

CHIẾN THẮNG

Cuộc xâm lược thứ nhất của quân Mông-cổ đối với Việt Nam đã hoàn toàn thất bại.

Chiến thắng quân Mông lần thứ hai :

Quân Mông vẫn nuôi chí báo thù. Vào năm 1280 Hốt Tất Liệt đã sai khu Mật Hàn Lâm Viện với Hành Trung Thứ tỉnh là Toa Đô bàn về việc chinh phục các nước hải Ngoại và thắng Toa Đô làm tả thừa để chiêu dụ các nước ấy. Do sự chiêu dụ của Toa Đô các nước Chiêm Thành, Mã Bát Nhi, Cự Lam và Chà và (ba nước ở Nam Dương) sai sứ sang cống nhà Nguyên. Nhưng chủ ý của Hốt tất Liệt là buộc các nước miền đông Nam hàng phục làm thuộc quốc để mở rộng lãnh thổ ra toàn bán đảo Ấn-Trung và toàn bộ quần đảo Nam Dương chớ không để họ đơn phương xin triều cống.

Nhìn được kế hoạch thâm hiểm của quân Mông, nhà Trần lập tức triệu tập cả bá quan văn võ họp hội nghị Bình-Thần (ở bên sông

Bình Than, thuộc huyện Quế Dương, Bắc Ninh) để bàn định kế hoạch tham mưu chống địch. Tiếp theo đó là hội Nghị Diên Hồng để tạo tình đoàn kết trong quảng đại quần chúng, tình đoàn kết nhất trí chiến thắng quân Mông. Năm vững được ba yếu tố : thiên thời, địa lợi và nhân hòa, lượng được tình hình địch và ta. Hưng Đạo Vương họp tại Vạn Kiếp chính đôn bang ngũ, thảo hịch các Tướng sĩ.

Trận Tây-Kết, Toa Đô bị chết. Ô-mà-Nhi phải ráo riết xuống thuyền với vài tên quân hộ tống đưa về Tàu, Thoát Hoan phải bay hồn lạc vía phải chui vào ống đồng để nguy trang lẫn trốn thoát cơn nguy.

Xâm lăng nước ta lần thứ Hai, quân Mông thảm bại ngoài dự tính cận kề ủa họ. Năm vạn quân và hàng ngàn tướng sĩ đã từng bách chiến bách thắng khắp nơi thế mà phải chốc phải tiêu ma danh dự chỉ còn độ 5 vạn tàn binh không hàng ngũ, mạnh ai nấy trốn.

CHIẾN THẮNG

Nơi đây chúng tôi cũng muốn ghi thêm là quân Mông cổ xâm lăng ta lần này không phải do mục đích chiếm lược như lần trước, mà do mục đích chiến lược khác là tiến vào nước ta là vị trí đầu lâu tiếng xuống miền Đông-Nam Á.

Cho nên họ tính toán rất kỹ lưỡng là muốn chiếm lược nước ta phải nắm vững được Chiêm Thành để làm bàn đạp tiến quân. Hốt tất Liệt bèn sai chính Toa Đô sang sứ Chiêm Thành để dụ Vua nước ấy vào chầu. Vua Nguyên ve vuốt phong cho Vua Chiêm làm Chiêm Thành quân

Vương và lập Hành Trung Thứ tỉnh Chiêm Thành, cử Toa Đô làm hữu thừa và Lưu Thâm làm tả thừa và quyết định lấy một trăm hải thuyền và một vạn tân cựu quân và thủy thủ để năm sau đi đánh các nước hải ngoại. Hốt tất Liệt ủy nhiệm cho Toa Đô sang hẳn Chiêm Thành mà lập hành tỉnh ở đó và yêu cầu Vua Chiêm cung cấp quân lương và nhu yếu chiến tích. Vua Chiêm phản đối.

Vì lý do đó mà Hốt tất Liệt sai sứ sang dụ An-Nam cho mượn đường giúp quân và cấp lương.
(Còn nữa)

Nói tục

- Tý ơi, con hứa với má từ nay con không chửi tiếng tục đó nữa thì má cho con 5 đồng.
- Dạ, con xin hứa với má là từ nay con không nói tiếng tục đó nữa.
- Ủ, thế thì con ngoan lắm. Đây, má thưởng cho con 5 đồng.
- Cảm ơn Má. (Tý bỏ 5 đồng vô túi. rồi nói tiếp) : Lần sau, con có một tiếng tục khác đáng giá 10 đồng cơ lận.

Việt-Nam tại Hội Nghị Văn-Bút Quốc Tế lần thứ 35 ở Menton (Pháp) (14 - 20 tháng chín 1969)

Bút ký của BÀNG-BÁ-LÂN
(Hội Văn-Bút Việt-Nam)
(Tiếp theo P.T 234)

SAU phiên họp đầu tiên ngày chủ-nhật 14-9-69, những điểm còn lại trong chương-trình nghị sự của Ban Chấp-Hành được hoãn lại đến ngày cuối (thứ sáu 19-9-69) sẽ làm nốt.

Bốn ngày giữa (từ thứ hai đến thứ năm) dành để thảo luận về đề tài văn chương do Trung tâm Văn-Bút Pháp (đảm nhiệm tổ chức Hội-Nghị năm nay) nêu ra :

LA LITTÉRATURE À L'ÂGE DES LOISIRS (Văn-chương ở thời-dại Nhân rồi).

Đề tài tổng quát này được chia làm bốn mục đề thảo luận trong bốn ngày liền :

1) Văn-chương ở thời đại nhân rồi sẽ ra sao ? Con người hôm nay có còn thích thú những truyện giả tưởng nữa không (ám chỉ tiểu thuyết) ? Sự tiến triển của các loại văn chương truyền thống (cổ truyền)

2) Văn chương thông tin và văn-chương giải thoát.

3) Nhiệm vụ của nhà nước, của các tổ chức văn hóa quốc tế và sáng kiến tư nhân (đối với văn chương). Sự tràn ngập văn hóa vào đời, sống đại chúng bình dân.

4) Sự phổ biến và giao nhập các nền văn hóa.

Tối chủ nhật 14-9-69
e u t o n g p h a i d o n g n h y t r i e n

VIỆT NAM...

và phân công như sau : Các bạn Phạm-việt-Tuyền, Nghiêm-xuân-Việt, Nguyễn-văn-Trung và tôi phụ trách nghiên cứu và theo dõi mỗi người một mục và — nếu có thể — lên diễn đàn cho có tiếng nói của Việt Nam. Còn bạn Thanh-Vân làm thư ký của phái đoàn.

Bạn Việt nhận mục thứ nhất, bạn Trung mục thứ hai, tôi nhận mục thứ ba và bạn Tuyền mục thứ tư.

Cả buổi sáng ngày thứ hai 15-9-69 dành để nghe diễn văn của các ông : *Edmond Michelet*, Quốc vụ Khanh đặc trách Văn Hóa Pháp ; *Francis Palmero* thị trưởng thành phố Menton, *Yves Gandon*, chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Pháp và cũng là chủ tịch Hội Nghị ; *André Chamson* (Hàn lâm viện Pháp), tổng giám đốc Pháp quốc thư viện, phó chủ tịch Văn Bút Quốc Tế, và *Arthur Miller*, nhà văn Mỹ, chủ tịch Văn Bút Quốc Tế.

Bài diễn văn của ông Francis Palmero ấn tượng sâu sắc, đại ý chào

mừng các đại biểu và ca ngợi văn chương. Theo ông, văn chương đóng một vai trò cao cả về phương diện xã hội, giáo dục cũng như chính trị. Văn chương tranh đấu cho sự công bằng, tự do và tiến bộ của nhân loại. Chúng ta hiểu biết được nền văn minh xưa là nhờ các tác giả. Không có văn chương, loài người sẽ qua đi trong quên lãng ; các di tích sẽ mai một không để lại một vang bóng nữa ! (C'est un grand honneur pour notre ville de réunir au Palais de l'Europe les plus illustres représentants de la pensée contemporaine. Plus que jamais, ici et partout, en notre temps la littérature tient une fonction cruciale, éducative, politique au sens le plus élevé du terme. Elle combat pour une vie meilleure, pour plus de justice sociale, pour plus de liberté, elle lutte pour le progrès humain. Nous ne connaissons des anciennes civilisations que ce que nous ont transmis les auteurs. Sans la littérature, les hommes passent et sont oubliés ; les peuples meurent et ne laissent au un

souvenir...)

Bài diễn văn của ông Yves Gandon, ngoài những lời cảm ơn xã-giao quan khách và đại biểu các nước, có những đoạn chính như sau :

«.. Puissent nos débats se dérouler dans un climat de tolérance mutuelle, de compréhension et d'amitié suivant l'esprit de notre charte. «au dessus des passions nationales et politiques» Cinquante nations sont représentées ici. Elles nous sont toutes également chères, dans la mesure où elles se réclament du même idéal. Le centre français est heureux de le accueillir... Dans ce cadre idyllique (Menton), vous allez avoir mesdames et messieurs, à discuter pendant plusieurs jours sur le thème proposé par le Centre français et qui a pour titre *La Littérature à l'âge des loisirs*. Je dois ici vous faire un aveu. Quoique ce thème vous ait été proposé par nous, avec l'agrément de l'Exécutif International, il ne laisse pas de me causer quelque trouble. De quoi s'occuperaient les étri-

vains s'il ne s'intéressaient par à l'avenir de la littérature ? Mais songez y bien : *l'âge des loisirs*. Que faut-il entendre par là ? L'ère des «congés payés» ? Oui, dans tous les pays prétendument développés, les travailleurs conscients et organisés se trouvent chaque année pour une période variait entre quinze jours et un mois, affranchis des contraintes de la société industrielle. Il ne s'agit plus alors pour eux que de meubler ce temps d'arrêt du labour au meubler de leurs goûts et de leurs désirs. Quelle y sera la part de la littérature ? Voilà, grosso modo, un aspect du sujet à traiter. Permettez-moi de vous dire qu'il me laisse perplexé...»

Đại ý diễn giả cầu mong cuộc thảo-luận sẽ dẫn ra trong bầu không khí cởi mở đầy tình thông cảm và nhân hữu theo tinh thần hiến chương của Văn-Bút Quốc Tế, nghĩa là vượt lên trên mọi tư tưởng quốc gia và khuynh-hướng chính trị.. Rồi ông đề cập vấn đề đã nêu ra là *Văn-chương ở thời-đại Nhân rồi* và thú

nhận rằng mặc dầu đề tài này do Trung-Tâm Văn-Bút Pháp đưa ra với sự chấp thuận của Ban Chấp-Hành Văn Bút Quốc-Tế, chính ông cũng không khỏi có điều lúng túng.. Là nhà văn tất nhiên phải nghĩ đến tiền đồ văn chương. Nhưng chúng ta đang ở *thời-đại Nhân rồi*. Thời-đại mà người ta làm việc ít giờ do sự tiến bộ và phát triển của cơ khí ; thời-đại mà những ngày nghỉ cũng được trả lương. Tại tất cả các quốc-gia được coi là tiên bộ, các người làm việc mỗi

năm đều được nghỉ từ mười lăm ngày đến một tháng. Họ có mọi thú giải trí để tận hưởng những ngày nhàn rỗi đó. Trong các thu ấy, liệu văn-chương sẽ có phần không ? Đó là một khía cạnh của vấn đề được nêu ra, và diễn giả thiết nghĩ rất thắc mắc và bối rối...

Cuối cùng là diễn văn của ông Arthur Miller. Ông nghĩ ý mong mỏi trong các Hội-Nghị tới sẽ có các nhà văn trẻ góp mặt.

(Còn tiếp)

- Trả lời bạn Trương thị Quỳnh Như Văn khoa. Tôi không có chân trong PEN Club Việt Nam (Bút Việt). Lý do : vì tôi không có xin gia nhập vào Hội ấy. N.V.
- Định chính : Bài «*Việt Nam tại Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế...*» đăng trong Phổ-Thông số 223 ngày 1-11-69, trang 53 có câu : «Hội Văn Bút Quốc Tế thành lập đã được ngót thể kỷ quy tụ hơn 50 quốc gia».
- Xin định chính lại là : «.. quy tụ 82 Trung Tâm của 61 quốc-gia với một tổng số hơn 8.500 hội-viên» (B.B. LÂN).
- Phổ-Thông số 234, trang 105, câu : Pháp (France) cử 16 người.. xin đọc là 61 người.— Tiếng Flamand, xin đọc là tiếng Flamand. Trang 106 : Lỗ-ma-ni (Poumanie) cử 1 đại biểu, xin đọc là 2 đại-biểu.



DƯƠNG-MAI

Người đàn bà đã di
họa cho muôn đời.

Hàng vạn đàn-ông Việt-nam
mang chứng bệnh của nàng
Dương-Mai !

★ PHẠM-VĂN-SƠN ★

NGUỜI đàn bà thường
được coi là vưu-vật trong
trời đất nhưng có khi người
đàn bà cũng là tai-họa cho
quốc-gia, xã-hội Lịch-sử
Đông, Tây, kim cổ đã từng
chứng minh sự kiện này
không ít. Trên các thư-tịch
của Trung-quốc ta thường
thấy kể đến những người
đàn bà đẹp lưng danh trong
Lịch-sử, tỉ-dụ nàng Mai-Phi
và Dương quý Phi, Họ được
hưởng nhiều vinh sủng bên
cạnh ông vua đa tình hiếu sắc,

DƯƠNG MAI

nhưng tạo hóa đồ kỳ toàn
(trời ghét những gì quá tốt,
quá đẹp) nên hạnh phúc họ
được hưởng chẳng bao lâu
đã thành chết chóc, gian khổ.
Có ăn, có chịu, đó là một
định-luật ở thế gian này, ta
chẳng phải than phiền cho
ai mà mệt, duy một số
người đẹp ở nhân gian sau
khi chết đi còn để lại nhiều
tai họa.

Chúng tôi muốn nói đến
Dương quý Phi người đàn
bà tuyệt-sắc đã bị quân đội
bức-tử ở Mã-Côi mà còn di
họa cho muôn đời, nghĩa là
đến cả ngày nay. Phải chi
nàng chỉ làm nghiêng lệch
cái ngai vàng của vua Huyền
ôn nhà Đường mà thôi !

Phải chi nàng chỉ là nguồn
gốc của một cuộc binh đao
lam bở mạng hàng vạn con
người, thế cũng là đủ, nhưng
tiếc thay cho đến bây giờ
nàng còn thuộc loại kẻ thù
số một của nhân loại, của
khoa-học.

— Vì sao ?

— Vì nàng là cái «họa thủy»
vô cùng tai hại cho tới ngày
nay.

Chúng tôi nói đến hai chữ
«họa thủy» đó là nhắc lời
của Bác-sĩ Diệu phương
Thành đã chỉ cái tai hại ghê
gớm về sắc đẹp của đàn bà
và xét ra không là điều quá
đáng.

Bác-sĩ Diệu phương
Thành giải thích họa thủy
là một thứ nước tai vạ nhân
nghĩ đến những chuyện
lịch sử hay một người đàn
bà có tiếng trên lịch
sử là nàng Triệu phi Yên có
cái đẹp hoa nhường nguyệt
thẹn, mây thua nước tóc
tuyết nhường màu da.

Nàng sinh vào đời vua
Thành đế nhà Han hai ngàn
năm trước đây. Đã có bộ
mặt đẹp, nàng lại có một
thân hình nhẹ nhàng, ông á
uyên chuyên khiến vua
Thành đế ngày đêm mê mẩn
không thể rời nàng ra chốc
lát. Một vị lão thần cương

trực đã dám can vua chớ có tiếp tục say mê Triệu phi Yến quá mức như vậy.

Không cần suy nghĩ, ông vua đa tình đã trả lời.

«Mình nàng Triệu phi Yến là quê quán êm ấm của ta, ta mong chết già ở nơi quê quán ấy, sung sướng biết là bao !

Rồi Bác sĩ Diệu phương Thành kết luận rằng người đẹp ấy là một thứ nước làm đắm chìm giang san nhà Hán có ngày. Phi Yến là làn nước mát, nước ấy để tắm rửa thì tốt chứ đắm chìm mình mãi vào nước ấy thì chết ngộp chớ biết lúc nào. Ý kiến của Bác sĩ chỉ có mục đích cảnh tỉnh vua Thành để như lời bộc trực của vị lão thần nói trên đây. Nhưng xét ra ý kiến của Bác sĩ Diệu phương Thành riêng đối với Triệu phi Yến có phần quá đáng. Trên thực tế nàng Triệu chưa gây thiệt hại lắm cho triều Hán nhưng nếu lời đó

nhắm ngay vào cô ả Thái chân Dương quý Phi thì không sai một ly.

Vì cái nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn của họ Dương đã làm cho ngại vàng của Minh hoàng suýt đổ sập, lại còn để lại một nọc độc kinh khủng cho nhân loại đời sau về phương diện vệ sinh

Cuộc đời tình ái và dâm loạn của nàng Dương thế nào, chúng ta đã biết nay xin nhắc qua vụ loạn Thiên Bảo (niên hiệu của Đường Minh hoàng) trước khi kể đến cái bệnh ghê gớm nàng Dương đã để lại cho thế gian ngày nay.

Nàng Dương chết chưa là hết tai-họa mà tai họa đã hơn ngàn năm truyền lại vẫn chưa dứt.

Vai trò chánh trong cuộc loạn Thiên-bảo là An-Lộc-Sơn mà cha là người Hồ vào cướp Trung-nguyên rồi bị bắt. Cha An-Lộc-Sơn được

dùng vào việc hầu hạ một thượng quan của Đường triều. Y lấy vợ đẻ ra An-Lộc-Sơn. An-Lộc-Sơn ra đời chẳng được bao lâu thì cha chết mẹ tái giá với người họ An y liền theo họ người cha dựng nhà có diện mạo khôi ngô, vóc người to lớn sức khỏe dồi dào y được tiến vào hầu hạ trong cung (có lẽ do mánh lời của bọn hoạn quan để tăng công) rồi y được Dương quý Phi đem lòng quyến luyến

Íy do cảnh tình về nàng Dương rất dễ hiểu. Đường Minh hoàng lúc này đã 70 tuổi, làm sao đủ khả năng thỏa mãn được cai thú nhục dục cô gái mới ngoài hai mươi thừa sanh lực, nhiều nhựa sống. Để cho cuộc ái-ân được thuận-tiện, Dương quý Phi nhận An-Lộc-Sơn làm con. Nhà vua quá mê nàng cũng chấp nhận luôn và cũng ưng chiều An-Lộc-Sơn như con vậy.

Mẹ con ngang tuổi nhau,

An-Lộc-Sơn được ở luôn trong cung cấm ngày đêm, nàng Dương xa dần ngự-lâm để thỏa tình xác thịt với gã con nuôi nguy hiểm ấy.

Rồi một cơn gió lốc đã bay vụt tới lam nghiêng lệch Đường triều : An-Lộc-Sơn sinh dị chí. Có lẽ y nghĩ rằng giống Hồ cũng là giống anh hùng đa mưu mang quân reo ngựa hý vào đất Trung-nguyên, có lẽ đâu y chỉ là một thứ đồ chơi cho một kẻ phụ nữ dù phụ nữ đó là một hoàng phi. Y liền ngấm tở chức bề dưới, quân đội.

Trước năm Thiên Bảo, y đã được nàng Dương vận động với vua cho ra làm Tiết-dộ Sứ tại Bình tư, Phàm dương và Hạ đông là những miền đất rộng, của nhiều.

Cuối năm ấy An Lộc Sơn hưng binh, đem mấy chục vạn quân về đánh nhà Đường. Quân Hồ thắng thế, nhà vua phải xuất hôn sau khi chính mình cũng ra mặt trận để khích động ba quân.

Tuy lúc này Minh hoàng bối rồi, ông vẫn mang nàng Dương đi theo để dùng với lời thề : «*xin cùng làm chim để liền cánh, nếu làm cây xin cho được liền cành*» đã cùng thốt ra dưới trăng sau cuộc vui trăng canh thường lệ.

Đại quân đi luôn mấy ngày gian lao vất vả vô cùng vì họ cảm thấy mình là lợn bại trận mỗi khi dừng bước cả tướng lẫn quân trong lúc nghỉ ngơi đã không khỏi bàn ra tán vào về cảnh ngộ truân chuyên của họ ngày nay.

Có kẻ nói : Giặc Hồ xưa nay từng là phiên thuộc của mình sức mạnh của Trung Nguyên bao giờ cũng có thừa để đè bẹp chúng do đó từ nhiều đời chúng phải dâng nạp cống..

Kẻ khác tiếp : Vậy sao chúng ta phải chạy dài nhục nhã như ngày nay ? Chẳng qua chúng ta bị nội cống, giặc đánh bất ngờ trog khi

ta không phòng bị, nay sắp lại đội ngũ, ta có thể thắng chúng dễ dàng.

Một cấp chỉ huy vào hàng tương lãnh đưa ý kiến :

— Các người có ý chiến thắng giặc Hồ để làm gì ?

Có tiếng trả lời :

— Để khôi phục lại Đường trào !

Vị tướng lãnh cười và lại nói :

Khôi phục Đường trào thì hợp lý rồi ! Đó là một ý kiến xác đáng nhưng không thể hy sinh xương máu khôi phục quyền lợi của họ Dương. Anh em chúng ta gặp cảnh nhục nhã nay chỉ do con dâm phụ họ Dương mà thôi.

Liên sau lời nói này, có tiếng hét :

— Thì chúng ta giết con dâm phụ và họ hàng bè đảng của nó đi, rồi hộ giá về triều giết giặc Hồ không được

sao ? Ta không phản ứng là đi đến chỗ chết.... Thế là ba quân ồn ào, cắt một số đại diện đi tìm Cao Lực-Sĩ một giám-quan cao cấp nhất của Đường Huyền tông nêu ra đề nghị : Trừng phạt Dương quý Phi nếu nhà vua muốn ba quân ủng-hộ hoàng triều đến giọt máu cuối cùng.

Thấy quân đang đi mà ngừng bước rồi ngừng bước đã lâu vẫn không thấy họ nhúc nhích, Đường huyền tông ngạc nhiên thì Cao lực-sĩ đã bước tới tàu lên thái do bất thường của binh sĩ.

Đường huyền tông tái mặt nhìn Dương quý Phi. Dương quý Phi sợ hãi gần muốn ngất.

Bên ngoài binh sĩ thấy nhà vua hứa đưa ra quyết định bên la hét :

— Nước nhà đang thái-bình nay bỗng thành ly-loạn, nhân dân lầm than khổ khổ, binh đội phơi xác nơi chiến trường lối mấy vạn quân rồi, đó là

lỗi của Quý Phi mà hoặc thành thương. đem anh em bà con chiếm hết địa vị trong triều làm bất mãn mọi người xin bệ hạ hãy cho chém hết những kẻ gây ra mối loạn, chúng tôi có thể tận tâm báo quốc, khôi phục lại giang-sơn cho bệ hạ.

Cao lực-sĩ lại bước tới chỗ vua ngự tàu lên những tư-trưởng cầm phẩm của quân sĩ. Huyền-tông phải thân ra trước ba quân truyền :

— Các người trách ta thì phải hơn. Vì ta hôn ám dù gì kẻ phản thần nên mới sinh ra uông nội này.

Ba quân phản đối :
— Gây nên mối loạn không phải do bệ hạ, mà do con nữ yêu bên mình bệ hạ. Dương thái Chân ! Phải giết Dương thái Chân ngay đi !

Lần này, chính Huyền-tông muốn té xỉu, còn Dương quý-phi mặt xám như gà cắt tiết, nước mắt ràn rụa Nang reu rĩ với Huyền-tông :

— Bệ-hạ ơi, thiếp có tội tình gì mà người ta đòi giết, trước sau thiếp chỉ biết có hầu hạ thánh-thượng hết lòng mà thôi.

Huyền tông ôm choàng lấy nàng, an ủi ;

— Ái-khanh đừng sợ, trẫm nở lòng nào để người ta giết ái-khanh

Trong khi đòi bèn chưa dứt khoát trước một quyết định lớn lao, một bề là tánh mạng của người đẹp, một bề là vận mệnh của Đường-trào thì tin quân giặc đã đuổi gấp gần lối: Nếu không lo dời pho ngay, tình thế sẽ tuyệt vọng trông thấy.

Huyền-tông vẫn chưa hết mê ra lệnh cho ba quân tiến lên. Ba quân vẫn dậm chân tại chỗ. Họ nói nếu không trừng phạt Dương quý-phi, giặc đến họ sẽ đầu hàng hay tự động giải tán. Thái-độ của họ cương quyết hết sức như những nhát dao bén nhọn đâm vào lòng nhà vua và cô ả họ Dương. Nhà vua ôm lấy nàng nước mắt đầm.

đĩa. Ông đã bắt đầu thấy khó mà nghịch-ý những kẻ đang cầm trong tay tương lai của ông và cái ngai vàng của tổ tiên để lại.

Lại có tin giặc tiến gần rồi.

Huyền-tông hết cả hồn vía.

Nhà vua vẫn ôm lấy giai nhân không muốn rời giữa lúc rối trí nhưng đã cảm thấy không còn người đẹp lâu la trong vòng tay của mình nữa.

Dương quý phi khóc :

— Bệ hạ buông thần thiếp ra, thiếp đành chết vậy.

Cao-lực sĩ chạy lại, thở hổn hển :

— Giặc không còn xa nữa, đại cục nguy đến nơi rồi !

Huyền tông im lặng. Dương quý-phi biết sự thế không được nữa nhìn vua một lần chót :

— Thôi bệ hạ chịu họ đi để cứu vãn lấy xã tắc.

Và trong khi Huyền tông

gạt lệ thì Quý-phi theo gót Cao lực-sĩ bước ra một gốc cây lớn bên nhà trạm. Giải lụa đào đã kết liễu đời sống của con người đẹp. Huyền tông vật mình lăn khóc. Cao lực-sĩ ở lại lo việc tống táng cho nàng Dương.

Đặc biệt lúc này một phương-sĩ là Dương ốc-Niên có mặt ở Mã-Côi dâng lên một thứ thuốc tiên gọi là thuốc «ngọc thể lưu xuân» để trộm xác Dương quý Phi và cho nàng ngậm nhân sâm để thi thể ngàn năm vẫn giữ được xuân sắc.

Huyền tông mừng lắm cho thi hành ngay những điều phương-sĩ chỉ bảo rồi hạ lệnh tiến quân.

Binh đội được toại ý, nước lòng chống giặc và chẳng quá một tháng, quân Đường đã đánh tan giặc Hồ và trở lại kinh thành. Cảnh thái bình hoan-lạc được phục hồi như cũ sau những khúc khải hoàn ca của đoàn người chiến thắng.

Nhớ đến người xưa và ân tình còn nồng đượm vua Huyền tông lại muốn xem thuốc «ngọc thể lưu xuân» có hiệu nghiệm hay không bèn thân đến thăm mộ Quý phi, cho đào lên. Nắp ao quan mở ra, nàng Dương vẫn tươi tốt như thuở nào. Đôi mắt vẫn lim dim như người đang ngủ, cặp môi son vẫn đỏ chót như cánh hoa anh đào. Huyền tông mê hoảng, tưởng nàng sống lại, chực đưa tay xúc nàng đây. Sơ tử-khí xúc phạm đến nhà vua, Cao lực-sĩ ngăn lại và rước xa giá về kinh thành.

Từ đó dân nước thịnh dân an, những cuộc đàn sáo nhã nhạc trong năm cung son phấn không còn có ý nghĩa gì với nhà vua nữa. Ngai vẫn thấy mình bơ vơ, lạc lõng nên hàng năm phải thân đến viếng mộ nàng Dương ở Mã Côi. Mấy lần, ngai cho mở mộ nàng để nhìn mặt đều vẫn thấy nàng còn xinh đẹp như khi đang sống.

Nhưng hơn trăm năm sau, một tướng giặc tên là Mai Uyên đã có dịp tung hoành ở đất Thiểm tây, nghe người ta kể chuyện nàng Dương có phần mô ở đất nay và được «ngọc thể lưu xuân» giữ gìn được vẻ đẹp. Y tò mò muốn biết di thể của nàng ra sao cho thỏa lòng hiếu kỳ, liền mang quân đến Mã Côi đào mả nàng lên.

Tin đồn thật không sai.

Nàng Dương vẫn thêm-thiếp giấc nồng, thi thể nàng vẫn nguyên vẹn không chút biến đổi. Mai Uyên ngắm không chán mắt rồi tắm tặc khen:

— Người đẹp như thế này thì có khác gì tiên nữ chốn Diêu tri. Đường Minh hoàng suyết mất nước về nàng là đúng lắm!

Rồi y cho ba quân lui xa, sắc đẹp của nàng Dương hút y gần lại. Từ đó Mai-Uyên bị một thứ bệnh lạ, dần dần làm mất hết sức khỏe, mũm mĩm ra đầy người không

thuốc gì chữa nổi!

Mai-Uyên cũng như Dương quý phi đều đã thành người thiên cổ, nhưng cái nọc bệnh của họ còn lưu truyền đến ngay nay làm hại nhân loại vô kể!

Bệnh đó là bệnh gì?

Tên của nó được đặt ra sao?

Các nhà bác học ngày nay khổ tâm nghiên cứu đã tìm ra máu người mắc bệnh một thứ vi-trùng tên là *Treponème* nó ăn vào máu để con người chết dần. May thay gần đây người ta đã chế ra một thứ thuốc trừ sinh để giết con trùng đó nếu không, chưa biết bệnh này bao giờ mới tuyệt. Xét ra bệnh này hoành hành đã hơn 1000 năm và bao nhiêu người đã vì nó mà uổng mạng.

Rồi người ta lấy tên nàng Dương và Mai-Uyên để đặt cho nó, tức là *Dương-Mai* vậy.

«Viết theo tài liệu của *Thế Y*»
P.V.S.

Phụ-nữ Đức nghiện rượu.

● ĐỖ THỊ NGỌC DIỆP

tượng đến các cô gái Đức tóc vàng mắt xanh tha thướt bên giòng sông Danube!

ĐỨC là xứ sở của rượu bia, ở đâu và lúc nào người ta cũng có thể uống bia được. Mặc dù giá bia mới tăng khoảng một tháng nay, nhưng vẫn còn rất rẻ so với các nước khác trên thế giới. Tại Munich vào cuối tháng 9 tới đầu tháng 10 du khách từ bốn phương đổ lại rất đông để xem và dự «hội tháng mười», một loại hội phổ thông của dân chúng, ở đó có các trò chơi như trong chợ phiên, có các đồ nhậu như gà nướng, cá nướng và xúc xích... nhưng đặc biệt nhất là ở đó người ta uống bia nhiều như nước chảy trong những ly lớn hàng 2 lít, đàn ông uống đá nhiều, mà đàn bà cũng không chịu thua. Tuy nhiên hình ảnh «liều yếu đ. o. t.» của một cái ly vĩ đại dốc ngược lên uống chẳng còn thơ mộng gì đối với những ai hằng tưởng

Nhưng không phải Đức chỉ sản xuất có bia mà còn làm để tiêu thụ và xuất cảng rượu vang đỏ, vang trắng, Sâm-panh. Báo chí quảng cáo 1 cách quỵến rũ về sự «thương thức» rượu; trong các buổi họp mặt, khiêu vũ, không thể nào thiếu rượu và không phải là ít những quán bán rượu ở các thành phố. Trong năm 1968 dân chúng Cộng-hòa liên bang Đức đã chi phí 21 tỷ DM (*Deutsche Mark*.) Tiền Đức tức là trên 5 tỷ Đô la cho khoản rượu chè. Reinhold Kobelt, Chủ tịch Trung tâm chống sự nguy hại của bệnh nghiện, trong một khóa hội thảo chuyên môn về công cuộc nghiên cứu các nguy cơ của bệnh nghiện ngập ao ước

PHỤ NỮ ĐỨC

1969 tại Nurenberg đã tuyên bố hiện nay ở Cộng-hòa liên-bang Đức có ít nhất là 600.000 đệ tử của Lưu-linh và trong số đó có 100.000 người thuộc «phái yếu». Với số dân 60 triệu như thế tổng số những người nghiện rượu ở đây lên tới 10%. Tuy nhiên đó là con số chính thức mà thôi, chứ theo sự phỏng đoán của các y sĩ chuyên môn, các nhà tâm lý học, các vị tuyên úy Thiên-Chúa giáo cũng như Tin-Lành... thì con số thực tế còn cao hơn một cách đáng kể.

Đề tài của cuộc hội thảo kê trên là «Sự nghiện rượu của phụ nữ». Ủy viên thường trực của Trung tâm chống sự nguy hại của các bệnh nghiện, Werner Holzgreve, đã nhận xét rằng «hầu hết phụ nữ nghiện rượu đều uống dấm diêm và uống một mình», trái với các đấng mày râu thường say sưa cùng chúng bạn. Và các bà các cô thường uống cả các thứ rượu mạnh như cô-nhắc vốt-ca hoặc rượu trắng. Trong số nghiện, người có chồng chiếm tới 32,5% sau đó tới những

người ly dị với 29,4%. Các nàng còn phòng không chiếc bóng cũng tham dự tích cực với tỷ số 28,1%, các quả phụ thì chỉ chừng 10%. Nhìn con số thống kê trên thấy khó mà giải thích, có chăng cũng lo buồn, ly dị cũng muốn giải khây, và chưa chồng thì càng thất vọng vì chưa tìm được người hợp ý đến nỗi đâm ra nghiện ngập? Theo một số thống kê khác thì 39,2% các nạn nhân của ma men là các bà nội trợ, 25,3% là người đi làm, 19,8% thuộc thành phần thợ thuyền số còn lại là những người có học và làm nghề tự do. Người ta nhận thấy rất rõ rằng các phụ nữ nghiện rượu thường thuộc giới trung lưu và là những người kiếm được ra tiền.

Qua bản tham luận của một nhà chuyên môn, Bác sĩ Eberhardt Rieth, về «Những căn nguyên tâm lý và xã hội của sự nghiện của phụ nữ» ta nhận thấy phần nhiều họ say sưa vì những nguyên cơ tâm lý, khác với nam thường nghiện ngập do sự thương thức lúc đầu dần dần sau này trở thành



thói quen khó bỏ. Bác sĩ Rieth nói tới «cảm giác thấy không vững vàng của người đàn bà đã được giải phóng» vì họ cũng phải phấn đấu cạnh tranh sinh tồn như bất cứ ai, trong khi ở thời trước vấn đề này không được đặt ra; lúc đó người đàn bà đã có sẵn một vai trò trong xã hội cũng như trong khuôn khổ gia đình. Ý thức về tình dục của một nước kỹ nghệ và văn minh cơ khí thay đổi tự do hơn xưa, khiến nhiều người không biết cư xử thế nào cho đúng «sự thù nghịch đối với tuổi già, lòng ham muốn trẻ lại, kèm cách vượt khỏi những luật lệ của đời sống» là những nguyên nhân tìm quên trong rượu. Nhiều phụ nữ Đức đã lập gia đình nhưng ham muốn những tiện nghi của đời sống văn minh có khi quá độ, muốn mua máy giặt, máy ủi, máy rửa chén bát... và sắm sửa nhiều đồ khác nên phải đi làm thêm để kiếm tiền (mặc dù cho một đời sống tiện nghi vừa phải chồng cũng đã kiếm được đầy đủ) nên rút cục lại những bà này vừa lo chuyện gia đình, vừa lo công việc, không biết sao để dung

hòa hai đời sống khác nhau được nên cũng trở thành «mồi ngon» của men rượu. Nhiều bà khác khoảng 40, con cái đã lớn bắt đầu cuộc đời riêng biệt cá nhân, chồng đang vào tuổi thành đạt trên đường đời (1) bận tâm lo «công danh» để bà cô độc; thêm vào đó những biến chuyển của cơ thể lúc bước vào tuổi «hồi xuân» đã khiến các bà làm quen với rượu và dần dà không bỏ được.

Trái với đàn ông nghiện rượu muốn «chừa», được vợ sẵn sàng kể bên giúp đỡ khuyến khích, trường hợp của các bà theo như Werner Holzgrove, Ủy viên thường trực của Trung tâm chống sự nguy hại của bệnh nghiện, các đức lang quân thường không chịu giúp đỡ khuyến khích. Cái bi đát của các bà là hổ thẹn trước sự bất lực yếu đuối của chính mình, sợ hãi trước lời đàm tiếu của người chung quanh, vì từ trước đến nay người ta vẫn khinh bỉ

(1) Đối với người Tây phương, đàn ông vào tuổi 50 là lúc hoạt động nhất, trong khi đó bên mình sắp si 50 là đã tự liệt vào hạng già!

và ghê sợ những người đàn bà nghiện rượu.

Các nhà chuyên môn đều đồng ý với nhau rằng rượu rất hại cho cơ thể phái yếu, cho tình trạng tinh thần, làm người dờ dẩn và cảm thấy hoàn toàn cô đơn cách biệt với thế nhân. Tại Đức hiện nay có chừng trên 20 nơi chữa bệnh cho những nạn nhân của ma men. Số phí tổn thuốc thang không thôi tính ra đã lên đến trên 40 triệu D.M (trên 10 triệu Đô la) hàng năm. Thời gian điều trị trung bình cho nam bệnh nhân là 6 tháng, với các bà cần phải lâu hơn, vào khoảng 9 tháng trời. Trung tâm chống nghiện Đức cộng tác với các cơ quan đồng mục đích khác có chừng 1237 chi nhánh khuyến bảo hướng dẫn cho những người nghiện rượu với 287 nhân viên chính thức và 5000 cộng tác viên tình nguyện. Hàng năm họ phải chăm lo cho chừng 9000 thanh thiếu niên dưới 25 tuổi và gần 100.000 người khác. Trung tâm đang dự định tổ chức một chiến dịch bài trừ rượu chè, vận động tổ chức thêm nhiều

chi nhánh để công việc có kết quả hơn. Ngoài ra họ cũng đòi hỏi cơ quan công quyền tăng thuế rượu lên nữa (hiện nay nhà nước thu hàng năm một số thuế là 3.3 tỷ Đức mã tức gần một tỷ Đô la) để số người uống vì thế sẽ ít đi và đòi hạn chế việc quảng cáo những đồ uống có rượu.

Bên Việt-Nam mình không biết đã có một thống kê nào về số người nghiện rượu và số tiền chi phí cho việc «rượu chè» chưa, nhưng chắc chắn rằng số phụ nữ nghiện ngập không có, hoặc nếu có cũng rất ít. Truyền thống của các bà mẹ tần tảo, của những người vợ hiền, các bà chị đảm, của tất cả những con người một năng hai sương-mặc những bão táp nhất thời của hoàn cảnh-hy vọng vẫn giữ vẹn toàn cho phụ nữ Việt nam một hình ảnh đẹp và tránh khỏi những căn bệnh của sự phồn thịnh hời hợt (trong trường hợp này là bệnh phụ nữ nghiện rượu) tại các nước kỹ nghệ tư bản vẫn tự hào về nền văn minh kỹ thuật của mình.

ĐỖ THỊ NGỌC DIỆP
(Munich Tây Đức)

chiêm bao

Ta ngủ thiếp trên đỉnh buồn muôn thuở
Hồn miên man vào ý mộng tuyệt vời
Em diu ta vào tận vùng thương nhớ
Ôi hương tình cũng ngào ngạt chơi vơi

Rồi ngẩn ngơ một khi ta chợt giấc !

Biết chiêm bao ta chưa xót ngậm ngùi

Tiếc trong mộng chưa tỏ tình chân thật

Đề một lần tình ái được lên ngôi !

Nghe khối hồn vỡ tan từng mảnh vụn !

Hai bàn tay níu kéo chẳng nên trò

Ta gục xuống mặc cho cơn thác lũ !

Mong đêm dài dỗ lại một niềm mơ !

...Rồi mơ ước với từng ngày đeo đuổi !

Ta khó gầy trong mộng ảo mê man

Bỗng chợt thấy mình đã già trước tuổi

Ôi kiếp người là một kiếp rong hoang !

Thét rồi ta không dám nhìn thực tại

Sợ phũ phàng trong bất chợt ngừng lên

Mãi cúi xuống như một tên nô lệ !

Chỉ âm thầm nhận lệnh tựa thẳng điên

...Trong những lúc ta biết mình đã khóc

Thấy gương ngừng nên lau mặt làm vui

Muốn dấu kín một căn phần khổ nhọc

Nhưng cuối cùng vẫn héo hắt nụ cười !

NGUYỄN HỒ HOA

(Vĩnh Bình)

NHỮNG
TRUYỆN
HAY NHỨT
NGOẠI QUỐC

CASI

của IVAN TOURGUENIEV
Bản-dịch của VŨ-MINH-THIỀU

(Tiếp theo P.T 235)

Ở đây, tôi tưởng phải ngừng kể câu chuyện để giới thiệu với các bạn những nhân vật trong truyện này. Những nhân vật mà tôi đã biết.

Ô-ba-đô-ý tên thật là Ê-ga I-va-nép ; nhưng cái tên Ô-ba-đô-ý hợp với gã quá, nên gã không còn muốn gọi tên nào khác nữa. Gã vốn là đầy tớ, nay không có việc làm và mặc dầu đã từ lâu chủ nhân không còn trả lương cho gã, gã vẫn thu xếp một cách vui vẻ có lẽ để sống nhờ những người khác, vì người này trả tiền ra, người khác trả tiền rượu ho gã điều không thể giả thien được; vì tình hay nói chuyện là n nhảm, không kín đáo, những sự

thân mật làm méch lòng người, những cử chỉ hỗn loạn, tiếng cười giạt gân của gã, — tất cả những điều này chẳng sao biến gã thành một người bạn tốt được. Mọi người đều khinh rẻ gã, nhưng riêng có Di-kỳ-ba-rin có uy quyền đối với gã.

Mộ-gác chẳng có gì giống Ô-ba-đô-ý. Gã không chột mắt và tuy vậy cái tên Mộ-gác rất hợp với gã. Gã vốn là người đánh xe ở nhà một bà già và gã bỏ trốn đem theo cả xe với ngựa của chủ. Sau một năm, gã trở về, rất hối hận. Sau đấy, nữ chủ nhân lại cho gã làm quản lý và khi chủ nhân chết, gã được tặng một chứng thư giải phóng. Gã liền đi buôn và hiện nay sống về tiền lời,

I-a-ka có cái tên anh chàng «người Thổ» vì quốc tịch của mẹ, một nô lệ từ Thổ-nhĩ-kỳ đưa về Nga : chàng làm thợ trong một xưởng giấy ; nhưng về ca hát, chàng thật có tài.

Còn về anh chàng thầu khoán, quyết nhiên phải là một người thuộc giới trung lưu, cứ xét theo cử chỉ và giọng nói.

Nhân vật đáng được lưu tâm nhất là Di-kỳ-ba-rin. Điềm nổi-bật nhất, đó là cái vẻ tàn bạo cũng như thân hình vạm vỡ của gã. Vậy con người lực sĩ kia thuộc về giới nào ? Thật khó mà chỉ định được. Không thể coi gã là một kẻ tôi đòi, một người trung lưu, hay một viên chức hời hợt, cũng chẳng phải là một điền chủ phá sản ; quả thật là một người đứng riêng biệt hẳn. Một ngày kia, gã xuất hiện trong vùng ; gã ở đâu đến ? đó là điều chẳng ai biết. Người ta có thể bảo gã là một nhà quý

phái rời bỏ công việc, nhưng cũng chẳng có gì là chắc. Chính gã lại không chỉ dẫn tin gì lhem cho những kẻ hiểu kỹ về đời sống của mình, vì gã lắm lì và trầm mặc đến tột độ.

Người ta chẳng rõ gã sống về gì. Không làm một nghề gì, không đi lại thăm nom một ai trong xứ, tuy thế lúc nào, gã cũng có tiền.

Còn về hạnh kiểm, mặc dầu không ôn hòa quá đáng, gã cũng chẳng có tiếng tăm gì. Bề ngoài lãnh đạm đối với những người xung quanh, không bao giờ gã xin hỏi ai thứ gì. Di-kỳ-ba-rin, tên thật là Bè-rê-Lê-sô được

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

khắp mọi người trong vùng kinh nề mặc dầu gã không muốn. Gã hầu như kiêng không uống rượu vôn-ka, nâng nghề ca hát lên một đạo giáo chính xác. Nói tóm lại, con người kỳ dị kia giống như một sự huyền bí sống động.

Ta hãy trở lại lúc anh chàng thầu khoán sửa soạn lên hát. Chàng lim dim mắt và lên giọng khá khả ái, mặc dầu hơi khàn nhưng uyển chuyển đặc-biệt, giọng lên xuống thật dễ dàng, từ những âm điệu cao vút đến những âm điệu thấp nhất. Đôi khi chàng ngừng lại, rồi đột ngột lại khởi lên hết sức nồng nàn. Chàng có một lối đặc-biệt đối giọng, dù chỉ là một người tài tử cũng phải tán thưởng.

Người ta lắng nghe chàng và vốn biết mình hát cho những giới nào, chàng trở hết tài. Những ca sĩ tài ba không thiếu gì trong miền và những tay ở Séc-gi-ép,

trên con đường đi Ô-ren lại đặc biệt nổi danh.

Chàng thầu khoán vượt trội hẳn mình ; và tới khi diễn tấu xong đoạn chuyển âm cuối, xuất sắc hơn nữa, chàng ngả người về phía sau, mặt tái xanh, trán đầm mồ hôi, thì những tiếng hoan hô nổi dậy. Ô-ba-đô-ý nhẩy ôm cổ chàng, ghi chặt làm chàng ngộp thở ; Ni-cô-lai I.va-nô-vy mặt đỏ gay vì mừng vui như đứa trẻ và I.a.Ka kêu vang óc :

— Con người thật sáng khoái ! thật sáng khoái !

Gã nhà quê ngồi lên bàn và nói :

— Thiệt hay, quả thiệt hay !

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Ô-ba-độ-ý vẫn ôm ghi chàng thầu khoán và kêu oang oang :

— À ! chú em, chú hát thiệt hay ; chú có thể nói rằng chú hát hay ! .. Chính chú phải đoạt phần tư lít rượu ; I-a-Ka không thể so tài với chú được, tôi nói điều này đấy !

Mộc-ga nói :

— Nên để cho chú ấy yên là hơn, để cho chú ấy ngồi xuống ghế, mệt quá mà ! Còn anh, anh bám vào chú ta như chiếc lá ướt. anh khùng thật !

Ô-ba-độ-ý liền bảo chàng thầu khoán :

— Thôi, chú ra ngồi kia ; chú em, ta đi uống mừng chú đây ; .. chú thết ta chứ ?

Anh chàng thầu khoán gật đầu, và sau khi ngồi xuống, chàng rút chiếc khăn tay nhét trong mũ ra và lau mồ hôi trán.

N.cô-lai I-va-nô-vỹ nói về hòa nhã :

— Chú hát tuyệt hay — Bây giờ đến lượt anh, I-a-Ka, nhưng đừng có bối rối, chúng ta sẽ xét đoán. Chú thầu khoán hát hay lắm.

Mụ Ni-cô-lai nói thêm và mỉm cười nhìn I-a-Ka :

— Được lắm !

Gã nhà quê ngồi gần tôi rống lên tỏ dấu hoan nghênh :

— À ! À !

— À ! chú đầu vương, Ô-ba-độ-ý kêu chỉ gã nông dân cho các người khác biết, cưới hông hông, chú đầu vương, chú lại đây làm gì thế ?

Gã nhà quê khốn nạn, quá hãi sợ, đã đứng dậy đi, Di-Kỳ Ba-rin, giọng oang oang quát :

— Con vật ác hiểm !

Ô-ba-độ-ý ấp ứng :

— Tôi.. tôi chẳng làm gì ; đó chỉ dễ..

Di-Kỳ Ba-rin nói giọng sách dịch :

— Hãy im... I-a-Ka bắt đầu đi.

I-a-Ka nói, hăng giọng :

— Tôi sợ... tôi không biết tôi có gì, nhưng..

Di-Kỳ Ba-rin nói tiếp :

— Thôi, bây giờ anh khỏi phải sợ nữa, Thôi, anh hát đi, chúng ta nghe đây.

Và gã chăm chú.

✱

I-a-Ka không đáp, nhìn xung quanh mình, rồi chàng lấ tay dấu mặt. Mọi người đều chăm chú nhìn chàng, về bản khoán, và cả anh chàng thầu khoán mà từ trước đến giờ tỏ ra vui mừng tin tưởng cũng cảm thấy lo ngại. Chàng ngồi, nhưng bất động. I-a-Ka mở bàn tay để lộ mặt ra ; chàng

tái mét và mặt cúi xuống. Chàng thở dài và bắt đầu... Thoạt đầu người ta nghe không rõ, tiếng hát đầu thoát ra yếu ớt và nghẹn ngào ; tiếng hát thứ hai vững chắc hơn rung động như một sợi dây vĩ cầm còn ngân nga ; giọng hát vững mạnh thêm và chàng bắt đầu bài hát Nga chứa chan sâu thẳm :

Còn biết bao con đường mòn nhỏ chạy ngang cánh đồng...

Tất cả thính giả đều xúc động và tôi cũng chia sẻ xúc động này, vì chưa bao giờ tôi được nghe một giọng cảm động như thế ; giọng hát vừa nồng nàn say đắm vừa thiết tha là lướt. I-a-Ka càng

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

phấn khởi, giọng không run nữa; ngọn lửa tình thêm sinh khí, truyền cảm mau lẹ tâm hồn các thính giả. Giọng hát khơi gợi trong lòng tôi cả một thế giới xa xưa đầy kỷ niệm.

I-a-Ka như quên có chúng tôi ở đây; chàng hát và bài ca của chàng menh mông hùng vĩ tưởng như hình dung chân trời các cánh đồng cỏ bao la của chúng tôi. Mỗi xúc động càng truyền cảm chúng tôi mỗi lúc mỗi nhiều, và tôi thấy nước mắt mình trào ra, khi có tiếng thốn thức khiến tôi quay đầu lại; đó là mục Ni-cô-lai khúc, đầu tựa vào khuôn cửa sổ I-a-Ka cũng nghe thấy thốn thức này và giọng chàng càng thấm thía ý nhị. Ni-cô-lai I-va-nô-vy đầu gác xuống ngực. Mộ-gác nhìn phía khác; và Ô-ba-độ-ý ngồi bất động, vẻ cảm xúc, mồm há hốc. Anh bạn ngồi gần tôi, gã nông dân áo rách, càng cúi rúc sâu

vào xó cửa, ấp úng nói không ra tiếng. Di-Kỳ Ba-rin cau mày và cố giữ cho nước mắt khỏi chảy; anh chàng thầu khoán ti trán vào tay và ngồi không cựa quậy. Cuối cùng tôi không hiểu chúng tôi cảm động đến mức độ nào, nếu I-a-Ka không đột ngột ngừng hát, tưởng như giọng chàng thiếu hụt. Không ai nói gì, người nào vẫn ngồi nguyên chỗ ấy, tưởng như chờ đợi chàng sẽ hát nữa... Nhưng chàng nhìn khắp phòng về bản khoán, sững sốt về sự yên lặng của chúng tôi. Chàng nhận thấy ngay là thắng lợi về chàng..

Di-Kỳ Ba-rin kêu :

— À ! I-a-Ka !

Gã đặt tay lên vai I-a-ka và im lặng.

Không ai cựa quậy. Sau anh chàng thầu khoán đứng dậy và đến gần I-a-Ka, nói về khó nhọc :

— Anh là người thắng độ-ý không ngờ nói :
cuộc.

Rồi chàng hấp tấp đi ra ngoài quán.

Chàng vừa đi ra thì hứng thú cũng tiêu tan và tất cả mọi người đều nói một lúc. Ô-ba-độ-ý nhẩy dang hai cách tay như cánh cối xay; Mộ-gác chạy lại ôm hôn I-a-Ka. Ni-cô-lai I-va-nô-vy đứng dậy và long trọng tuyên bố là chàng mời tất cả mọi người ly thứ hai. Khuôn mặt Di-Kỳ Ba-rin rạng rỡ một nụ cười hiền hòa kỳ dị tỏa ra trên vẻ mặt thường ngay cần côi. Còn chàng nông dân ngồi gần tôi đưa tay áo lên nhắc đi nhắc lại :

— Cái đó thật hay; có ai dám lo tôi là không hay !

I-a-Ka vui mừng như trẻ thơ; mắt chàng long lánh, khuôn mặt rạng rỡ. Người ta kéo chàng đến quầy hàng; chàng muốn cho người ta đi tìm anh thầu nướng gã đã đi khổ. Mọi người bắt đầu uống Ô-ba-

độ-ý không ngờ nói :
— Chú em, chú sẽ hát nữa, chú hát đến đêm khuya..

Tôi rời quán rượu, nhìn I-a-ka lần nữa, mang theo những mối xúc động êm dịu mà giọng hát của chàng đã khơi gợi cho tôi. Sức nóng còn oi ả, ở chân trời. Một làn bụi mịn nhỏ và sáng rực nổi hạc trên nền trời xanh thẫm. Cảnh yên lặng nặng nề đè trĩu lên tạo vật. Tôi đến một kho chứa, nằm dưới trên rơm mới cắt. Tôi không ngủ được, tưởng như còn nghe thấy tiếng hát êm ái của I-a-ka; tuy vậy sức nóng và sự mệt mỏi cũng thắng thế và tôi thiếp ngủ.
Khi tôi trở dậy, đêm đã đến; rơm thẫm sương tỏa

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

lên một mùi thắm thía. Qua những khe hồng mái nhà, người ta trông thấy một vài ngôi sao lóng lánh; ở chân trời những ánh dương cuối cùng mờ hẳn, nhưng sức nóng ban ngày còn vương trong cảnh mát dịu ban đêm. Bầu trời xanh thẳm, không một đợt mây vẫn đục màu thiên thanh và hàng ngàn tinh tú lấp lánh trong cảnh bao la cùng thẳm. Trong làng ló lói một vài ánh sáng. Một tiếng thì thầm từ quán rượu vang lên và tôi tưởng như lại nghe thấy giọng hát I-a-ka. Tôi tiến lại phía quán rượu, rồi áp mặt vào kính cửa, tôi nhìn vào trong và đây là cảnh tôi được mục kích. Mọi người đều say, I-a-ka cũng như những người khác. Ngồi trên một chiếc ghế dài, áo lót mở rộng chàng hát giọng khàn khàn, lựa theo tiếng lục huyền cầm. Mờ tóc của chàng ướt thắm mồ hôi, bù xù rơi xuống khuôn mặt xanh xao. Ô-ba-dô-y ở giữa

phòng đang nhẩy xuống đến rời chân tay, trước mặt gã nông dân rách rưới. Anh chàng này, với tiếng cười ngu xuẩn, đang tìm cách bắt chước nhẩy theo, nhưng chân y run lập cập. Mồ-gác, ngồi trong một góc, mặt đỏ gay như con tôm luộc. Riêng có Ni-cô-lai I-va-nô-vy vẫn điềm tĩnh. Một vài người khách mới vừa đến, Di-ky-ba-rin đã đi khỏi.

Tôi rời cửa sổ và vội vã từ ngọn đồi đi xuống cánh đồng rộng, giải dài ở phía dưới. Màn sương bao phủ cánh đồng, lùi giới hạn đến tận chỗ cùng thẳm, hòa lẫn với trời, và đêm tối mịt mù, khi tôi đến ven rừng, gần làng tôi, cách Kô-lô-tốp-Ka bốn dặm.

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUY

Tình Thánh

○ SAO TRỜI

CHUYỂN phi vụ mới nhất làm anh vui nhiều vì cuộc oanh kích tốt đẹp hoàn toàn theo ý muốn. Chiến thắng bên thềm Giáng-sinh này khiến tụi anh thấy phấn khởi lạ. Tiếng Phong trong máy :

— Thiên Hà ơi, tôi có nghĩ đây là dấu tốt cho mình không ?

— Mạnh đi ấy chứ lì... Mà này Phong, cậu nhớ cho nhiều mắt thần thám thính phòng tụi nó giờ trò pháo kích bậy bạ nhé. -
Nhắc đến anh lì thấy nóng mặt. Đánh đấm gì dai như đĩa dôi. Thua đến chân còn cứ cố lì rồi nhè dân mà tiểu ngạo giang hồ ! Sư tụi nó chứ.

— Tôi nói cái gì đó ?

— À, không... Đả đảo cộng

sản ấy mà.

Thành phố đã tấp nập rồi ! Mùa giáng sinh tại miền Tây trừ phú này thật vui vẻ. Anh thay vội bộ đồ rồi rời phi trường tiến về phía thành phố... Noel đối với anh là tất cả hình ảnh êm đềm. Anh nhớ mãi những lần vui sướng trong chiếc áo pardessus mới, khăn quàng cổ còn thơm mùi len, hí hửng nắm tay mẹ đến nhà thờ chánh tòa Hà-Nội. Mùa đông đất Bắc lạnh hơn đây nhiều và Giáng sinh được mừng rầm rộ hơn với tiếng sấm, chim hót gà gáy, thanh la náo bạt v.v... vào cúng giờ Chúa Cứu thế Giáng sinh... Rồi chính trong Noel anh đã gặp em cách đây bốn mùa đông, lần về xóm Đạo thăm người chị.

Như một lần điện ? -
không văn hoa lắm đâu -

một tiếng sét ? Có lẽ cả hai khi thấy em lần đầu tiên trên sân khấu (Buổi tối ấy hội đoàn em trình diễn vào nghệ sinh nhật) Em khi đó : kiều diễm nhân từ trong vai Mẹ Maria và Chúa Hai thì nơi mang cổ. Em mang nét sâu thẳm như tượng Pietà trên đống tống sang Ai Cập và giọng hát thánh thốt êm dịu của em đến bây giờ như còn phảng phất đâu đây... Những ngày phép trôi qua thật nhanh nhưng từ đó cái xon đạo hiền hòa của em đã kéo bước chân anh lại. Không còn những chiều bát Bonard, Ngụ ễn Huệ. Không còn cùng tình nhân phóng xe vun vút trên xa lộ hay chui vào Rex, Diên Hồng, Đại-Nam... Tình yêu đến thật bất ngờ ! Nó khiến anh coi thường tất cả những cô gái mình đã ôm trong tay ; Nhàm chán những đêm dạ vũ men rượu mềm môi bên tiếng nhạc quay cuồng, những sông bạc... Tất cả ? Tất cả xin giã biệt vĩnh viễn ! Thế nhưng em đã từ chối lời cầu hôn của anh. Thoạt tiên anh có ý nghĩ em đã so sánh ba bông mai trên cỏ áo anh với cái bằng docteur của

thằng cha trẻ tuổi thường cho người sang biểu xé thây mẹ em ? Hay xừ kỹ sư mới từ Sorbonne về ? và một lũ những bằng cấp khác... Sau này khi trở nên thân thuộc với gia đình em tôi mới biết là sự theo đuổi của mình chỉ là vô ích. Tuy thế tình yêu cũng đã khiến anh trở lại với thời đạo đức của thuở bé thơ. Việc «trở lại» ấy khiến tụi bạn có lần gọi anh là : «Pilot Thánh». Anh nhún vai mỉm cười, không buồn giải thích... Với em, dù khó khăn đến đâu anh cũng sẽ làm được tất cả kia mà.

Không phải là sau khi nhìn cuốn I hánh kinh của anh em gặp những dòng chữ :

*«... mình cha ! Lẽ sống êm
đêm con mến thương
mình Cha ! Hạnh phúc con
mến tin hết lòng.
Chúa là gia nghiệp đời con.
Là Cha nhân ái
nguồn mến yêu, nguồn sống,
hy vọng của con.»*

mà từ lâu anh đã biết rất rõ tâm

hồn em không thuộc về dương trần — Nhưng vẫn phải ngỡ ngàng bàng hoàng khi hay tin em vào tu viện. Buổi chiều đó, lang thang như không hồn anh dừng lại rất lâu trước tu viện hy vọng gặp em... Buồn thay bức tường đồng cao quá và cánh cổng sắt thì đóng chặt.

Em có buồn lắm không ? Nếu anh thú thật là đã mừng rất nhiều khi vì sức khỏe quá yếu ớt, em phải tạm rời nhà dòng về nhà dưỡng bệnh. Anh gặp lại dung nhan khá ái ấy, vẫn những nét bình an không thoáng ưu phiền. Và em khẽ mỉm cười khi nghe anh cho rằng :

— Chúa đã định em một con đường khác rồi đây.

— Ô ! Thế ư ? ... Nhưng anh ơi, Giu Xê đã thử I hánh Gióp mấy lần hỏi anh ? — Giọng em thật êm ái : Tất cả những gì mình có đều do Chúa ban, tiếc điều là tài ba, nhan sắc cùng với thế gian chỉ là giả trá hết. Mấy chục năm sau thôi chúng mình đâu còn như thế

này nữa anh nhỉ.

Nhiều khi lặng ngắm, anh tưởng em như một nàng công chúa ? Một nàng tiên hay muôn loài hoa kết lại ? Nhưng hơn tất cả ! Em là một Thiên Thần. Thiên Thần với cả hai ý nghĩa : thể xác lẫn tâm hồn. Cái ý nghĩ chỉ cần nhìn bức ảnh Thánh Thérèse de l'Enfant Gesù thôi cũng có thể vẽ được dung nhan em rồi khiến anh thăm tiếc số mình không là nhà họa sĩ thật điêu luyện — dù là chỉ tài họa khí họa chân dung em — Anh nhớ một đêm theo thức không ngủ được. Đồng hồ điểm ba tiếng, bỏ ra ngoài đi bách bộ dọc theo đường. Ngang nhà em không hiểu sao anh ghé mắt nhìn vào — Và đã thấy gì ? Em đang quì nơi nền gạch trước bàn thờ, sốt sáng lẫn hạt. Ngọn đèn vẫn thật nhỏ nhưng cũng đủ thấy đôi mắt nhưng dịu dàng nhìn lên ảnh thập tự, lóng lánh như hai vì sao sáng nhất. Bức tranh đẹp để ấy khiến anh xúc động đến quên rằng mình đang có hành động như một tên đạo chích ! Và đứng như thế mãi.

Xin đời xuống tay để trốn một thực tại ưu phiền. Nhờ cái có phải đi chuyên ấy mà G.áng sinh năm ngoái được đưa em đi lễ — Tuy là đi bên nhau nhưng luôn luôn phải có một khoảng cách giữa chúng mình — Đêm ấy máng cỏ đẹp quá, mình quì trước hang đá theo ý thích của em. Và câu tiểu khúc đã làm nước mắt em ràn rụa, anh nhớ như thế này :

«Nào đâu những lâu đài
nguy nga ?

«Nào đâu những cung điện
lệ hoa ?

«Lạy Chúa ! Bởi vì yêu
chúng con

«Chúa nay sinh xuống nơi
khổ hèn,

.....
Mình đi ra ngoài và dừng lại bên đài Đức Mẹ. Một lúc, rồi đôi môi nhỏ run run : «Chúa Giêsu ! Chúa Giêsu !... Anh Hà ơi anh có có yêu Chúa không ? Anh có yêu Chúa thật nhiều không hở anh ? »

Anh đứng bất động nhìn những giọt nước lăn từ từ trên gương

mặt dịu hiền. Giọng em như một làn gió thoảng : «Mỗi người chỉ có một con tim và khi đã yêu ai thì không bao giờ nó còn có thể xao xuyến vì bất cứ gì phải không anh ? »

Không trả lời anh lặng lẽ tựa lưng vào gốc thông, khoanh tay ngược nhìn bầu Trời, lấp lánh sao : Lòng mình cũng in tron vẹn một người rồi và mình cũng chỉ có một trái tim thôi.. Các vì sao trên cao như thồn thừ có lẽ vì anh quá chú quan(?)... lòng với tâm tư đang nhỏ từng giọt ! từng giọt phiêu muộn chầu xuống hồn ...Ồi ! Những mối tình đơn phương ! Những mối tình thiên thu bất diệt nhưng ngàn năm xa cách..

Nhiều lần đơn độc trong đêm, bên cánh sắt và bầu Trời. Nghĩ đến giấc ngủ yên lành có ước mơ cao cả của em !Nỗi buồn mênh mông uả vào ngập hồn nhưng sau đó một chút kiêu hãnh lại bắt đầu nben nhúm trong tim. Khiến anh thắc mắc không hiểu mình đã đạt được mức độ cao nhất của tình ái chưa? Tức là chỉ.

cho người yêu hạnh phúc và không nghĩ chỉ đến mình... Có lẽ là chưa vì đôi khi anh cũng «hơn» với Thiên Chúa ; vì tình yêu em đã trọn vẹn dâng cho Ngài. Một bạn thân, trong lá thư cách đây không lâu cho anh có viết đoạn này :

«... Dù mới ra trường, với số tuổi còn quá trẻ. (Lại nhớ câu nói của anh : « theo ý anh. Chỉ một nụ cười, một ánh mắt nhìn của D.ễm thôi.. cũng đủ cho ông Chánh án, gặt đầu và cả guyên cáo lẫn bị cáo mê mẩn đến quên hết hận thù đời, cần gì phải biện hộ nữa »

Khéo nịnh lắm nghe hên ! Nhưng hồng thềm đâu à nha.) Đùa vui vậy, nhưng như anh thấy đấy, D.ễm đã thành công, đã chiếm được sự tin cậy của rất nhiều người. Thế mà lại thất bại khi tìm hiểu anh đấy. Nhưng năm về ước, hồi còn là một sinh viên với ba áo đồ trên túi áo blouse anh đã để sâu khổ biết bao là tìm các cô. Đạo ấy mỗi lần đi... cho leo cây chẳng hạn như những buổi hẹn đi pic-

nic chiều thứ bảy ấy... Diễm ghét anh ghê luôn vậy đó... Rồi vào lính, anh cũng vẫn không bỏ được cái tính đùa giỡn với ái tình, thân nhiên trên sự đau khổ của những người yêu anh.

«Anh đã được quá nhiều. nhưng vẫn chưa phải trả một chút gì cả ? Tại sao thế ? Có phải vì khi tạo nên anh, Thượng-Đe đã quên lồng vào một trái tim, phải không Thiên-Hà?...»

Anh nhếch môi cười, hơi chua xót, khi đọc những giòng ấy. Nhớ đến lần hỏi em một câu đố khá như vậy và em khẽ nghiêng đầu, mở tròn môi mắt : «Ồ ! Tại sao lại không ? Anh quên rằng Chúa đã nói phải yêu nhân loại như chính bản thân sao ? Em yêu tất cả mọi người vì, có yêu đồng loại mới yêu được Chúa cơ mà.» Câu trả lời đã lệch lạc hẳn vấn đề. Vô tình hay hữu ý đấy hở em ? Tuy nhiên anh có thể tin chắc chắc là lời nói đó không hề tương phản với tâm lòng của em nên mãi mãi, vẫn xứng đáng để anh đặt hàng đầu trong thương nhớ.



Trời miền tây mây xám hay giăng thành. Những chiều mưa tầm tã quả làm anh phải bận rộn trên chim sắt! Trời tiết xấu khiến phi xuất mất hứng thú rất nhiều. Nhưng anh cũng ưa thích ngồi hàng giờ lặng ngắm mưa bay. Nhìn phi đạo trải dài, trắng xóa dưới làn nước nhỏ về xóm đạo thân mến. Đến ngôi trường to lớn em học, có các nhánh đi ép che rợp cả sân trường và Thánh đường trang nghiêm cạnh đấy, nơi mà những giờ ra chơi em vẫn vào viếng Chúa Thánh-Thể. Đến màu áo trắng độc nhất và mái tóc mềm mượt phủ che hơn một nửa thân hình... Mỗi khi có một đàn chim vút qua, anh lại nghĩ đến chú chim nhỏ bé đơn độc trong

mưa, bay vội vã đến tháp chuông trong bức họa «Mưa trên cung Thánh», mà em đã vẽ vào những ngày cuối mùa mưa. Bức tranh rất đẹp, nhưng thật buồn vì vẻ cô đơn của ngọn đèn chầu trong ngôi Thánh đường quanh hiu hắt đạm ấy.

Mùa đông có gió rét. Những làn gió thổi về thật mạnh nơi miền tây màu mỡ này nên mỗi lần bay khăn quàng cổ phải dày hơn nhiều. Mùa đông khiến anh nhớ những chiếc áo len màu thiên thanh em may cho các trẻ em nơi viện mồ côi mỗi khi lá vàng thổi rơi với những cơn mưa dầm vắng; Những chiếc áo xinh xắn như người may nó vậy. Buổi chiều thoảng có một vài cơn mưa nhẹ. Anh thường

TÌNH HỒI ĐÀN NHỮNG BẢN THÁNH CA VÀ

đôi khi, em khe khẽ hát theo. Những phím ngà reo dưới đôi tay át bản các làn gió đang lên tìm cách lọt vào qua cửa sổ... Và mùa đông, anh nhận được thư em. Lá thư đến ngoài sự mong ước khiến anh quá ngỡ ngàng; Cho đến khi nhân viên đài kiểm soát lên: «Thưa đại úy, phi đội đang chờ lệnh. Sửa soạn cất cánh chưa ạ?» mới hay rằng mình đã quên tất cả.

Đêm đông miền Nam chưa bao giờ cho anh thấy lại hình ảnh giá rét của Hà-Nội! Nhưng chạm Scorpion với cái móc dễ thương thì vẫn thân thuộc ở hai phương Trời. Dù bất cứ đâu anh cũng thấy vui về khi ngắm nó, như suốt đời vẫn nghe lòng dạt dào say mê trước Tổ Quốc với không gian vậy... Lá thư đọc bao nhiêu lần rồi nhưng vẫn còn muốn xem lại mãi:

«Anh thân mến trong trái tim Cháu Giêsu!

«Noel lại trở về với chúng ta! Mùa yêu thương, mùa «hồng phúc»... Ồ hân hoan

«khi muốn cùng với anh, chúng ta suy niệm về một mẫu nhiệm thể hiện tất cả tình yêu! Mẫu nhiệm nhập thể: «Ngôi Hai đã xuống thế làm người»... Anh có vui lòng không nào?»

«Em vừa qua một cơn bệnh khá nặng; Chắc anh không lạ gì chứng đau ruột của em nhỉ? Anh biết không, mừng sinh nhật Giêsu em đây.

«Giáng-sinh là mùa hoan lạc. A! Em cảm thấy đúng quá! Bên tai em thoảng thoảng những cung giọng đàn dương của các Sé-ra-phim, Kê-ru-bim hòa với «ca đoán Thiên quốc cùng tiếng đàn reo rất tung hô Chúa. Anh có cùng nghe «thầy với em không? «Gloria in excelsis Deo...» có thấy «bình an tràn ngập tâm hồn «không? «et in terra pax hominibus bonae voluntatis...» Và nhất là, có nghĩ «tên tâm tình Vua, muôn loài «đủ danh cho ta không?»

«Anh khả ái!

«Trong mùa bình an này, em cần xin cho anh; cho các người lính chiến đấu vì tự do khác và cho hòa bình «Tổ-Quốc. Em mơ đến một mùa Giáng sinh mới mà khi đó các tầng Trời mở rộng. Có các Thiên Sứ, những đấng Thánh, có em «Voi những người làng và cả anh nữa, ca hát lên ngai Chúa. Minh sẽ tung hoa xuống khắp nơi. Anh biết hoa gì không? Đó là hoa tình yêu, hoa hạnh phúc, hoa bình an, hoa Thánh «sủng... đấy! Thế anh có cùng mơ ước đó với em không?

«Xin Chúa hài đồng và Mẹ đồng trinh ban phúc cho anh. «Chúc anh một mùa Noel «đầy vui vẻ. Em dừng nơi đây, nhé.»

Một ngày, một năm, một đời người... trôi nhanh như giấc mơ — Thật phù du. Nhưng tình yêu thì tồn tại và đẹp mãi mãi. Thế nên anh vẫn thích những buổi chiều êm

ả, lắng nghe lòng nao nao khi băng khuâng nhìn theo một cánh én đơn độc vút bay về phương Trời xa thăm — mà nơi đó có em — Thật ra thì đối với các anh — những người bạn của không gian — Hình ảnh các đôi cánh nhíp nhàng bên cánh bằng lướt trong gió quả thân thuộc như ngàn áng mây lơ lửng hay muôn vì tinh tú tô đẹp bầu Trời. Nhưng anh vẫn ước mong một ngày đẹp nắng nào, có đàn én đến báo cho hay rằng mùa xuân sắp trở lại với anh rồi... Mỗi bận tâm về em nhiều khi khiến anh cau mày: Mong đẹp chỉ còn là ảo ảnh thì lưu luyến nữa mà chi? Anh sinh ra đâu phải để mãi bán khoán về một chuyện tình không mong hẹn ước này?...

Có lẽ vì từ muôn thuở, bao giờ con tim cũng có cái lý lẽ của nó để bắt mọi người phải nghe theo. Và nhân loại đã từng yêu, từng đau khổ... Như mãi mãi còn yêu còn thương vậy.

Đêm nay giữa sóng người rực rỡ mà hân hoan hiện trên từng nét mặt! Từ chối tất cả lời mời

của bạn bè về bữa Réveillon, anh lang thang tìm về những kỷ niệm thật dịu dàng với em trong khung Trời nhỏ nơi miền xứ Đạo. Nhớ lúc nắm đôi tay có những ngón thon gầy xanh mượt nắn nét đường kim thêu, trang điểm chiếc áo của tượng Bambino Giesu. Hay bên máng cô nghe em nói chuyện các Thấu, hoặc đọc cho cả nhà nghe: «viếng thăm Thánh địa» trên trang sách báo. Nhớ con đường ngọc là vàng từ Thánh đường đến nhà em hường chênh vênh quá dài; Nhưng lần đưa em về trong đêm Giáng sinh ấy, anh thăm tiếc sao thời gian không ngừng lại và đường đi thì lại ngắn hơn bất cứ con đường nào... Nhớ đôi mắt mở to của em chú khi anh nhắc lại mùa Noel thuở ấu học. Điều này khiến những lần ra oanh tạc miền Bắc, anh chỉ muốn tách rời bay đi quan sát lại cố hương để bỏ mắt trong xanh đó còn rạn rở nét vui thích đến muôn lần...

Em nhé, hãy giữ mãi tâm tình vui vẻ trong đêm Uy linh này nghe em. Âm thanh bản nhạc

Giáng sinh êm đềm vọng vào tai. Ánh đèn màu lộng lẫy giăng đó đây và trên không ngàn sao đang lấp lánh. Bây giờ gió rét có lửa về xóm Đạo nhiều không hở em? Tây đô trở lạnh nhưng đêm Thánh vô cùng này có một mùa thương nở hoa, nở hoa nơi trần gian trên Thiên quốc và trong hồn. Anh muốn gom các tinh cầu trong vũ trụ cùng với muôn hoa kết thành Vương niệm cho em! Muốn thu tất cả nguồn ánh sáng khắc tên một người. Và lấy hết ngọc châu để dệt cùng sợi tơ trời, kim tuyến thành áo trắng — mầu trắng thân mến — tặng người yêu dấu ngàn đời...

Dừng lại trước Thánh đường tòa Giám-Mục. Cúi nhìn đồng hồ: mới hơn mười giờ nhưng nhà

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

Thờ đã thật đông. Tiến đến gần hang đá! Anh muốn nhớ lại lần gặp với em bên máng cỏ ngày nào... Và, anh hát khe khẽ: «Stille Nacht. Heilige Nacht. Alles schlaegt, eu sam wach nur das traute hochheilie Paar...»

Những ngôi sao trong hang đá chợt như tỏa sáng. Đôi mắt Chúa Hải-đồng chắc đang triệu mến nhìn anh, hai tay Ngài giờ ra thật rộng.. Trong phút giây, anh chợt quên tất cả. Lắng nghe bình an len nhẹ nhẹ vào hồn, anh mơ hồ thấy em, kiêu diễm thánh thiện,



● Học tiếng Pháp.

Thầy : Café là gì ?

Trò : Dạ, café là cà phê ạ.

Thầy : Tốt. Convoi là gì ?

Trò : Dạ, convoi là... là... con voi ạ.

Thầy : Ngu như bò!

đang cất cao giọng giữa các Thiên-thần. Áo em trắng như hồn em trinh trắng như tình anh hoài trọn vẹn thiên thu... Tiếng hát em thánh thót và em đã đến muôn đời:

*Gloria in excelsis Deo
et in terra pax hominibus
bonae voluntatis.*

*Landamus te
Benedicimus te
Adoramus te*

.....



HONG-HÓA MIỀN BẮC

Hưng... Hóa-vàng... phai!..

● CAO-NGUYỄN-LANG

như truyện kể.

H I còn ở quê nhà suôi, tôi từng được rất nhiều chuyện rừng. Những chuyện nhiều tính chất quái như : Ma cà Rồng, chuyện Chài ngải, chuyện con suối độc lợi qua hết lòng chân, chuyện con hổ ăn thịt người thành yêu v.v... và v... Nhưng, tôi vẫn thèm, và thèm cảnh hùng vĩ của núi rừng.

Vào những ngày nghỉ hè, tôi cùng với một số bạn hữu, đạp xe đạp đi cả mấy chục cây số, vào Chi-Nê, hay rừng Sở-Kiến tắm suối, ngắm cảnh núi rừng.

Trước mặt tôi chỉ thấy những hình ảnh thơ mộng hơn là những bí-ẩn, ma-quái

Thời kỳ kháng-chiến, tôi từ khu 3, ngược về vùng Việt Bắc [qua, Hà-Đông, lên Sơn-Tây, là cái quang cảnh núi rừng bắt đầu hiện ra rồi. Những ngày đầu, tôi thấy thú-vị lắm. Từ một viên đá, một hòn sỏi, hay những cánh đóa hoa sim chạy dài... Tất cả đều thi-vị, hấp-dẫn, như những ngày thơ ấu, tôi phải lặn lội đạp xe đạp cả mấy chục cây số, đi Chi-nê, đi Sở-Kiến, chỉ thường ngoạn được vài tiếng đồng hồ rồi lại trở về.

Cái cảm-giác đẹp đẽ ấy, quả thật, nếu chỉ được ngắm qua, rồi trở về, thèm thường như thời kỳ thơ ấu, thì có lẽ nó còn đẹp mãi. Nhưng, cuộc phiêu lưu đường rừng của tôi, lần này, lại quá dài.

nên chỉ sau mấy ngày ngấm đã mất, tôi lại nhớ miền xuôi: nhớ những lũy tre xanh, những cánh đồng bát ngát, thẳng tắp đến chân trời... Ở đây, xung quanh tôi, chỉ có rừng và núi. Tất cả, chỉ là rừng và núi! Tầm mắt tôi bị bao vây từ phía.. núi rừng!.. Vào lúc hoàng hôn buông xuống những lớp sương mù dày đặc phủ kín, lạnh lẽo, hoang vắng một cách kỳ lạ. Buổi nhất đêm khuya thức giấc nghe tiếng chim: «*Bắt có trói cột. Hà Giang Bắt Mực...*» sao nào nề!

Lên đến Trung Hà, rồi qua Hưng Hóa, tôi bắt đầu tuyệt vọng, và sợ hãi thật sự. Một đêm ở Hưng Hóa, tôi trọ trong gia đình một người kiuh lên đây làm ăn đã lâu. Ông ta hỏi tôi:

— Chắc cậu lên Đồn Vàng?

— Vâng, tôi sẽ ở Đồn Vàng.

Ông ta lắc đầu nhìn tôi

— Nước ở đây còn đói hơn đây nhiều. Tôi thấy ở nhiều người bỏ ngũ ở Đồn Vàng một đêm, về ngã nước bưng beo, chữa chạy cả năm không khỏi.

Tôi hỏi ông ta:

— Tôi thấy những người kinh lên đây buôn bán khá đông. Hầu hết đều khá giả. Không biết Đồn Vàng có nhiều người kiuh hông?

— Tương đối ít hơn ở đây phần đông cũng khá giả vậy. Nhưng đất.. tình lắm! Nếu cứ ở hoài thì khá đấy. Nhưng hề ra k ở là tự nhiên nó tuột đi dần hết. Bởi thế, mới có câu: *Hưng thì Hưng.. hóa - Vàng thì Vàng phai* — *Hưng hóa* là ở đây. Còn «*Vàng -*» là Đồn Vàng, nơi mà cậu sắp lên đây!

Đồn Vàng là quận lỵ của Châu Thanh Sơn, Phú Thọ, có con sông Bứa chảy qua.

Con sông này nước đục lờ như màu lá chết.

Khi đến đây, cái quang cảnh Đồn Vàng thật hoang sơ. Chỉ rải rác mấy quán nhà tranh buôn bán. Dân cư phải sống chui nhủi trong những «lán» ven rừng.

Dân địa phương hầu hết là người Mường. Những cô gái Mường về cách ăn mặc, tuy không diêm dúa như gái Thái, Song khá duyên dáng và đẹp. Đặc biệt trước dân ông, các cô rất bạo.

Tôi còn nhớ, khi mới đặt chân đến Đồn Vàng, mỗi lần đi tắm là mỗi lần tôi cực khổ hết sức. Ở đây, có một bến tắm ngay bên bờ sông Bứa, trên tấm mảng ghép bằng những cây nứa, không lấy gì làm rộng. Cả đàn ông cả đàn bà tắm chung ở bến này.

Ông cô gái lại quen ruộng, không cần che nắng, dù trước mắt đàn ông.

Vì chưa quen cái tập-tục này nên mỗi lần xuống tắm thấy các cô đông quá.

Cô ấy trần trụi như không - tôi mặc cỡ xoay dầu chuồn lẹ. Lần khác cũng vậy. Các cô thấy thế cười um, rồi liu-liu nói với nhau bằng tiếng Mường-Chắc các cô bàn tán: «*Thằng này là «cá» miền Suối mới lạc lên rừng!*» — Quả tôi «cá» thật! Bởi thế, cả tháng, tôi không sao rình được lúc nào vắng để tắm. Nói thế hơi quá, mà nhiều khi, thấy vắng tôi chỉ vừa mới ngâm được mình dưới nước, thì lại có một bà hay một cô ra, cởi áo, tuột «khuầy» tở-hồ.. thế là tôi lại đành dọt lên, quơ quần áo mặc, chuồn thẳng!

Tuy nhiên! rồi lần lần cũng quen. Một vài người bạn «kinh» ở đây dạy tôi kinh nghiệm đối phó với sự dạn dĩ của các cô thuộc sắc dân địa phương. Nếu tôi muốn

đuôi khéo, không cho các cô được tắm thoát y nơi bến tối tăm — Thật dân dị: Tôi chỉ cần chịu khó lội lên phía trên giòng nước vùng vẫy kỳ cọ là các cô chạy ngay. Bởi vì, tuy bạo dạn, nhưng các cô rất e dè tắm cuối dòng nước, phía trên có anh đàn ông tắm rửa, kỳ cọ.

Như thể nước chảy xuôi, sẽ đem hơi hương của người đàn ông nhiễm vào thân thể các cô, cũng kể như bị xâm phạm tiết hạnh vậy — Xét ra hơi vô lý! Nhưng đó thuộc về niềm tin có tính cách tập quán của người Mường, và một vài sắc dân thiểu số Bắc Việt.

Trở lại, trong số những người kinh ở Đồn Vàng, bà Tổng Tứ được kể như giàu nhất.

Sự giàu có của những người kinh giữa những lớp người thiểu số, cũng không

có gì là lạ: Người kinh, không những buôn bán sành sỏi, lại dày đủ khéo léo và sảo quyệt. Trong khi những người thiểu số thì chất phác không biết thủ đoạn là gì.

Nói buôn bán ở đây, không hoàn toàn đúng. Mà, phần lớn là đổi chác. Những người thiểu số miền Bắc, trừ số đã sống với thị trấn, hoặc ở gần thị trấn, quen xài tiền. Còn ở các làng bản xa rồi, dân chúng rất ít xài tiền.

Những người kinh mang hàng lên đây — thịnh hành nhất là muối, chỉ màu, và một vài thứ vật dụng cần thiết khác — đổi lấy gạo, heo gà, hoặc lâm sản đem về xuôi bán lấy lời.

Thời kỳ ở miền xuôi nếu nghe câu: « *Cơm sôi, nước vác. Trâu gổ mỡ, chó leo thang, ở nhà sàn* » thì thấy lạ: Nhưng lên đây, những cảnh lạ lùng này lại chẳng có gì là lạ — Những người

ở Thượng miền Bắc, suốt năm ngày tháng ăn cơm gạo nếp — Họ không lấy nước bằng thùng, mà lấy nước bằng những khúc tre đục rỗng, dài chừng hai thước tây, trâu ở đây thường là trâu đàn, thả rông ngoài rừng, không có ai chăn dắt. Do đó, ở cổ những con trâu đều đeo lục lạc bằng tre. *Mỗi lần trâu chuyển*

động, bước đi, thì tiếng lục lạc chạm vào nhau lớp lớp. Do đó, trâu ầu ở đâu, muốn kiếm, chỉ cần nghe tiếng lục lạc là tìm thấy ngay, còn chó leo thang, rất dễ hiểu. Bởi vì, người dân Thượng ở nhà sàn, thì những con chó nhất định phải « leo thang » bảnh rồi.

● Eppur si muove! (Tiếng la tinh)

(Et pourtant, elle se meut! — Mặc dầu vậy, nó vẫn xoay)

Nhà vật lý và thiên-văn-học của Ý, Galilée (1564-1642), tuyên bố rằng Quả Đất xoay tròn chung quanh mặt Trời. Nhưng Tòa án Giáo-Hoàng-I-a-Mã cho rằng nói như thế là trái với Thánh-Kinh, nên bắt buộc nhà bác học phải phủ nhận lời tuyên bố của ông, và phải xin chịu tội trước Tòa án. Galilée phải quỳ xuống chịu tội, nhưng ông vẫn thốt ra câu trên, đề cương quyết bênh vực chân lý của khoa học.



300 năm biến hóa dưới vòm trời Đông Phố

(Tiếp theo P.T. 235)

Nhà rằm

● BÌNH-NGUYỄN-LỘC

NĂM 1935, ngoài các cổ vật bằng đồng khai quật được ở Đông Sơn, có một món ngà, nghinh mà sách báo ta không có nói đến. Đó là một nếp nhà sàn, sàn bằng tre, cỡ trên hai ngàn năm nhưng vẫn còn nguyên vì đã hóa thạch.

Ngà, nghinh chớ không đáng ngạc.nhiên. Người xưa ở nhà sàn, không có gì lạ. Đó là loại nhà để phòng thủ chống thú dữ và kẻ thù, trong một vùng đất còn

hoang dã. Đồng bào Thượng ngày nay trên Cao-nguyên cũng ở nhà sàn.

Đáng ngạc.nhiên là nhà sàn lại tái xuất hiện giữa đám tiên phuông đi khai hoang miền Nam vào năm 1658 và tồn tại cho tới năm 1925 mới thật là mất dấu tích.

Nói cho đúng ra thì đó không phải là nhà sàn, mà là nhà rằm.

Nhà rằm khác nhà sàn ở cái điểm vắn lốt nơi nhà

NHÀ RẦM

rằm chỉ cách mặt đất có 5.7 tấc lạy, còn trong nhà sàn đôi khi nó cao đến hai thước thấp lắm cũng một thước năm lạy.

Đáng ngạc.nhiên là nhà rằm thoát trông như là không có công dụng gì hết bởi không phòng thủ được với loại san quá thấp ấy.

Thế mà dân Đông Phố lại cứ cất nhà rằm. Thuở xưa thì một ngàn cái như một Nhà của người Việt Nam vốn không cao, khi bị cái rằm thu hẹp bề cao thì đứng giữa nhà, đầu người không còn cách xa nóc nhà bao nhiêu, còn ở ngoài vào, bước chầu lên thềm thì là phải cúi đầu khom lưng rồi.

Loại nhà rằm tối om om, trông vào, ngỡ như đó là một cái hang sâu, như là nhà của người có cửa, vách gỗ kín đáo chớ không phải vách phen tre thưa.

Thuở chúng tôi còn bé, chúng tôi thấy trong các làng vùng chũ 3 tôi sinh trưởng, số nhà rằm chiếm

trên 40 phần trăm tổng số nhà cửa. May may, mỗi lau một ngôi nhà mục nát, người ta cất lại cái khác là họ đắp nền cao và bỏ rằm.

Vì còn bé, chúng tôi chỉ biết ngạc.nhiên âm thầm mà không biết tìm hiểu công dụng của nhà rằm, giờ ngẫm cứu kỹ mới thấy sự thật.

Chúng tôi có đọc sách xưa lối một trăm, hai trăm năm của Trung, Bắc và không name nơi thuở đó ngoài ấy còn như rằm như trong Nam. Chắc ở Bắc, nhà rằm bị bỏ từ lâu rồi, trừ nơi các đình làng thì còn được giữ vì tinh thần tồn cổ, còn ở Trung thì không bao giờ có nhà rằm.

Chúng tôi biết lý do thật của việc cất nhà rằm ở Nam. Kỳ không phải là nhờ suy nghiệm nhiều ngày, mà nhờ một người có ở Naut giải thích cho mà nghe.

Theo khoa chũng tộc học thì các thứ dân Mã Lai ngày

NHÀ RÂM

xưa đều ở nhà sàn. Nhứt và ta, tuy có bị lạc giống nhiều, nhưng gốc tổ vẫn cứ là Mã Lai.

Mã Lai, Nhứt sau đó, vẫn minh rồi, an ninh rồi thì bỏ nhà sàn, hay nói cho đúng ra, biến hóa nó, hạ thấp sàn xuống thành nhà râm vì lý do vệ sinh. Đất ẩm mà không biết lót gạch thì mất vệ sinh. Ở nhà râm, sạch sẽ khô ráo y như là ở nhà lót gạch vậy.

Cho tới ngày nay, người Nhứt vẫn không bỏ nhà râm, chỉ vì họ quý vệ sinh mà thôi.

Đất Đông Phố lại còn ẩm một trăm lần hơn đất dai ở Nhứt Bồn, thành thử như di cư vào đây năm 1858, không cần ai dạy cho, ta tự nhiên mà nhớ lại kỹ thuật của tổ tiên ta cách đây hai ngàn năm và biến hóa nó, y như người Nhứt đã làm, tức biến sàn thành râm, không nhằm mục đích phòng thú mà chỉ vì vệ sinh mà thôi.

Sau hơn hai trăm năm thì

miền Nam khô ráo lần hồi nhờ những cuộc dân thủy xuất diên thực hiện khắp nơi và riêng vùng chúng tôi sinh trưởng thì đất đã khô ráo hẳn, để cho phép dân ta bỏ râm.

Hơn thế, nền kinh tế của những năm 1920 rất là thịnh vượng, cho phép cả những người nghèo cũng đắp nền cao được (đắp nền cao, tuy là Lũng đất đào quanh nhà, nhưng lại mắc tiền hơn cất nhà râm, bởi công đào quá nhiều, còn rải tre, râm dứa râm cao tại không tốn gì hết).

Đó là một cuộc biến hóa mà ngày nay không còn dấu vết nhưng chính vì không còn dấu vết, nên cần phải viết ra hơn là các cuộc biến hóa khác.

Chúng tôi có nói rằng có thể người miền Trung không bao giờ có cất nhà râm là vì đất đai ở đó vốn đã khô ráo từ bao đời bao kiếp rồi thì nhà râm thật là vô công

NHÀ RÂM

dụng, cho đến nhà râm cũng chẳng cần cao làm gì.

Miền Bắc có nhà râm hay không? Chắc chắn là có, vì Châu thổ sông Nhị Hà xưa kia cũng là rộ địa ẩm thấp lắm. Có lẽ mãi cho tới năm 1.000, đất ở đó mới thật ráo. Nhưng vào năm 1000 thì là chưa có sách vở, mà không ai biết có hay không, nhưng câu chuyện nhà râm Đông Phố, bắt ta suy ra rằng xưa kia, đất Bắc có nhà râm.

Các đình cổ của đất Bắc mà còn đứng vững cho tới năm 1945, định cất theo lối nhà râm — mà các nhà khảo cứu Pháp vì thiếu danh từ trong ngôn ngữ Pháp, cứ gọi là nhà sàn — nhưng đó là cất theo tinh thần tồn cổ như đã nói trên kia, chứ không vì lý-do vệ sinh như nhà của dân chúng vậy đâu.

Có cái chuyện ngược đời oái oăm là đưa con sanh sau để mọn nhứt lại sống nếp sống của các cụ. Chúng ta đã thấy người miền Nam nói tiếng Việt cổ, giờ ta lại

thấy họ ở nhà như nhà người Đông Sơn.

Các cụ cho biết rằng dân miền Nam chỉ bắt đầu bỏ nhà râm chừng một trăm năm nay thôi, tức bắt đầu vào khoảng năm 1850, trước khi bị Pháp xâm lăng không tới mười năm. Tuy nhiên không phải mọi sớm một chiều mà toàn thể nhà cửa đều được đổi mới hết thảy được, và phải mất đến 75 năm tại vùng chúng tôi sanh trưởng, ngôi nhà râm cuối cùng mới bị triệt hạ.

Hai cái nhà râm mà chúng tôi còn thấy trong làng của chúng tôi vào năm 1945 là cái nhà trừ và cái võ-ca của đình làng. Võ-ca có công dụng như là sân khấu, nên cất râm, chắc không phải vì lý-do vệ sinh như nhà trừ, và nhà trừ thật ra không phải nhà trừ mà là phòng tiệc lớn của Đình. Có lẽ đó mới là dấu vết xưa, còn võ-ca là chuyện bắt buộc, vào thời nào cũng phải cất theo lối nhà râm hết. □●

Nhuộm răng ngày xưa

vì sao người hai miền Trung Bắc nhuộm răng ?

● Bà AI-LAN

- *Mình về mình nhớ ta
chẳng ?
Ta về ta nhớ hàm răng mình
cười.
Trăm vạn mua lấy miệng
cười
Ngươi quan chẳng tiếc, tiếc
người răng đen.*
- *Răng đen ai nhuộm cho
mình ?
Cho răng mình đẹp, cho tình
anh say.*
- *Lấy chồng cho đáng tầm
chồng,
Bỏ công trang điểm má hồng
răng đen.*
- *...Ba thương má lùn đồng
tiền
Bốn thương răng bóng hạt
huyền kém thua...*

ĐÓ là những câu ca-dao từ ngàn xưa của người Việt-Nam

đã nói lên cái quan-niệm về sự đẹp của hàm răng nhuộm đen của phụ nữ miền Trung Bắc.

Tục nhuộm răng của một tục rất cổ. Về tục nhuộm răng trước hết là làm đẹp của người nữ ngày xưa, và kể đó là nhuộm răng cho bền, cho khỏi bị sâu ăn. Rồi gần đây hơn, là mấy chục năm về trước nhuộm răng còn là một quốc túy quốc hồn, một biểu hiện cho phong hóa đạo đức của người phụ nữ. Người đàn bà con gái nào mà để răng trắng là xã-hội tập-quán cho rằng gái mất nết, là mẹ Tây, là kẻ mất gốc, không phải con nhà nề nếp gia phong. Do đó, phụ nữ càng cố duy trì tục nhuộm răng. Nhưng tục nhuộm răng còn có ý nghĩa khác bất lâu từ đời Hồng-bàng, vua chúa ra lệnh cưỡng ép dân phải thích da,

NHUỘM RĂNG

nhuộm răng cối để dọa nạt giống ác thú.

Ông Ma-péro khảo về lịch-sử Việt-Nam có viết : «Cối Văn-Lang Hùng-Vương trị vì, đất rộng, phía Bắc từ mấy tỉnh Quảng nước Tàu, tới phía Nam giới rợ Chàm, dân sự biết dùng lưỡi cày bằng đá, dùng trâu kéo, dùng công nô, tên bằng chì đúc. Họ có tục thích da (xâm da bằng một chất mực xanh theo hình thú hay bông hoa...) bôi tóc đội khăn và ăn trầu, sơn răng đen (nhuộm) rất thanh hành...» Cũng như đời nhà Trần, lính tráng ta thích vào da tay bay chữ «Sát Thát» vậy.

Lại trong quyển «Sơn-cư tập thuật» có chép một đoạn : «... Về năm Vạn-lịch thứ 39 tức là Tân-hợi (1611) có hai chiếc thuyền bị gió đánh tạt vào bờ biển Trung-Hoa. Hành khách 120 người đều bôi tóc, răng sơn đen, tiếng nói không ai hiểu, nhưng cách cử chỉ lỗi ăn mặc hết người mình. (Tàu) sau hồi kỹ mới biết họ là người Việt-Nam, nên cho họ trở về nước.»

Trong một quyển sách khác của

nước Tàu, cũng có viết : «Nhà Lê, vua nước Nam, lập kinh đô trên ven sông Nhị-Hà. Dân phải đi đất, chỉ vua quan mới được đội mão, đi giày. Duy có tục ăn trầu, nhuộm răng từ trên chí dưới ai cũng theo, thấy người răng trắng họ cười chê»

Thế thì chứng tỏ tục nhuộm răng không phải do người Tàu bắt ta phải nhuộm, hay ta đã bắt chước người Tàu, (vì người Tàu không có nhuộm răng) mà do sáng chế của người Việt trước khi có người Tàu sang đó họ.

Năm 1740-1755 có Cố đạo Koeffler làm thầy thuốc riêng cho Võ-vương (Nguyễn-phúc-Khoát) chúa trong Nam-Kỳ, năm 1738-1763) có để lại một bài nói về tục nhuộm răng trong tập «Nam-

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa.Lan

NHUỘM RĂNG

kỳ lịch sử». Ông viết : «Tất cả mọi người trong nước đều nhuộm răng đen. Họ cứ luôn miệng nhai lá thơm (ăn trà) nên răng cứ xám xịt. Muốn tránh điều khó chịu đó, họ nghĩ ra một thứ thuốc nhuộm, dùng không phải là không khó khăn đau đớn. Hễ bắt đầu nhuộm răng là luôn mười bốn ngày trường, họ chịu tội nuốt chấu lông, để sau có bộ răng láng»

Phải chăng thuyết trên đây đúng? Có lẽ ban đầu người mình ăn trà, răng vàng hay xám vì đọng nước cốt trà, thấy vậy khó coi, nên nhuộm đen luôn? Mà tục ăn trà của ta đã có từ đời Hùng-vương, bằng chứng là chuyện giai thoại «Trầu cau» của ta có từ thời đó. Và lễ nộp cưới hỏi bằng cau trầu cũng có từ thời ấy.

Lại năm 1889, bác sĩ Hocquard đi du lịch khắp hoàn cầu, có ghé qua Việt-Nam, viết lại rằng : «vì ăn trà hại răng, nên người Việt sơn răng đen đi».

Còn thuốc nhuộm răng, tuy không lọt qua lần men trắng của

răng, nhưng nó kháng rất chắc. Răng nhuộm khi rụng, đem ngâm thử vào nước bao lâu, khi đem ra, cái răng đen vẫn y nguyên, nước nhuộm không hề phai nhạt hay tróc ra được. Thế thì thuốc nhuộm đó chế biến như thế nào mà nhuộm chắc như vậy? Còn nhớ trước đây, khi làn sóng văn minh Tây âu lan tràn trên đất Việt, những người nhuộm răng từ trước, nay thấy răng trắng là cần thiết hơn và thấy đẹp hơn, họ phải cạo rửa đi lớp nhuộm đen đó, họ phải nhờ mấy ông nha y sĩ cạo giữa bằng máy cà răng, mới hết nước nhuộm đó được. Vậy thì thuốc đó không phải không nhiều công phu nghiên cứu và bào chế, hợp chất rất là thần tình và khoa học lắm chứ chẳng phải vụng về giản dị đâu.

Thuốc nhuộm ấy chẳng những

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

NEUỘM RĂNG

làm cho đen láng, kháng -hạt, mà còn làm cho răng tốt, chắc, không bị sâu. Thế thì đời Hùng-vương, người Việt ta đã biết chế ra một thứ thuốc nhuộm răng rất là vệ sinh, rất là khoa học như thế thì thật là lạ lùng.

Bài thuốc đó từ đời Hùng-vương truyền lại về sau. Đến đời Mi h-Mạng, từ trong «Thái y viện của vua cho phổ biến ra dân gian, bài thuốc nhuộm răng này là «Cổ xỉ cao phục ng». Một bác sĩ Pháp, ông Salle A, đã chưa thêm tên các y dược tây phương vào mỗi nó y dược Đông phương như sau :

- Thanh phàn, (vert de gris) 3 lượng,
- Hắc phàn, (sulfate de fer) 5...
- Ngũ bội (galles de chine) 3...
- Bạch chỉ, (angelica decuroiva)
- Sơc bình lang, (Fruits d' querc de montagne) (Dinanga) 2 —
- Xuyên nh ng, (Sarcocolla)

(Racines) 5 đồng cân.

- Bạch tật lệ, (Tibulus terrestris) (fruits) 1 lượng
- cam thảo, (Racines de Reg-lisse de Chine) 1 —
- Dương qui, (Racines de Livèche) 1 —
- Tế tân (Asarum sioboldi) 1 —
- Tam nại, (Kocnperia galanga) (Rhigome) 1 —
- Tiễn mễ thủy, (Eau faite avec du rig conservé)
- Trương thủy depuis long temps)

Cách nhuộm thật là khó khăn phức tạp. Trước khi nhuộm phải đánh chà răng cho thật sạch bằng xác cau, rồi thứ thuốc trên đây tán thành bột một phần, chấm

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

dầu cây tằm vào thuốc tán mà xĩa vào răng cho đều. Rồi sau đó lại ngâm thuốc sắc thành nước đặc đậm. Mỗi ngày ngâm ba bốn lần, xĩa ba bốn lần. Người nhuộm không ăn chi được cả, chỉ uống nước cháo, nhưng làm sao cho không được động đến hàm răng. Mỗi lần xĩa thuốc bột xong ngâm cho thấm vài giờ thì súc miệng nước nóng, đoạn ngâm thмок nước...

Bảy ngày đêm như vậy thì được ăn cháo lỏng, và muốn soi cho thấy răng mình thế nào thì soi bằng dầu phộng, chớ không được soi gương, vì họ cho rằng soi gương thì răng mới hắt thuốc nhuộm sẽ «rỗ» nghĩa là lớp nhuộm đó sẽ nứt thành nhiều chỗ li ti trên chiếc răng, rồi làm cho tróc lớp đen nhuộm đó đi. Lúc này cũng xĩa dầu phộng, hay ngâm dầu phộng vào cho răng được láng bóng. Rồi cũng tiếp tục ngâm và xĩa thuốc như vậy một tuần nữa tất cả là hai tuần lễ thì hoàn thành cuộc nhuộm răng. Có nhiều người nhuộm răng xong thì mắt sức phát đau, hay gầy đi, vì phải kiêng ăn. Nhưng không

vì đó mà «ngán», bởi nó là một phong tục, ai ai cũng phải có bộ răng «đen hạt huyền» cả, nếu sót một người răng trắng, người ấy làm sao chịu nổi sự mỉa mai chua chát của kẻ chung quanh như đã kể ở đoạn trên.

Thế rồi ngày một văn minh tiến bộ, ngày càng tiếp xúc với người Tây phương nhiều, phụ nữ ta bỏ lần cái tục lệ nhuộm răng và ăn trầu đi.

Quan niệm cái đẹp ở hàm răng người phụ-nữ ngày xưa là :

...Ba thương má lùn đồng
tiền
Bốn thương răng bóng hạt
huyền kém thua

không còn nữa, mà quan niệm đó đã đổi thay ngược lại :



Răng em trắng, môi em hồng,
Nụ cười hàm tiếu khiến lòng
anh say.



Hồn chiều

Lơng thang dưới bóng mặt trời
Biền xô sóng dạt nổi đời vân vi
Lối về rời rạc chân đi
Nabe trong đất lạnh thắm thì cỏ rêu
Một thân khô héo hồn chiều
Nặng nửa đầu dài trăm điều xót xa.

Lơng thang nước mắt chan hòa
Nghìn khuya vơi vợi quê nhà đạn bom
Máu rơi khúc ruột có mềm
Đang thời chinh chiến biết đến gì đây
Xuôi tay nằm xuống đất dày
Ôi thân phù phiếm đợi ngày vong lưu.

Lơng thang một kiếp tội tù
Bàn chân phiền muộn đi từ vô minh
Lửa thiêu đốt bóng đọa hình
Trần cao trăm mặc nghĩ tình phân chia
Mai đây hồn xác tan lìa
Về trong đất bụi bên kia còn gì ?

LÂM-CHƯƠNG



đưa đi chơi khắp nơi, được thấy nhiều, nghe nhiều, nhưng lại có cảm-nghĩ rằng nếu những nhà cầm quyền Việt-nam biết tổ chức Quốc gia mình theo một tinh thần ái-quốc tích-cực, kiêu hãnh vì Lịch sử vẻ vang của Giồng Nòi, thì nước Việt-Nam ngày nay không kém

gi Nhật-bản, mà còn có thể hơn nước Nhật nhiều nữa, Thật thế Bác ạ.

Nay chúng ta đang chịu thua họ về nhiều phương diện, đó không phải là lỗi tại Dân-tộc Việt Nam kém khả-năng hơn Dân tộc Nhật, mà chính là lỗi tại các nhà

lãnh đạo ta không có tinh thần ái quốc sâu xa, không có ý thức Lịch sử oanh liệt của Nòi Giồng Rồng Vàng.

Ngày trên phương diện Giáo dục học đường, Thanh Bảo nhận thấy rằng phương pháp Giáo dục của chính phủ Nhật hấp dẫn và có hiệu quả hơn bên ta nhiều lắm.

Tân Nguyên-tắc Giáo-dục ở Nhật bắt đầu được thành hình ngày từ năm 1945, là năm Nhật bại trận nhục-nhã dưới sức mạnh nguyên-tử kinh-khủng của Mỹ.

Kiến-thiết tức khắc trên những điều-tàn tang-tóc của chiến-tranh, người Nhật-hậu-chiến đặt nền móng Tân giáo-Dục, tức là **Fundamental Law of Education**, không do-dự, không chậm-trễ.

Luật-pháp căn-bản này hướng theo 3 yếu-tố mới:

— Giá-trị cá-nhân (Indiv-

idual Value).

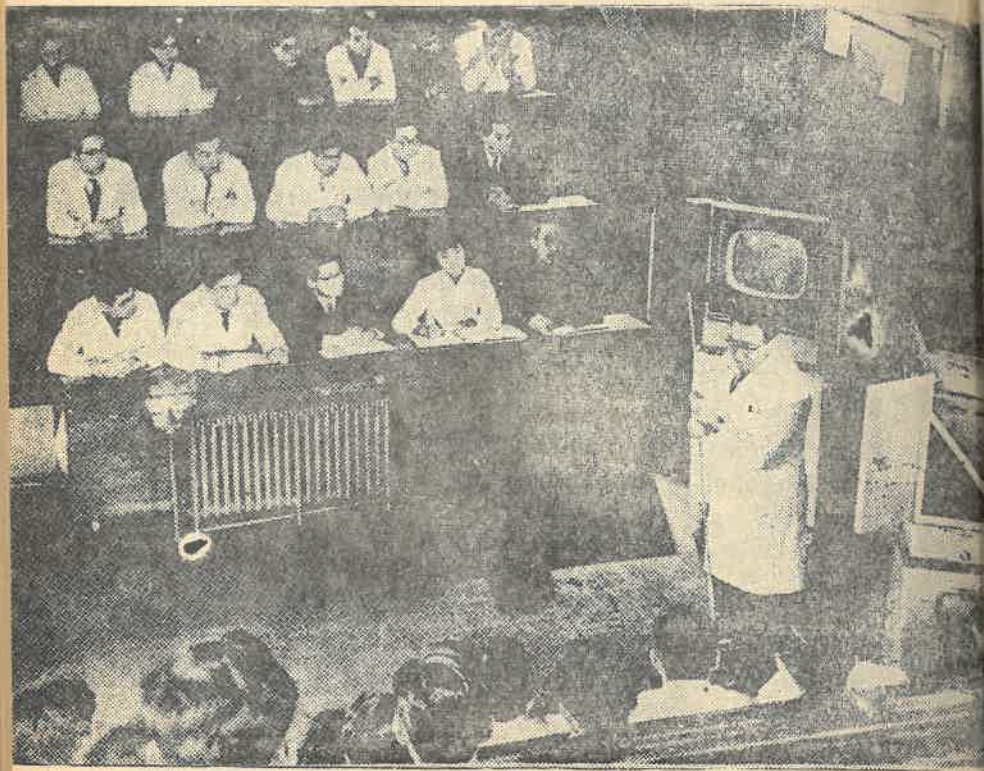
— Tinh-thần trực-cảm (Spontaneous Spirit).

— Tự-do học-đường (Academic Freedom)

Hai yếu tố trên thay thế cho chủ-nghĩa quàn-phiệt, gò-bó trong một kỷ-luật quá nghiêm khắc.

Yếu-tố dưới thay cho sự kiểm-soát thường xuyên của chính-phủ.

Do Luật Tân Giáo-dục đó mà có một không-khí mới hẳn thổi vào Học-đường, trên toàn-quốc Nhật-bản, không-khí tiên-bộ, cởi mở, và phát-triển vô cùng mạnh-mẽ thiết-lập hệ-thống học-đường 6-3-3-5, bỏ hết các phương pháp, chương-trình sách giáo-khoa cũ, soạn thảo tất cả sách mới, theo chương trình mới, phương pháp mới. Hành-chánh giáo dục, từ Bộ xuống đến tỉnh, quàn, đều tổ-chức lại toàn diện.



Một lớp Cao-Đẳng Đại-học Y-khoa học bằng Ti-vi

So-sánh lại với chánh sách giáo dục ở xứ ta, mà các vị Bộ-trưởng Tổng-trưởng thay đổi hoài, nhưng chương trình giảng dạy pháp giáo. đại chúng về chuyên hướng tiến-bộ chút nào. Tệ nhất là các sách Giao-khoa Việt-nam. nhất là ở các cấp Trung học hoàn-toàn nhai lại các sách cũ, soạn từ thời Tiền chiến !



Một lớp Anh ngữ học ngoài trời (Nữ Cao-đẳng Trung-học Koinr)

Mặc dầu trong 8 câu thơ đã có đến hai lần kêu «chàng ơi!» nhưng không lần nào tiếng kêu thật bi-ai thống-thiết cả, và toàn thể bài thơ, trái lại, tiết lộ một nụ cười khúc khích tinh ranh hơn là một tiếng khóc đau-thương, thê-thảm.

Quả-phụ, vợ một ông Lang (thầy thuốc ta), chắc là ở sát vách nhà nữ Thi sĩ, cho nên nàng khóc thút-hít (*khóc tí-tí-tí*), mà ở bên nhà cô Hồ-xuân-Hương cũng nghe được :

**Văng-vẳng tai nghe tiếng
khóc gì ?**

Ba chữ «*tí-tí-tí*» đề cho ta thấy rằng cô Hồ đã dùng ngay giọng khò-hài khi nghe tiếng khóc văng vẳng bên hàng xóm. Chắc là chồng cô lảng giềng chết đã chôn năm mười bữa nửa tháng gì rồi, chứ nếu mới chết một hai hôm thì cô Nữ sĩ đã không hỏi : «*tiếng khóc gì ?*»

Câu hỏi đó là một lời chế nhạo đùa giỡn của Hồ xuân Hương đối với cô bạn hàng xóm sự chế giễu là một việc đã đời,

một chuyện buồn đã qua, nên cô muốn trêu ghẹo người quả phụ sao cứ còn rây rức tí tê mãi ?

Điêm này minh-xác một lần nữa lời nhận xét của tôi ở một chương trước, về bản lĩnh Hồ xuân Hương không đa tình đa cảm theo thói thường của hầu hết phụ-nữ, không như các nữ-sĩ đồng thời với cô, Bà Huyện Thanh Quan, hay Đoàn thị Điểm.

Hồ xuân Hương không bao giờ ca ngợi hay khóc lóc về tình yêu. Thơ của cô không có bài nào chú trọng đến tình yêu. Dù là tình vợ chồng của riêng cô, hay của người khác, cô cũng coi rẻ. Cô đùa bà lang :

**Thương chồng nên khóc
tí tí ti**

Bà lang thương chồng nên khóc thút tha thút thít. Nhưng ba chữ *tí tí ti* đây còn có dụng-ý thâm hơn thế nữa. Cái dụng-ý đây chính là cái *trực giác* Hồ xuân Hương (xem lại chương I và II) : bà lang hàng xóm khóc chồng chẳng qua là khóc.. cái «*tí tí ti*» đó mà thôi. Chữ «*tí tí ti*» này có hai ng'ĩa theo

lời dùng chữ độc đáo của Hồ xuân Hương. Không phải vì tình nghĩa thiêng liêng, già đời theo thói thường, tình, nghĩa tào khang theo công thức Khổng giáo, mà bà lang khóc chồng. Không phải thế đâu. Cô Hồ xuân Hương không muốn gin như vậy. Thuần túy về tâm-lý cô cho rằng Bà lang thương tiếc chồng, nhớ khóc chồng, chỉ vì cái việc nhỏ nhặt tâm thương hơn, cái việc «*tí tí ti*» ấy giữa chồng và vợ.

Cho nên mở đầu bài thơ, mặc dầu cô biết là bà lang khóc chồng, nhưng cô cứ hỏi ờ ờ :

**Văng vẳng tai nghe tiếng
khóc gì ?**

— *Khóc cái gì thế, bà hàng xóm ?*

Rồi cô lại ờ ờ, ranh mãnh tự trả lời :

— *Thương chồng nên khóc
Tí tí ti*

À, vì thương nhớ chồng mà khóc cái «*tí tí ti*» ấy, cái chuyện.. tí tẹo đó phải không !

Tất cả dụng ý của bài thơ đều

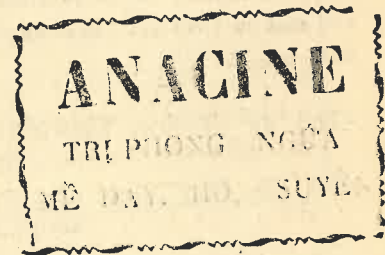
nằm gọn trong hai chữ : «*Khóc gì ?*» và ba chữ : «*tí tí ti*» ấy vậy.

Muốn hiểu rõ hơn nữa, thì đây :

**Ngọt bùi, thiệp nhớ mù
cam thảo
Cay đắng, chàng ơi, vị
quế chi**

Nhiều người hiểu thơ Hồ xuân Hương từ trước đến nay, chỉ hiểu về một khía cạnh rất giản dị rằng tác giả dùng những vị thuốc trong mỗi câu thơ thương tiếc ông thầy thuốc (cam thảo, quế chi, và những chữ khác ở bốn câu sau).

Nhưng nếu chỉ có thế, thì bà tất phải là Hồ xuân Hương I Lê quý Đôn đã dùng đến kỹ-thuật ấy rồi. Và nhiều tác giả khác, tâm



thường hơn, cũng đã xài đến nó quá nhảm, và thường là vô nghĩa.

Thiên-tài của Hồ-xuân-Hương vượt lên cao hơn, với nghệ thuật tinh-vi dùng chữ bóng. Không những cô cố ý dùng những chữ đồng-ng nghĩa, hoặc nói lái, hoặc đồng-âm khác nghĩa, cô còn dùng lái bạo đến cả những chữ gần đồng-âm, để kêu gọi ý-nghĩa liên-hệ. Trong bài này, cô dùng hai chữ gần đồng-âm, chữ «bui» ở câu thứ tư (Ngọt bùi...), và chữ «Dao-câu» ở câu thứ bảy. Với dụng-ý ranh-mành. Gọi cái tục-tiểu mà vẫn tránh được cái tục-tiểu.

Chữ «bưởi», tiếng Bắc, là một tiếng tục, rất tự-nhiên, cô Hồ-xuân-Hương không bao giờ dùng đến nó, cũng như không bao giờ cô dùng đến những chữ tục-tiểu khác. Nhưng rất thân-nhiên, với một nụ cười kín đáo, cô đã dám viết :

«Trai du gối hực, khom khom
cật
«Gái uốn lưng ong, uốn-uốn
lông...»

thì với kỹ-thuật ranh-mành, vô-cùng tế-nhĩ đó, cô cũng đã diễn-nhiên đề cho bà Lang khóc chông :

*Ngọt bùi, thiếp nhớ mùi cam
thảo*

Chữ «bùi» đây, rất là thanh, rất là tự-nhiên, rất dễ hiểu, nhưng đã kín đáo gọi ra một chữ khác, gần đồng-âm, chữ «bưởi». với ý-nghĩa liên-hệ đến ý thơ.

*Honni soit qui mal y
pense !* (Đừng ai nghĩ bậy mà mang tội nhé !), như lời nói đã thành ra tục-ngữ của ông vua Anh Edouard III (1348).

Câu dưới ;
*Cay đắng, chàng ơi, vị quế
chi.*

Vị thuốc «quế-chi», vào thơ Hồ-xuân-Hương không còn là vị thuốc nữa, mà đã biến ra *cánh quế*, cùng một âm ý như «*cánh thông*» trong bài «Đèo Ba dọi» :

«*Lắt-lẻo cánh thông cơn gió
tốc.*»

Các vị thuốc khác của ông Lang, được kể vào cái toa Thất-ngôn-bát-cú của cô Hồ-xuân-Hương, cũng đều có công dụng đặc biệt khác hẳn dưới ngòi bút ảo thuật của cô Thi hào phái đẹp :

*Thạch-nhũ, trần-bì, sao
để lại,
Quy thân, liên nhục, tằm
mang đi.*

Trong tử thuốc Đông y của ông Lang, *thạch-nhũ* là một món thuốc rễ cây, *trần bì* là vỏ quít, vỏ cam phơi khô, *liên nhục* là hạt sen, v.v... Nhưng kể vào Thơ Hồ-xuân-Hương, thì *thạch nhũ* còn có nghĩa là *vú chắc như đá*, *trần-bì* là *da thịt trần truồng*, *quy-thân* là... cái đầu con rùa trong mu thò ra, *liên-nhục* là hai hòn thịt dính liền với nhau, v.v... Những nghĩa bóng ấy chỉ trong tự-diễn Hồ-xuân-Hương mới có mà thôi. Nhưng chúng ta đọc qua, đã hiểu nghĩa liền, không cần tra tự điển !

Cô Hồ-xuân-Hương bảo rằng bà lang khóc chông, tại vì :

*Thạch nhũ, trần bì, thì ông
lang sao* (sao = rang thuốc cho chín, cho teo lại) và *để lại*. Ông lang chết đi, để lại của bà hai món : *thạch nhũ, trần bì* không còn nguyên chất nữa, không còn thơm tươi nữa, vì ông đã đem sao hết rồi; đã teo lại rồi, cứng như đá rồi, lâu ngày sẽ mốc meo hết, bà không dùng được nữa.

*Quy thân, liên nhục, thì ông
lại làm mang đi* với ông. *Tằm* là tằm thuốc, là tằm rửa sạch sẽ rồi mang đi,

Bà lang lại khóc thút thít :
*Dao cầu thiếp biết trao ai
nhĩ ?*

Dao cầu là loại dao xắt thuốc

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

của các ông thầy thuốc Bắc. Ông lang chết, thì bà lang biết trao cái dao-cầu đó cho ai? Câu hỏi thật là ngớ ngẩn. Bà cứ cắt cái dao-cầu, hoặc bà dùng nó để xắt củ khoai, củ sắn, cũng được vậy. Lọ là phải trao cho ai? Nhưng Nữ Thi sĩ Hồ xuân Hương có bao giờ làm thơ ngớ ngẩn, và hỏi làm cầm như thế đâu.

Cũng như chữ «bùi» ranh mãnh trong câu thơ thứ ba: «Ngọt bùi thiếp nhớ...», cô có dụng ý đem cái «dao cầu» vào câu kết, cốt để gợi cho người ta liên tưởng đến hai chữ «giao cầu», gần đồng âm với hai chữ «dao cầu», nhưng lại thoát ra được ý liên hệ của bài thơ.

Cô Nữ Thi sĩ tinh nghịch giả vờ hỏi làm cầm;

*Dao cầu thiếp biết trao ai
nhỉ?*

Nhưng nếu chúng ta trở mắt không hiểu, hay là hiểu thực thà theo nghĩa đen hai chữ «dao cầu» thì chắc chắn cô Hồ xuân Hương sẽ cười vào mũi:

*Khéo khéo đi đâu, lũ ngẩn
ngơ,*

*Lại đây cho chị dạy làm
thơ!*

Cô sẽ dạy cho lũ ngẩn ngơ rằng: Câu thơ «dao cầu thiếp biết trao ai nhĩ» có ngụ cái ý thăm kín là «việc giao cầu» từ nay thiếp biết trao đổi cùng ai nhĩ? Hai chữ «Giao cầu» ôm nhau nắm ấp nấp rất hiền từ, đi dõm, phía sau chiếc Dao cầu của ông thầy thuốc Bắc.

Đến câu kết cuối cùng thì hay tuyệt:

*Sinh kỹ, chàng ơi, tử tắc
quy!*

Không phải hay vì câu thơ có tên hai vị thuốc: *Sinh kỹ*, và *quy* như nhiều người hiểu. Nghệ thuật của Hồ-xuân-Hương đâu phải điều luyện ở hai tên thuốc đó! Cũng không phải có nghĩa như nhiều người tưởng: Sống gửi, chết về, là nói người chồng. Kết luận bài thơ rất linh động như thế, bằng một câu sáu chữ tầm thường như thế thì nhạt nhẽo và vô nghĩa biết bao! Thơ Hồ-xuân-Hương không bao giờ quá thấp kém đến vậy.

Câu thơ hay ở đây là hay cả hai chữ: *Sinh kỹ*, hay cả hai chữ: *Chàng ơi*, hay cả ba chữ: *tử tắc quy*. Rất trào lộng thâm trầm. *Sinh-kỹ*, là sống gửi, chính là cô Hồ-xuân-Hương ám chỉ vào câu tục ngữ Việt-nam: «Sống gửi thối, chết gửi xương», nói về sự trung thành hoàn toàn của người vợ đối với chồng, theo luân lý và tập quán từ xưa.

Nhưng ở đây, Hồ-xuân-Hương mỉa-mai cái phong tục đó. Ý nghĩa câu thơ:

Phận thiếp là sống gửi thối cho chàng, chết gửi xương cho chàng. Từ ngày thiếp về hầu-hạ chăn gối cho chàng, thì thiếp đã ký-thác hết da thối cho chàng rồi. Nhưng **Chàng ơi! Chàng đã chết trước thiếp, vậy thì xương thối của thiếp từ nay sẽ gửi cho ai?** Hai tiếng «Chàng ơi!» nằm ngay sau hai tiếng «sinh kỹ» là một tiếng than dứt khoát cả một cuộc đời «sinh-kỹ». cuộc đời đã «sống gửi thối» cho chàng. Thôi đành vậy! Đành chờ đến khi thiếp chết,

«tử tắc quy» thì thế nào thiếp cũng sẽ về âm-phủ với chàng. Ôi mỉa mai trào phúng làm sao!

Với một câu thơ kết luận gồm 7 chữ, Hồ xuân Hương xử dụng được cả tên hai vị thuốc, cả một câu sáu chữ Hán, ghép vào một câu tục ngữ Việt-Nam, để chế nhạo cả một tập quán phong kiến bắt người vợ phải lệ thuộc suốt đời cho người chồng, người đàn bà phải «sống gửi thối chết gửi xương» cho người đàn ông. Đó là dụng ý sâu sắc của bài thơ Hồ xuân Hương. Dụng ý trào lộng, quật lại luân lý vợ chồng, cái luân lý «sống gửi thối chết gửi xương», mà cô Hồ xuân Hương mỉa mai trào-lộng ở nơi câu kết bài thơ, và hí họa ở nơi câu phá, câu thừa.

(Còn tiếp)



Nụ cười trong đám khóc



○ TRỌNG-TỰU

I

Thay lời mạ kèn

TRONG cuốn kinh Tinh Ái của Ấn-Độ-cuốn «Kama Soutra» — có đoạn người ta mô tả một góa phụ đứng bên linh cữu chồng để canh xác và đáp lễ lại những người đi phúng viếng. Người đàn bà đau khổ ấy đang nghĩ gì trong lúc đó? Thưa quý bạn, bà ta đã đứng đấy để ngắm quan sát từng «ông» khách một và... để chấm xem «ông» nào là kẻ khỏe mạnh và lực lưỡng nhất trong đám. Dĩ nhiên, những ông đó không thể nào là đàn bà được!

Người góa phụ đau khổ kia đã thực hiện một cuộc «tuyển lựa» ngầm như vậy để làm gì cả? Có trời biết nổi!



Trong những đám ma — tức là các đám khóc — không phải tất cả mọi cảnh tượng, sự vật và sự việc đều bi thảm. Ngược lại, người ta rất có thể tìm ra được những chuyện cười thú vị. Đám ma đáng khóc hay đáng cười, khóc nhiều cười ít hay khóc ít cười nhiều, đó là còn tùy theo từng hoàn cảnh «bối rối của tang gia», còn tùy theo

NỤ CƯỜI

lối nhìn của người chứng đám tang.

Tác giả thiên phóng sự xã hội này vốn dĩ là kẻ yêu đời, hay cười, dù cho có bị đem ra bắn cũng xin được cười một cái đã rồi mới thọ hình. Chính vì bản tính yêu đời như vậy nên mặc dầu viết về các đám khóc, y cũng xin mạn phép độc giả được kể lại toàn những chuyện cười cho vui vẻ cả làng và cũng để cho vui đi niềm đau của những người còn sống lại.

Trên thực tế thì sau khi đã thực hiện xong đầy đủ các thủ tục khóc lóc rồi, phần đông các thân bằng cố hữu của người chết đều hay buông ra một câu kết luận như sau để kết thúc sự đau khổ: «Ấy, chết đi như vậy lại là sướng đó! Sống làm gì cho thêm khổ!»

Sống là khổ, chết đi là sướng! Ấy thế mà mọi người đều sợ chết, điều đó chứng tỏ rằng loài người

thích khổ hơn là thích sướng. Dù cho biết chắc rằng «đa thọ đa nhục», mà nếu có được ai trao tặng thuốc trường sinh bất lão thì dám chắc cũng sẽ không có mạng nào từ chối cả, kể luôn các anh không có khổ hoặc không có miếng đất cắm dùi.

Chỉ có một điểm đáng buồn cho người chết, là sau khi đã hai tay buông xuôi rồi sẽ không còn nhìn, nghe, ngửi, nếm và sờ thấy cái gì nữa. Và họ sẽ không còn được cái may mắn chứng kiến khá nhiều trò vui của người sống... dành riêng cho người chết. Trước cái cảnh thiết thời đó của người chết, kẻ viết loạt bài này muốn đốt một điều thuốc Salem thơm, kính cẩn kể lại cho những người chết nghe tất cả những chuyện vui mà mình được tai nghe mắt thấy, trong khi tai nghe người chết đã bị nắp quan tài bịt kín lại mất rồi. Và

nếu quả thật hồn những người chết có linh thiêng thì thế nào họ cũng sẽ cười hó hớ — chứ không thêm ngậm cười nơi chín suối :

Chờ quan tài

Tôi có một người bạn học tên là L., con ông trưởng phố Hàng Bọt ở Hà Nội. Vì vậy nên bạn bè thường gọi anh ta là L., Hàng Bọt. L. là một học sinh trung học ở trường tư thục Thăng Long, đồng thời cũng là một tay ăn chơi khét tiếng phá tiền của cha mẹ có hạng. Tuy mới học đến năm thứ ba bậc trung học nhưng L. đã là tay lỗi đời về các môn du hí của người lớn rồi. Nói tóm lại, L. rất sành về cái môn «Chi Em dưới xóm», tức là môn cờ đầu ! L. là khách xộp và được liệt vào loại Quan Viên thường trực của những xóm Khâm Thiên, Ngã Tư sở, Gia Quất v.v..

Đĩ nhiên, với tuổi học

sinh, L. vẫn chưa làm được ra tiền, nhưng nhờ xoay sở của cha mẹ cho nên L. vẫn không thiếu tiền để chi các châu hát. Chỉ có họa hoằn lắm, L. mới bị «nằm va li», nhưng rồi sau đó anh hoặc các bạn anh đều giải quyết cho mọi việc được êm đẹp.

Nói về ông trưởng phố Hàng Bọt, là ông thân sinh ra L., thì ông này cũng... «cha nào cha ấy», là một Quan Viên thường trực của nhà cô Đốc Sao ở phố Khâm Thiên. L. có một cô nhân tình trẻ đẹp làm đào rượu của nhà ba Đốc Sao. Và qua những lời thề thốt rất độc địa của Tuyết — tên cô đào nói trên — L. tin chắc rằng nàng chỉ yêu có một mình anh, và trung thành với anh một cách tuyệt đối.

Thế rồi có một đêm nọ, trong khi L. đang nằm hút tại một nhà hát khác, có một người bạn thân của anh chạy vào cười nham

nhỏ hỏi anh :

— L. ơi ? Tao hỏi thật mày nhé ! Con Tuyết nó có yêu mày thật không ?

L. rit một hơi thuốc thật dài đoạn từ từ ngồi dậy lim chim đôi mắt, cất giọng khàn khàn hỏi :

— Sao mày lại hỏi tao kỳ cục như vậy ? Mày không biết cậu L., Hàng Bọt sao ? Vừa «b» trại, nổi tiếng «manh du-ê» (tiếng Tay Bói có nghĩa là «Tay chơi»), tiền chi rất «thom», em Tuyết không mê tao thì còn mê được thằng khốn nạn nào nữa ? Mày không thấy là em đã có lần thề rằng «sẽ bán má bố đi» để theo tao hay sao ?

Người bạn của L. cười mai mỉa :

— Ấy thế mà bây giờ nó lại đang chết mê chết mệt với một anh già mới nguy hiểm chứ !

— Thằng già nào dám yêu nó ! Để tao đánh bỏ mẹ nó đi !

— Tao chỉ sợ mày không

dám đánh thôi ! Bởi vì anh già này cũng thuộc vào loại gân lắm !

— Gân thì tao cũng đánh bỏ mẹ nó !

— Thì đây này ! Hiện giờ con Tuyết đang nằm ôm anh già ở nhà mẹ Đốc Sao. Tao thấy rõ tận mắt mới đến đây báo tin cho mày hay... không tin mày đến đó mà xem !

Không thể nhịn được nữa, L. vội mặc quần áo vào đoạn cùng đi với người bạn tới nhà bà Đốc Sao. Nhưng khi vừa bước chân vào căn phòng trong đó có Tuyết và «anh già», L. đã vội ngược người trở lại... «Anh già» hỏi L. :

— Thằng khốn nạn này, mày đi đâu đấy ?

L. liu riu :

— Dạ ... dạ con đi kiếm thầy !

Thì ra «anh già» đang ôm ấp Tuyết, không ai khác lạ hơn là ông Trưởng Phố Hàng Bọt !

(Còn nữa)

Bang giao giữa Cao-Miên và Việt-Nam Từ ngày tiên khởi đến ngày Pháp đô hộ

LÊ-HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. 235)

VỀ phía Việt Nam, sự phản ứng có vẻ mãnh liệt hơn vì Quốc Vương Ang Chan chịu thần phục Xiêm thái quá. Vua Gia Long ban cho Viên Tổng Trấn ở Saigon được quyền về quân sự và dân sự trên khắp nước Miên. Nhà Vua bắt buộc nhiều ngàn dân Miên làm xâu đào một con kinh dài 53 cây số từ Hậu giang đến Vịnh Thái Lan, tên là Kinh Hà Tiên. Công tác này bắt đầu từ năm 1815 đến 1820 đã làm hao hụt một số người. Nước Việt Nam cắt hẳn phần đất bờ phía Nam con Kinh coi đó là ranh giới (1).

Năm 1818, một số Việt Kiều bị dân Miên giết trong tỉnh Baphnom, các tướng lãnh Việt Nam đóng ở Cao Miên, được sự thỏa thuận của nhà Vua, đến nơi can thiệp để tái lập trật tự.

Năm 1830, một viên quan trọng Triều nội loạn gây thành cuộc can thiệp mới của người Xiêm. Quân đội Cao Miên thất trận. Quốc Vương Ang Chan II rời khỏi lãnh thổ. Hai vị Hoàng đệ Eng Em và Ang Dưong vào thủ đô với Tướng Xiêm tên BODIN, rồi thừa thắng kéo đến Châu Đốc. Tại đây, quân Xiêm bị quân Việt Nam đánh tan rã quân Việt Nam đưa nhà Vua trở về Oudong.

Năm 1843, Ngài dau Kiết, thăng hà. Bảy giờ Cao Miên hoàn toàn nhờ V.N, bảo hộ. Theo lệnh của Vua Minh Mạng (1820-1840) hai vị Hoàng Đệ Ang EM ANG và Dưong không được nối

(1) Đây là Kinh VĨNH TẾ ở Châu Đốc. Theo sử nước ta thì Vua Cao Miên hợp tác với ta vào công cuộc đào kinh chứ không phải bị bắt buộc.

BANG GIAO

ngôi vì theo người Xiêm, cả đến người con trưởng của nhà Vua quá cố cũng không được chọn vì Hoàng Hậu là con gái của viên quan tên Bèn là người thân Xiêm. Vua Việt Nam cử Công Chúa Ang Mey (1834-1841) là con giong thứ lên ngôi. Quyết định này không được thông báo cho Vua Xiêm biết.

Nữ Vương ANH MEY được 20 tuổi, bị các Tướng lãnh Việt-Nam cầm giữ trong Hoàng cung một cách khắc khe khiến Ngài bức tức muốn phát điên. Việt Triều chính đều do các Tướng lãnh và quan lại Việt-Nam điều khiển, thay đổi tất cả hệ thống hành chánh Cao Miên, phong tục, ngôn ngữ và tín ngưỡng của người Miên Theo lệnh của vua Minh Mạng, quyền cai trị tối cao thuộc về ba viên quan Việt-Nam dưới sự chỉ huy của một vị Tướng lãnh. Tổng số Tỉnh trong nước là 56, bị giảm xuống còn 33 và mang tên Việt. Ở mỗi Tỉnh có một quan Việt bên cạnh vị Tỉnh Trưởng Miên để kiểm soát. Tất cả quan lại Miên phải mặc sắc phục Việt và búi đầu tóc. Quân

đội được tổ chức lại thành một toản địa phương quân đặt dưới quyền một vị Tổng Thanh tra Việt Nam. Nữ vương ANG MEY cũng bị mất vương hiệu, chỉ được gọi là : «THỦ LÃNH ĐẤT MY-LÂM». Người Việt dùng chữ Việt trong nền hành chánh, ngược đãi Sư Sãi nào bị tình nghi có tinh thần quốc gia, đồn các cổ thụ linh thiêng, phá chùa, lật đổ tượng Phật.

Năm 1840, Vị Tướng lãnh chỉ huy cuộc bành hoạc muốn loại hẳn ảnh hưởng của các vị Hoàng đệ ANG EM và ANG DUONG đang ở Xiêm, mới lập mưu cho người nói riêng ANG EM nên về Cao Miên để nối ngôi, vì Nữ Vương ANG MEY không đủ khả năng trị nước, ngoài ra lại còn vu khống ANG DUONG âm mưu hại ANG EM. Hoàng đệ ANG EM tin thật, tố cáo với Vua Xiêm rồi trở về nước. Vị Tướng Việt-Nam bắt Hoàng đệ nhốt trong cái cũi sắt giải về Sàigon, đoạn đem thả về Huế. Tại đây, Hoàng đệ từ trần vào năm 1834.

Năm 1841, Vị Tướng này bắt các quan Miên thân Xiêm giải về

Huế, và đưa Nữ Vương cùng cô em là Công chúa ANG POU (đã được đề cử làm Phó Vương) về Saigon, Công Chúa lớn tên ANG PEN cháu ngoại của quan BÊN, 32 tuổi nổi tiếng ghét người Việt bị bắt đem về Vinh Long và nhận nước chết vào năm 1842. Từ năm 1841 đến năm 1843, ngôi Vua Cao Miên không có người, nước Cao Miên bị sát nhập vào Việt-Nam Triều chính hoàn toàn do Tướng TRƯƠNG MINH GIANG quyết đoán.

Tất cả hành động của người Việt-Nam làm phật ý giới Sư Sãi và dân Miên. Năm 1845, toàn dân quá phần uất đứng lên chống đối chế độ cai trị mới của Tướng Trương Minh Giảng như kiểm tra dân số, đo đạc đất ruộng. Nhiều cuộc ám sát cá nhân hay tập thể gia tăng trong các giới người Việt. Viên Tỉnh Trưởng Pursat kêu gọi dân chúng yêu cầu người Xiêm giúp đỡ và đưa Hoàng đệ ANG DUONG về cầm quyền (1845-1839) Vua Xiêm (1) sai viên Tướng già BODIN cầm quân cùng ANG DUONG đánh quân Việt-Nam.

Nhờ các phần tử khởi nghĩa dẫn đường, quân Xiêm giải thoát các tỉnh miền Tây, đến PURSAT và vào thủ đô OUDONG. Hoàng đệ ANG DUONG tức vị lên ngôi. Bấy giờ quân Việt chiếm các tỉnh miền Đông. Quốc vương ANG DUONG nhờ tướng Xiêm bố phòng xung quanh thị trấn Phnom Penh. Quân Việt bèn tấn công chiếm thị trấn, rồi tiến đến LOVEK. Nơi đây quân Việt thất trận bị thiệt hại nặng nề. Tháng 12 năm 1845, Quốc vương ANG DUONG đề nghị ngưng chiến nhưng viên Tướng Việt-Nam kiên cương từ khước. Quân Việt đánh vào thủ đô Oudong không phá nổi thành, Viên Tướng Việt xin điều đình. Bấy giờ Quốc Vương Ang Dương chấp thuận.

Thỏa ước ký kết vào năm 1846, Triều Đình Huế nhìn nhận Quốc vương Ang Dương trị vì Cao Miên, cũng như vua Xiêm. Các vị Hoàng thân, Công chúa như Nữ vương Ang Mey, Công Chúa Ang Pou và các vị Hoàng (1) RAMA III (P-RD-NANG-KL-AO) 1824 - 1851.

thân, quan lại bị giữ ở Huế và Sà gòn sẽ được về Cao Miên đổi các tù binh Việt Nam. Các tỉnh bị Xiêm chiếm từ 50 năm nay thuộc về Xiêm, nước Việt Nam chiếm hẳn miền Nam và địa danh tỉnh, thành phố theo Miên được thay bằng tiếng Việt. Cây gươm vàng và cây giáo tượng trưng cho Vương quyền Cao Miên bị người Việt lấy được trả lại cho Quốc vương Ang Dương để trong Hoàng cung ở Oudong. Bấy giờ, Quốc vương Ang Dương mời làm lễ dâng quang trước các Tướng lĩnh đại diện Vua Việt Nam và Vua Xiêm. Sau đó, các Tướng lĩnh, quan lại và binh sĩ Việt Nam rút khỏi Cao Miên (1)

(1) «VIỆT NAM SỬ LƯỢC» ghi : ... Ở nước Chân Lạp thì từ khi quan quân phá được giặc Tiêm rồi, Tướng quân là Trương-minh-Giảng và Tham tán là Lê-dại-Cương lập đồn Annam ở gần Nam Vang để bảo hộ Chân Lạp. Cuối năm Giáp Ngọ (1834), Vua nước Chân Lạp là NẶC ONG CHÂN mất không có con trai, quyền cai trị trong nước về cả mấy người Phiên

liêu là bọn Trà-Long và La-Kiên. Nhưng người này đều là người Châu Lạp mà lại nhận quan chức Việt-Nam. Đến năm Ất Vĩ (1835), Trương-minh-Giảng xin lập người con gái của NẶC-ÔNG-CHÂN tên là ANG MEY lên làm Quận chúa gọi là NGỌC VÂN CÔNG CHÚA rồi đổi nước Chân Lạp ra làm Trấn Tây Thành chia ra làm 52 phủ và 2 Huyện, đặt một Tướng quân, một Tham Tán đại thần, một Đề Đốc, một Hiệp tán và 4 Chánh, Phó Lãnh binh để coi mọi việc quân dân. Ở các chỗ yếu hại, lại đặt chức Tuyên Phủ. An Phủ để phòng ngự. Năm Canh Tí (1840), nhà Vua sai Lê-văn-Đức làm Khám sai Đại thần Đoàn Cửu làm phó và cùng với Trương-minh-Giảng để kiểm lý mọi việc ở Trấn Tây Thành, khám xét việc buôn bán, đo ruộng cấy, định thuế đinh, thiế huyện bề buôn bán dưới sông. Nhưng vì quan lại Việt-Nam ta sang làm đ đ trái lẽ, n ù g nh ều dân sự, lại lật Ngọc-Vân Quận Chúa đem về ở Gia-Định, lật bọn Trà-Long và La-Kiên đẩy ra Lạc-Kỳ, Chân Lạp ai cũng oán giận, chỗ nào cũng có giặc giã nổi lên đánh phá. Lại có em NẶC-ÔNG-CHÂN là NẶC-ÔNG-ĐỒN khởi nghĩa, có người Tiêm La giúp đỡ, thành ra quan quân đánh mãi không được. Về sau đến khi Vua Thành Tô mất rồi, quan quân phải lỏ thành Trấn Tây mà rút về An-Giang.

CÁI RƯƠNG MA QUÁI

của JOSEPH PAYN EBRENNAN
GIAHG-TÂN dịch

(Tiếp theo PT 235)

MAAX lại khóa chặt rương một lần nữa trở lại ngồi vào ghế, nhìn chăm chăm vào chiếc rương ma quái cho mãi đến hai giờ sáng.

Cuối cùng vì quá mệt mỏi, trí óc bị đảo lộn, Maax lên giường ngủ.

Trước khi tắt đèn chàng đề ý là nắp rương đã được dày kín và được khóa kỹ.

Khi chàng đã thiu thiu ngủ, bỗng một cơn ác mộng chợt đến. Trong giấc ngủ, chàng nghe như có tiếng cào gỗ làm cho chàng thức dậy, Đốt cây nến lên, chàng đưa mắt về phía chiếc rương. Cái ngón tay dài lại hiện lên ở mặt rương và đang hoạt

động dữ. Ngón tay đó lúc lắc thật mạnh, cào lên mặt rương, với chiếc móng bầm đen. Nhưng dường như ngón tay thấy sự xuất hiện của chàng nên bỗng nhiên nó đứng lại. Và... từ từ, ngón tay đó ra hiệu cho Maax lại gần. Quá sợ hãi, Maax không thể không vâng lời được. Chàng đặt cây nến xuống bàn và chân bắt đầu bước giống hệt như một con người máy. Ngón tay kỳ dị đó như kéo chàng lại gần cũng giống như thời sắt bị nam châm hút mạch. Đúng vừa lúc Maax bước lại gần chiếc rương thì ngón tay kỳ dị đó rút vào nắp rương tự nhiên được mở lên. Maax lúc này như bị một sự

CÁI RƯƠNG

sợ hãi quá mức thôi miên, chàng bước vào lòng rương, ngồi khom mình xuống, đầu gối chằm chằm rồi ngả cả thân mình xuống lòng rương. Nắp rương tự nhiên đóng sập mạnh xuống và... chiếc chìa khóa tự động quay một vòng trong ổ khóa...

Maax hoảng hốt thức dậy thét lên một tiếng ghê rợn. Chàng ngồi thẳng trên giường trong lúc mồ hôi chảy đầm đìa trên trán. Chàng quá sợ vội trùm hẳn cả tấm ra lên đầu và nằm như vậy cho đến sáng.

★

Trời sáng tỏ, lầy lại bình tĩnh. Maax rời khỏi căn phòng đi tìm cà phê uống. Hôm ấy, Chàng không đến sở mà lại tìm đến nhà một phu đổ rác mà trong quá khứ chàng từng nhờ cậy anh nài trong nhiều công việc. Chàng dặn dò bác phu thật kỹ về những điều chàng muốn thực hiện. Chàng trao cho bác phu số tiền mười Mỹ Kim và còn hứa sẽ trao số tiền tương bộ khi công việc đã xong xuôi. Xong, chàng

đi ăn cơm trưa, đến sở làm việc tâm trí lúc này ít nhiều thành thoi hơn trước.

Buổi chiều hôm ấy, Maax trở lại căn phòng riêng của chàng, lòng rất tự tin, nhưng vừa bước vào căn phòng, chàng cảm thấy như quả tim mình thoát ra khỏi lồng ngực.

Trái với lời dặn dò của chàng, bác phu đổ rác vẫn chưa chịu khiêng cái rương đi vứt bỏ.

Lần này, Maax tỏ ra vô cùng thất vọng hơn là nỗi cơn giận lỗi định.

Chàng bước ra ngoài gọi điện thoại liên lạc với bác phu đổ rác. Anh chàng này chọn lời xin lỗi lấy cớ là chiếc xe của anh bị hỏng máy đứng vào lúc anh ta chuẩn bị đi làm phận sự. Anh chàng đã phải bỏ hết cả ngày sửa

TELWIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ★ NGON ★ NGỌT

chữ xe và xin hứa qua ngày hôm sau sẽ đến sớm để lo tròn công việc.

Maax không biết làm gì hơn buồn thủng hai tiếng «cám ơn» và đặt ống nói xuống. Chàng không muốn trở lại căn phòng riêng của mình, tạt vào một cái quán trong khu phố ăn trưa rồi đi xem chiếu bóng luôn. Ở rạp chiếu bóng ra, Maax lại tạt vào một quán cà phê, ngồi cà kê mãi cho đến nửa đêm mới về căn phòng.

Cơn ác mộng đêm hôm trước vẫn còn ám ảnh trí óc nên dù đêm qua ngủ rất ít nhưng đêm nay chàng vẫn chưa nhắm mắt được, vì thế, chàng cảm thấy rất mệt mỏi.

Sau khi xem xét kỹ là nắp rương được đóng kín, Maax cần thận đặt chìa khóa ở dưới gối nằm và nhắm mắt ngủ kỹ.

Vài giờ sau đó, Maax bỗng thức dậy rồi ngồi lên một cách tỉnh táo. Tim chàng đập mạnh hơn lúc nào hết. Trong một phút định thần, chàng tự hỏi vì sao chàng lại ngồi dậy như thế này.

Có tiếng cào lên mặt gỗ nghe rõ mồn một ở phía góc phòng.

Từ chi chàng run rẩy chàng nhảy xuống giường, đưa tay ấn nút mở chiếc đèn làm việc ban đêm đặt trên bàn. Không có ánh sáng tỏa ra. Bóng đèn bị cháy hay bóng điện bị cắt đứt?

Chàng mở hộp bàn ra quờ quạng tìm cây nến.

Trong lúc chình sờ soạng tìm cây nến và hộp quẹt đèn đốt nến thì tiếng đing tăng lên gấp đôi, gấp ba đến nỗi nghe tương chừng như vang vọng ra hết cả căn phòng.

Toàn thân Maax run rẩy tưởng chừng như mỗi sợi lông dựng đứng lên nhưng chàng cũng lấy hết can đảm, tay cầm cây đèn cây nhẹ nhàng bước tới cái rương.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Ngón tay kỳ lạ đó trông càng dài ra và gõ liên hồi trên nắp rương. Với nhịp điệu dồn dập, tiếng gõ vang ra khắp cả mặt rương, có khi cái móng tay tím bầm đó lại cào mạnh lên mặt gỗ.

Khi Maax bước lại gần, ngón tay kỳ lạ đó bỗng đứng im rồi nằm dài theo mép rương. Maax kinh hoàng khi nghĩ rằng ngón tay ma quái đó đã trông thấy chàng nên mới ngừng hoạt động và ngón tay đó đang nhìn chăm chăm vào chàng.

Và khi Maax đã đứng giữa căn phòng, lạ lùng thay, ngón tay đó dơ lên và hình như đang ra dấu hiệu cho chàng lại gần hơn. Maax quá kinh sợ khi nhớ lại cơn ác mộng chàng vừa trải qua. Lúc này chính chàng không chịu đựng nổi sự sợ hãi đó nữa.

Chàng vẫn bước tới trước, cử chỉ, hành động giống như một người mất bệnh mộng du...



Sáng sớm hôm sau, hai người phu đồ rác bước theo chủ nhà của Maax đi vào phòng chàng, Maax

đã rời khỏi phòng tự lúc nào. Có lẽ chàng đi làm việc, nhưng hai người phu đồ rác đã biết rõ công việc của họ sẽ phải làm.

Chiếc rương được khóa kỹ vẫn nằm trong góc phòng, không có chìa khóa nằm trong ổ khóa.

Bên cạnh rương, người ta thấy dấu vết một cây đèn cây đã cháy rụi.

Người chủ nhà tỏ ý không hài lòng. Bà ta lên giọng bực bội:

— Đấy! Cứ chỉ đó chỉ nhằm đốt nhà người ta. Tôi sẽ nói cho ông Maax về sự sơ xuất đó. Sự sơ xuất đó đáng trách thật!

Hai người phu đồ rác đang bị hục khiêng chiếc rương nên không

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

đề ý đến lời nói của bà chủ nhà. Đó ra sao? Anh có biết không?

Một người than :

— Bộ cái rương này bằng chì hay sao? Từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ khiêng phải một cái rương nặng như thế này!

Bà chủ nhà nói dặm thêm.

— Cái rương này làm toàn bằng loại gỗ rất chắc. Khi chiếc xe chạy tới ven đô, đúng nơi vất bỏ những đồ phế thải, một người phu nói :

— Tôi không hiểu vì sao cái thùng cha này lại đem bỏ một cái rương trông đẹp như thế này! Bạn của anh trả lời :

— Tôi thì biết rõ đầu đuôi sự việc. Chẳng là anh chàng mua cái rương này của Jason Kinkle mà Kinkle thì lại chẳng bao giờ kể rõ lai lịch cái rương cho chàng ta biết, vì lẽ đó, mà chàng ta không muốn giữ cái rương này trong căn phòng của chàng nữa.

— Nhưng lai lịch cái rương

đó ra sao? Anh có biết không?

Anh phu đổ rác tự cho mình biết rõ câu chuyện không thêm trả lời cho bạn ngay lúc đó, nhưng khi cái rương đã được đẩy xuống đất thì chàng mới chậm rãi :

— Cái rương này được đem bán ở tiệm bán đồ cũ. Người chủ của nó trước tiên Stubberton

Vừa nói đến đây, người phu đổ rác thứ hai cướp lời :

— Stubberton! Có phải anh chàng bị ám sát bằng cách bỏ...

— Phải rồi! Bằng cách nhốt vào rương. Đúng vậy! Và chính cái rương mà chúng ta vừa mới chở trên xe đó!...

Cả hai im lặng một hồi lâu. Họ lại tiếp tục tìm cách xô dịch, cái rương lại gần miệng một cái giếng không còn dùng nữa, thành giếng đã bê nát, đáy giếng chứa đầy một thứ nước bẩn.

Người phu đổ rác đưa tay lau mồ hôi đổ giọt trên trán, đoạn tiếp lời :

— Lúc người ta cạy cái rương ra thì xác nạn nhân trông đen xám xịt. Người ta thấy một ngón tay của nạn nhân mắc kẹt ở nắp rương, gần nơi ổ khóa — nhưng ngón tay ấy cũng không làm gì được...

Nghe bạn kể câu chuyện mà quái đó, người phu đổ rác thứ hai tỏ ý sợ hãi, nói lớn :

— Thôi, phải thủ tiêu nó gấp đi, cái thứ này chỉ có mang xui xẻo đến cho chúng ta mà thôi!

Người kia đáp nhanh :

— Đồng ý! Giúp tôi một tay mau lên! Hai người lấy hết sức lực đẩy cái rương xuống lòng giếng. Cái rương trong phút chốc rớt xuống mặt nước đen sì làm tung tóe nước lên cao gần đến miệng giếng...

Một người lên tiếng :

— Thế là yên chuyện! Chúng ta lại được thêm mười Mỹ Kim.

Nhưng rồi... một sự việc lạ lùng xảy ra. Hai người phu đổ rác không bao giờ hy vọng nhân

thêm số tiền mười Mỹ Kim đó nữa vì kể từ ngày hôm đó, Maax bỗng biệt tích. Không ai gặp chàng mà cũng không có ai nhắc đến tên chàng nữa.

Hai người phu đổ rác trình nội vụ tại Cảnh sát cuộc. Bà chủ nhà không biết tên hai người phu đổ rác, hơn nữa, bà cũng không hay biết gì thêm tin tức Maax nên bà cũng chẳng giúp ích gì được cho hai người.

Về sau, Cảnh sát cũng chỉ biết trả lời một cách lơ mờ về trường hợp của Maax. Họ nói có lẽ anh chàng đã đổi tên và đã đổi chỗ ở.





Thân phận

Mây giăng hái nụ phiêu bồng
Tuổi xuân một nửa kết vòng đan bay
Ngày trông xác thịt lưu đầy
Đêm nghe bom đạn trút dày quế hương
Hình hài rã rớt phơi xương
Mắt môi nhỏ giọt máu vờn theo nguồn
Lả lơi gió hạ rung chuông
Gọi hồn du tử mắc buồn lên cao
Mây giăng trên ngọn sầu đau
Đam mê kết trái ngọt ngào giữa đêm
Khi nghe súng nổ, êm đềm
Khi nghe bom nổ, nổi niềm xót xa,
Hai mươi tuổi chẳng ngọc ngà
Xác thân nhuộm đỏ kiêu sa giữa trời
Từng đêm chiến trận gọi mời
Từng đêm chiến trận gọi mời tuổi xuân...

THUY VẤN
(Bình Tuy)

NỬA TUỔI ĐỜI

Phóng sự tiểu thuyết

★ NGUYỄN-THU-MINH

(Tiếp theo P.T 235)

1

VÃ N chưa hả cơn tức ; nhất là nhìn đến chiếc gối của Chương nằm thườnng ngày ngạo nghễ cạnh gối nàng, Hồng tiện tay cầm ném mạnh vào góc tường phía dưới nghe một tiếng bịch khò khàn... vô cùng hả hả ; như vừa trả thù được Chương về cái tội vụng trộm «mèo mỗ» với cô nàng vừa gọi điện thoại nào đó.

Nhưng khi nghĩ đến hai chữ «mèo mỗ» Hồng gán cho Chương, tự đứng lòng cảm thấy ngưỡng ngưỡng một cách kỳ lạ. Vì Chương quả có «đào» hay không

nàng chưa biết rõ, chưa hề bắt gặp lần nào, còn với Hồng thì... đã hiển nhiên — Hồng mới là kẻ ngoại tình thật sự — Tuân sắp đến với nàng, sẽ ôm nàng siết chặt trong hai vòng tay «dã thú» mà nàng yêu thích, cùng dành trọn cho nàng những cảm khoái, đắm mê nhất nàng sẽ tận hưởng hôm nay.

Với tất cả cảm nghĩ chờ đợi Tuân như vậy, dù cho Hồng xóa nhòa, quên hết những gì về Chương trong tâm não. Hồng vờn người tỏ ra nhẹ nhõm đến trước gương soi ngắm lại hình vóc

minh một lần nữa trong niềm kiêu hãnh ở sắc đẹp của nàng khó ai sánh nổi. Đản ông trai tơ nào mà chẳng mê mệt, thêm thưởng. Vừa nghĩ đến mọi cảm giác thêm thưởng của da số đản ông, trong đó có Chương, Tuấn và bao nhiêu người khác nữa, mỗi lần Hồng ra đường dạo phố hay đi đâu... Hồng vừa đưa tay nâng nhẹ lên đôi «nhũ hoa» no tròn tìm hương vị ái ân của Tuấn sắp đem lại cho nàng...

Chiếc đồng hồ treo tường gõ lên sáu tiếng lãnh lót báo hiệu giờ Tuấn đến như khơi thêm ước vọng, bồn chồn ở lòng Hồng. Và như nhớ đến chuyện gì, nàng vội mở lọ nước hoa Royal Bain de Champaghe thoa đều lên ngực, lên cổ, sau gáy, hai nách rồi hước nhanh xuống thang lầu gọi người giúp việc.

Vừa trông thấy mặt chị Tư, Hồng đã lên tiếng căn dặn :

— Tôi hơi mệt, nằm nghỉ ở phòng trên, nếu có ai đến hỏi, chị cứ mời người ta lên lầu nhé. Khởi phải chạy lên báo lời thôi. Chị chỉ cần bấm chuông cho tôi biết là được.

Chị Tư giúp việc nghe xong dạ một tiếng dài kinh cần, quay trở xuống nhà bếp.

Chờ chị Tư đi khuất, Hồng mỉm cười thâm đi dần ra sân để ngắm đón Tuấn.

Trời sau cơn mưa về chiều thật mát mẻ, dễ chịu. Thỉnh thoảng vài cơn gió nhẹ từ hướng sông Saigon lùa vào làm lay rúng những cành lá me đậu trên tóc tấp lên má Hồng tạo thành những cảm giác ngày ngày khắp thân thể, tưởng chừng như cặp môi nóng bỏng của Tuấn đang truyền cho nàng từng vị ngọt; hương yêu kỳ ảo nhất đời người.

Càng mơ tưởng, Hồng càng ngửa mặt lên cành cây

cao cho lá me được dịp đậu đầy lên má, mắt và mũi nàng để tận hưởng.

Trong lúc Hồng say sưa, nhắm mắt đeo đuổi ý nghĩ đẹp nhất của tình yêu chớm dậy trong tim nàng, thì một luồng hơi ấm tê dại úp ngay vào môi Hồng — cả khung trời tình ái đã bao phủ lấy nàng — không kịp cho nàng nhận thức rằng nàng đang lạc vào cõi bồng lai tiên cảnh nào. Khi Hồng kịp biết rõ nguồn gốc của đôi môi, Tuấn đã sừng sững trước mắt nàng với nụ cười rất đa tình gợi cảm mà nàng không thể ngờ có được.

Hồng định nhắm mắt, ngửa mặt đầy đôi môi trái tim của nàng về phía Tuấn tìm lại cảm giác lần thứ hai nhưng Tuấn đã nhanh nhẹn tát nhẹ vào má Hồng, giục :

— Em của anh nhất định bắt anh đứng ngoài trời sao ?

Hồng nũng nịu, trả đũa :

— Bộ em không đứng ngoài trời... Vừa nói Hồng vừa đưa tay lên véo mũi Tuấn mắng yêu : «ông mãnh».

Tuấn không phản đối, chỉ nhú mũi tỏ vẻ trách yêu, rồi cầm tay Hồng kéo sát nàng vào người Tuấn, dẫn nàng vào nhà.

Hồng mời thẳng Tuấn lên phòng lầu trên không chút do dự. Nhưng Tuấn có vẻ đắn đo, hỏi Hồng về Chương.

Nghe Tuấn nhắc đến Chương, Hồng bèn trả lời nhú mũi đáp gọn :

— Chết rồi !

Tuấn nhìn sâu vào mặt Hồng :

— Em lúc nào cũng đùa được. Anh hỏi thật, Chương của em đi đâu, mấy hôm mới về ?

Hồng nhún vai :

— Pleiku. Bộ anh quên rồi sao? Ban nãy gọi điện thoại, em chả nói anh nghe rồi là gì...

Tuân cười tinh :

— Thật tinh anh nghe không rõ lắm. Vì trong lúc nói chuyện ở điện thoại, anh mãi nghĩ đến nét mặt, đôi môi của em thôi.

Hồng khoái chí :

— Nét mặt xấu xí lắm phải không?

Vừa nói Hồng tiến sát đến bên Tuân, bả lấy cổ chàng nũng nịu :

— Còn đôi môi này thì sao?..

Tuân không đáp, đưa một ngón tay lên ấn ngang giữa môi Hồng, đặt điều kiện :

— Em chưa trả lời xong câu hỏi của anh...

Hồng vội giận lấy, tách khỏi người Tuân, chạy lại giương nắm úp mặt vào

tường, nói nhỏ :

— Bộ «người ta» cần lắm sao!

Tuân lắc đầu nhủ thầm :

— Khó tính quá! Hơi một tí đã giận lấy. Nếu đuổi thì anh về vậy. Miệng tuy nói thế nhưng Tuân bước lại bên Hồng, cúi xuống áp môi lên má nàng hỏi khẽ :

— Bằng lòng đuổi anh về không đây... Em càng giận càng đẹp, thì làm sao anh chịu nổi!

Hồng vẫn nằm im, giữ vẻ như người say ngủ. Tuân như không cảm nổi xúc động trước vẻ đẹp của Hồng trong dáng điệu nảm khiêu-khích ấy, liền ôm choàng lấy người nàng, đặt lên những nụ hôn bất kể trời đất khắp mắt, mũi, miệng Hồng. Bấy giờ Hồng mới chịu quay người trở lại, phó mặc cho Tuân đắm-mê cuồng vọng trên đôi môi nàng để tận hưởng cảm giác lạ của tình yêu.

(còn tiếp)



BẠT

★ PHAN-THỊ THU-MAI

XE đang chạy qua khoảng giữa Đồng-Chó-Ngáp, chỉ còn vài cây số nữa là tới chỗ đóng quân của Miện. Bạt đổi mắt nhìn những đám ruộng lúa non xanh rì hai bên vệ đường, vài con trâu uể-oải ăn cỏ, hai con nằm lăn bùn dưới một vũng nước cạn. Trên nền trời xanh buổi sáng, hai cánh chim nhỏ bay song hành, xa xa, một chiếc phi-cơ lướt chậm-chậm về phía chân trời.

Bạt mỉm cười một mình, tưởng tượng tới lúc nhìn khuôn mặt mừng rỡ đến sững sờ của Miện, khi thấy Bạt đến thăm bất-ngờ. Có lẽ vừa thoáng trông Bạt, Miện sẽ chạy đến phía Bạt nhanh như gió, run-run siết chặt tay người tình không nói được thành lời :

— «Bạt! Trời ơi!... em!

Chỉ mới hình dung đến giờ phút đó mà hai má Bạt đã nóng bừng.

— Stop... stop... cho xuống đây đi ông ơi...

Bạt nháy xuống xe thật lẹ, đi mau lại phía căn nhà hoang sát lề đường, nơi Đại-đội của Miện tạm đóng quân. Người lính gác chặn Bạt lại ở cổng :

— Cô tìm ai?

— Tôi muốn gặp... Thiếu-úy Miện.

— Thiếu-úy không có ở đây.

— Không có? Thiếu úy đi hành quân rồi hả, ông?

— Không, Thiếu-úy đi chơi.

— Đi chơi? Chú biết chừng nào ông ấy về?

— Có lẽ tới tối. Ông thường

đi chơi suốt ngày, những lúc không có hành-quân.

Bạt cảm ơn người lái, buồn-bã đi chậm chậm dài theo lề đường. Chưa lần nào Bạt thấy tức giận và buồn Miện như lần này. Bao-nhiều dự tính của Bạt bây giờ đều trở nên vô-nghĩa. Nếu Bạt ghé thăm Mện, gặp lúc chàng đi hành-quân, có thể Bạt sẽ buồn thối, thương chàng nhiều hơn là khác. Nhưng không, Miện lại đi chơi, mà đi chơi cả ngày nữa cơ chứ. Thế mà thư nào gửi về, Miện cũng bảo chàng đi hành-quân suốt ngày này đến ngày nọ, nhớ nàng đến có thể chết được mà không biết làm sao về thăm.

Bạt chả biết mình đi như vậy đã bao lâu, tới lúc này để ý thì thấy mình đang đến gần quán Mỹ-Liên, — một quán bán bánh bèo bì có tiếng của đất Bình-Dương. Thấy quán vắng khách, Bạt định vào uống một ly nước rồi đón xe trở về Sài-gòn. Nhưng vừa ngồi xuống ghế, Bạt sững-sờ đến lặng người. Miện đang ngồi với một người đàn bà ở cái bàn trong góc, một tay Miện choàng qua

vai cô ả, hai người đang cười xuống nói chuyện cười khúc-khích, nên Miện không nhận thấy sự có mặt của Bạt.

— Có dùng gì ?

Bạt cắn môi :

— Chỉ cho tôi một chai 33. Có cái gì ăn không ? Thôi, cho nem đi.

Bà chủ quán trở mắt :

— Dạ, cô nói sao ? Cô kêu ?

— 33 ! Nem.

Có lẽ nghe giọng con gái mà gọi 33 nên Miện chú-ý. Vừa quay lại, mặt Miện đã hơi tái, giọng anh thoáng run run xúc-động :

— Bạt... ! Em lên... bao giờ... ?

Bạt nhướn miệng cười thật tươi :

— Em vừa mới lên. Thế nào. lúc này anh vẫn mạnh chứ ? sao lâu quá không thấy anh về Sài-gòn chơi ?

— Bạt... !



Bạt thân-nhiên rót la-ve ra ly, lột nem ăn, ngửa cổ uống từng ngụm như một đàn nhậu sành nghề. Người đàn bà ngồi với Miện kéo áo anh, nũng nịu :

— Con bé nào kỳ-cục thế hở anh. Anh quen nó à ?

Bạt búng ngón tay kêu tách, gọi bà chủ quán :

— Thêm một chai 33. bà chủ.

Và quay qua người đàn-bà :

— Bà hai tiếng con bé đó

đi. Con nhỏ này bé là bé với ai kia, chứ không phải với bà đâu.

Bạt lại rót rượu thêm vào ly tiếp tục uống ngon-lành.

Miện nói với người đàn bà :

— Em nên về một mình. Anh có chút việc riêng cần giải-quyết.

Người đàn-bà dạ và lảng-lãng ra khỏi quán-Miện kéo ghế ngồi đối diện với Bạt :

— Bạt. Anh xin lỗi em một ngàn lần một vạn lần. Đừng uống nữa em. Con gái uống rượu kỳ lắm.

— Kỳ ? Có chi mà anh cho là kỳ. Ở nhà em vẫn thường uống luôn đấy chứ. Có chuyện

gì mà anh lại xin lỗi em thế nhỉ ? Anh chỉ bày vẽ, bợn mình làm gì có lỗi phải mà xin với xô. Anh có muốn uống với em một ly cho vui không ? Nem ở đây ngon đáo để anh ơi ! Cho thêm một ly nữa đi bà chủ.

Miện nắm tay Bạt van lơn :

— Bạt, anh van em, đừng giận

anh nữa, hãy nghe lại anh giải-thích. Người đàn bà đó chỉ là...

— Là gì cũng mặc, Lâu lâu mới được gặp nhau. tại sao chúng mình không vui, lại nó những chuyện vớ-vẩn chán thế kia nhỉ. Uống một ly đi anh. Gặp được anh, em vui ghê.

Mắt Miện bừng sáng :

— Em đã hết giận anh...?

— Em bảo bỏ chuyện ấy đi, sao anh cứ nói mãi vậy ?

— Anh muốn giải-thích cho em hiểu rằng người đàn-bà lúc này chỉ là một người... qua đường... cho đỡ buồn trong lúc anh không thể về với em.

Bạt trừng mắt, cười mỉa :

— Anh nói được với em câu đó thì lát nữa đây khi em đã về rồi, anh cũng sẽ nói với cô ta rằng em chỉ là một người... qua đường. Anh hèn lắm ! Nếu anh không nói thế, có lẽ em sẽ không khinh anh.

Và Bạt quay gọi bà chủ quán :

— Tính tiền.

Nhưng không cần chờ bà ta tới, Bạt móc bóp rút từ giấy 500 đồng lên bàn, xô ghế đứng dậy. Vừa lúc có chuyến xe đồ từ Bình-Dương chạy xuống, Bạt đưa tay vẫy. Leo lên xe, nàg đóng sầm cửa lại giữa lúc Miện còn đang ngồi chết sừng.

★

— Ai đấy ?

— Bạt.

Cánh cửa vừa mở ra, không đợi mời, Bạt tự-tiện bước vào giữa ánh mắt sửng-sốt đến ngạc-nhiên của Trung. Có bao giờ Trung dám ngờ rằng có một ngày nào đó tự-nhiên Bạt sẽ đến tận nhà thăm anh đâu. Anh đã tốn bao nhiêu công lao để đeo đuổi Bạt, nhưng anh chỉ nhận được của Bạt sự lạnh-lùng khinh-khỉnh đáng ghét. Với địa-vị một kỹ-sư, anh không đến nỗi bị coi gái nhìn với đôi mắt thiếu cảm tình. Nhưng Bạt, nàg có vẻ khinh anh ra mặt. Bỗng dưng hôm nay nàg lại đến tận

nhà riêng thăm anh thì bảo sao anh không ngạc-nhiên cho được.

— Bạt... đến thăm... tôi ?

Bạt cười :

— Không đến thăm anh chứ đến thăm ai. Nhà anh đẹp quá. Anh ở một mình ?

— Với hai người lim.

— Dân trường giả có khác.

— Bạt vẫn còn có giọng mỉa-mai đó. Tôi xin Bạt mà.

Và hần lảng xãng tự tay đi lấy nước, bánh, trái cây mời Bạt. Và hần nần-ni xin Bạt ở lại ăn với hần một bữa cơm, Bạt nhận lời, hần mừng đến chảy nước mắt, bà chơn bốn cẳng chạy xuống bếp quát tháo người làm sửa-soạn một bữa ăn ngon, để hần đãi Bạt..

Ngồi bàn-ăn, hần xun-xoe hỏi Bạt :

— Bạt có thể uống một chút rượu chái chứ ?

Bạt thân-nhiên :

— Anh không có thứ rượu nào khác sao ?

—Ồ, có chứ, nhà tôi lúc nào cũng có sẵn các loại rượu. Bạt thích dùng thứ nào ?

— Anh cho tôi loại nào mạnh nhất.

— Mạnh nhất...?

— Cái đó là «cảng» rồi, còn phải hỏi.

Hần buồn buồn :

— Hình như Bạt bị truyền-nhiễm vi-trùng» ngôn từ của nhà binh ?

Bạt trừng mắt :

— Thì đã sao ?

—Ồ, không sao cả. Tôi xin lỗi Bạt. Tôi đi lấy rượu cho Bạt đây.

Hần mỉm cười rót cho Bạt hết cốc này đến cốc khác, Bạt cứ thân-nhiên uống, uống cho đến lúc mặt nàg như quả gấc chín, rục đầu xuống bàn lè-nhè :

— Miện ơi !.. anh có biết rằng anh là một thằng hèn, một thằng đàn-ông khốn-nạn không... hở

BẠT

Miền...

★

Bạt ngồi khoanh tay trước tủ kính, nhìn không chớp vào khuôn mặt mình phản chiếu trong gương. Hai giọt lệ nóng từ khóe mắt của nàng rớt từ từ lăn xuống má.

Trung quý gối dưới đất, ôm chân Bạt, giọng hân xúc-dộng nghẹn ngào :

— Bạt ơi... hãy tha tội cho anh. Anh yêu em, yêu em nhất trên đời anh nguyện sẽ đem hết sức mình ra làm việc để tạo cho em hạnh phúc. Anh sẽ đến quỳ lạy van xin ba má cho anh được cưới em làm vợ... Chúng ta sẽ làm đám cưới thật to...

Bạt chợt rút mạnh chân, làm hấn té bạt ngửa ra sàn nhà. Nàng cười như pha-lê vỡ :

— Anh cưới tôi? Anh có chiêm bao không? C...

anh yên-trí rằng anh đã chiêm được tôi? Bé cái lắm. Chẳng tôi có thể là một người

không ra gì. Nhưng kẻ đó sẽ không phải là hạng người như anh đâu

Và Bạt đứng dậy, vó chiếc sac trên bàn, nện mạnh gót giày ông trên sàn gạch hoa bỏ đi không thềm chào hẳn một lời...

★

5 tháng sau một hôm người ta đọc thấy trên các nhật báo một cái tit thật to, tám cột, ở trong nhất :

«Cảnh-sát vừa khám-phá một tổ-chức buôn-lậu quốc-lễ vĩ-đại. Cầm đầu là một thiếu-nữ trẻ-đẹp, mới 19 tuổi. Nhưng Nữ-chúa đã cao bay xa chạy...».

THU-MAI

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

31 - II Ngày giỗ thứ 18 của
1969

nhà văn xã-hội Nam-Cao

● NGUYỄN-HỮU-TRỌNG

Bắc Phần.

Ông là một nhà văn xã hội thuộc phái hiện thực. Nam Cao chính thức bước vào làng văn trận bút từ năm 1940 trên tạp chí Tiểu thuyết Thứ Bảy.

Ngoài Tiểu thuyết Thứ Bảy, Nam-Cao còn cộng tác với một số tạp chí và nhật báo khác nổi tiếng lúc bấy giờ như ;

— Phổ Thông bán nguyệt san.

— Trung Bắc Chủ nhật.

— Tiểu thuyết Thứ Nam .v.v..

Nam-Cao nổi tiếng nhất là những tác phẩm truyện ngắn, ông là một

THẨM thoát thời gian qua, kể từ ngày nhà văn xã hội Nam Cao TRẦN-VĂN-TRÍ năm xuống đến nay đã 18 năm tròn.

Đề tưởng niệm một Văn-Nhân tên tuổi của Văn đàn Việt-Nam trong thời tiền chiến và kháng chiến, tôi xin viết mấy dòng để gọi là tưởng niệm nhà văn xã hội hiện thực nổi tiếng nhất trong giai đoạn hưng thịnh của làng tiểu thuyết Việt Nam Tiền Chiến.

Thân thể Nam-Cao

Nam-Cao tên thật là TRẦN-VĂN-TRÍ, sinh năm 1920 tại một vùng quê hẻo lánh gần tỉnh Nam-Định,

nhà văn có chân tài thực sự trong lối viết truyện ngắn hiện thực. Những tiểu thuyết của ông tác phẩm nào cũng sống động và thực, thực hơn tất cả, những truyện ông viết thực đến nỗi người đọc cảm thấy như mình là người trong cuộc. Biệt tài của Nam-Cao là thế.

Trong khoảng 1940-1941 là giai đoạn tên tuổi Nam-Cao đang lên như cồn, tất cả những truyện ngắn của ông được coi như là một thứ báu phép dành độc giả của các tờ báo tại Bắc Phần.

Cuộc đời Văn-Nghệ của Nam Cao không được bao lâu thì công cuộc toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp lại bắt đầu bùng lên, khoảng thời gian này, cũng như bao nhiêu người khác, Nam-Cao cùng một số Văn, Nghệ-Sĩ Việt-Nam yêu nước khác đều lên đường theo tiếng gọi của

Non-sông và Tô-Quốc Ông đã cùng với một số nhà văn, nhà thơ tên tuổi như Trần-Huyền-Trần, Nguyễn-Bính, Tô-Hoài, Thân-Tâm lên đường tham gia kháng chiến chống Pháp.

Khi vào chiến khu Nam-Cao được cử làm Bí Thư riêng cho Nguyễn-Sơn, đến khi Nguyễn-Sơn tử trận, ông lại lui về chiến khu Việt Bắc cộng tác với một số văn nghệ sĩ hiện diện sáng lập tờ «Văn-Nghệ» cơ quan tuyên truyền của kháng chiến quân. Trong tạp chí này Nam-Cao đã cho đăng nhiều tiền luận, bút ký giá trị, trong số đó có tập nhật ký «Ở RỪNG» và (ĐƯỜNG VÔ NAM), hai tập nhật ký được coi như sáng tác phẩm đặc

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA

MỀ DÀY, HO, SUYỄN

ý nhất của ông.

Mùa thu 1948. Mặt trận kháng Chiến lại dời về khu IV đóng tại Ninh-Bình, và chính tại nơi này Nam Cao bị quân Pháp bắn chết ngày 30 tháng 11 năm 1951. Hưởng thọ 31 tuổi.

Những Tác Phẩm

Về tác phẩm của Nam-Cao, một tập truyện ngắn nổi tiếng nhất của ông là (CHÍ PHÈO), sau này được đổi tên lại là CÁI LỒ GẠCH, ngoài ra còn một tập truyện khác mang tên là NỬA ĐÊM và một truyện dài là ĐÔI LỬA XŨNG ĐÔI. Tất cả các truyện này đều xuất bản trước năm 1945.

Ngoài ra còn một số truyện ngắn khác nổi tiếng của ông đăng rải rác trên các báo trong thời gian này như ;

- Một đám cưới.
- Lang rận.

- Đói mắt.
- Đón khách .v.v...

Cuối cùng ông còn một tập truyện nhi đồng khá đặc sắc đó là tập (BẦY BÔNG LỬA LÉP) đăng trong tập truyện nhi đồng Hòa-Mai số 40 của nhà xuất bản Công-Lực, Hà-Nội.



Hôm nay nhân ngày giỗ thứ 18 của nhà Văn Nam-Cao, một nhà văn hiện thực xã hội, một ngòi bút có biệt tài trên văn-dân Việt-Nam trong giai đoạn tiền và kháng chiến, chúng tôi xin ghi vơi mấy dòng tiểu sử về một nhà văn, và trong tương lai nếu thuận tiện chúng tôi xin trở lại vấn đề một cách chi tiết hơn. □●



THỜI KHÓA BIỂU
Chuyến bay Apollo 12 lên Trăng
và trở về Mặt Đất.

- Ngày Thứ Sáu 14-11-1969, 16g 00 phút (giờ Quốc tế)
Thứ Bảy 15-11. 0.g22 (giờ Sài Gòn):
Phi thuyền Apollo 12 được phóng lên, tại Trung Tâm không gian Kennedy.
- 19 giờ 09 phút (Quốc tế), 3g09 (Sài Gòn):
Phi thuyền bay ra khỏi vòng hấp lực của Địa cầu.
- 2 giờ Quốc tế, 10 giờ Sài Gòn:
Phi thuyền Apollo 12 bay cách Địa cầu 84.650 cây số. Với vận tốc 6 598 cây số 1 giờ.
- Ngày 18-11, — 11g.47 Sài Gòn: Apollo vào quỹ đạo Nguyệt cầu.
- Ngày 19-11, — 12g.20 Sài Gòn: Nguyệt xa *Intrepid* tách khỏi phi thuyền Mẹ Yankee Clipper
 - 13g.45 Sài Gòn: *Intrepid* tiến đến mặt Trăng, còn cách mặt Trăng 113 cây số.
 - 14g.54 Sài Gòn: *Intrepid* đáp xuống «Biển Bảo Tồn» trên Mặt Trăng.
(6g.54 phút quốc tế)
 - 18g.55 Sài Gòn: Hai phi hành gia Conrad và Bean lần lượt rời Nguyệt xa

Intrepid để bước xuống Mặt Trăng, và ở trên Trăng 32 tiếng đồng hồ.

Công tác của 2 phi hành gia Conrad và Bean trên Trăng:

- Cắm cờ Mỹ bề ngang 1.m50, bề dọc 0.m90. Cán nhém dài 2.m20, cách nơi đổ bộ 1m.
- Đặt 1 máy phát điện nguyên tử (lần đầu tiên đặt máy phát điện nguyên tử trên mặt Trăng)
- Đặt các máy móc thu thập các tin tức về tài liệu khoa học không gian để sẽ thường xuyên gửi về quả Đất trong vòng hơn 1 năm.
- Đặt 1 hệ thống Thí nghiệm Khoa học *Alsep* (Apollo Lunar Surface Experiments Package: Thí điểm Apollo trên mặt Trăng)
- (Điều đáng lưu ý): Trong chương trình được công bố chính thức, không nói rõ là có những máy gì ở Thí điểm này, trừ các máy thông thường để đo địa chấn, Tivi, Radio, v.v.. Và không có truyền hình về Quả Đất suốt thời gian 32 tiếng đồng hồ họ công tác bí mật trên Mặt Trăng, (vì máy Vô tuyến Truyền Hình bị trục-trặc, không dùng được, như họ tuyên bố về Quả Đất)
- Lấy 42ki, 500 các thứ mẫu đá và đất bụi của mặt Trăng, và tháo một vài bộ phận của Hỏa tiễn *Surveyor-3* không người, đã đổ bộ trước đây 2 năm, để đem về.
- Họ đi được trên Mặt Trăng 2km 400.
- Ngày 21-11-69, 22 giờ 26 phút, giờ Sài Gòn:

Conrad và Bean khai hỏa Hỏa tiễn trên nguyệt thuyền Intrepid từ già mặt Trăng.

7 phút sau, Hỏa tiễn vào quỹ đạo mặt Trăng, và rớt khỏi vò phi thuyền mẹ. Nguyệt thuyền Intrepid được phóng từ xuống mặt Trăng để tự phá hủy.

● Ngày 22-11, 4 giờ 48 phút giờ Saigon :

Phi thuyền Yankee Clipper khai hỏa hỏa tiễn ra khỏi quỹ đạo mặt Trăng để trở về địa cầu.

● Ngày 25-11, 5 giờ 04 phút giờ Saigon :

Apollo 12 hạ xuống Thái Bình Dương, về an toàn trên Địa cầu

Tổn Kém

Apollo 12 để lại trên mặt Trăng tất cả các thứ, tính giá tổng cộng 67 triệu đô la :

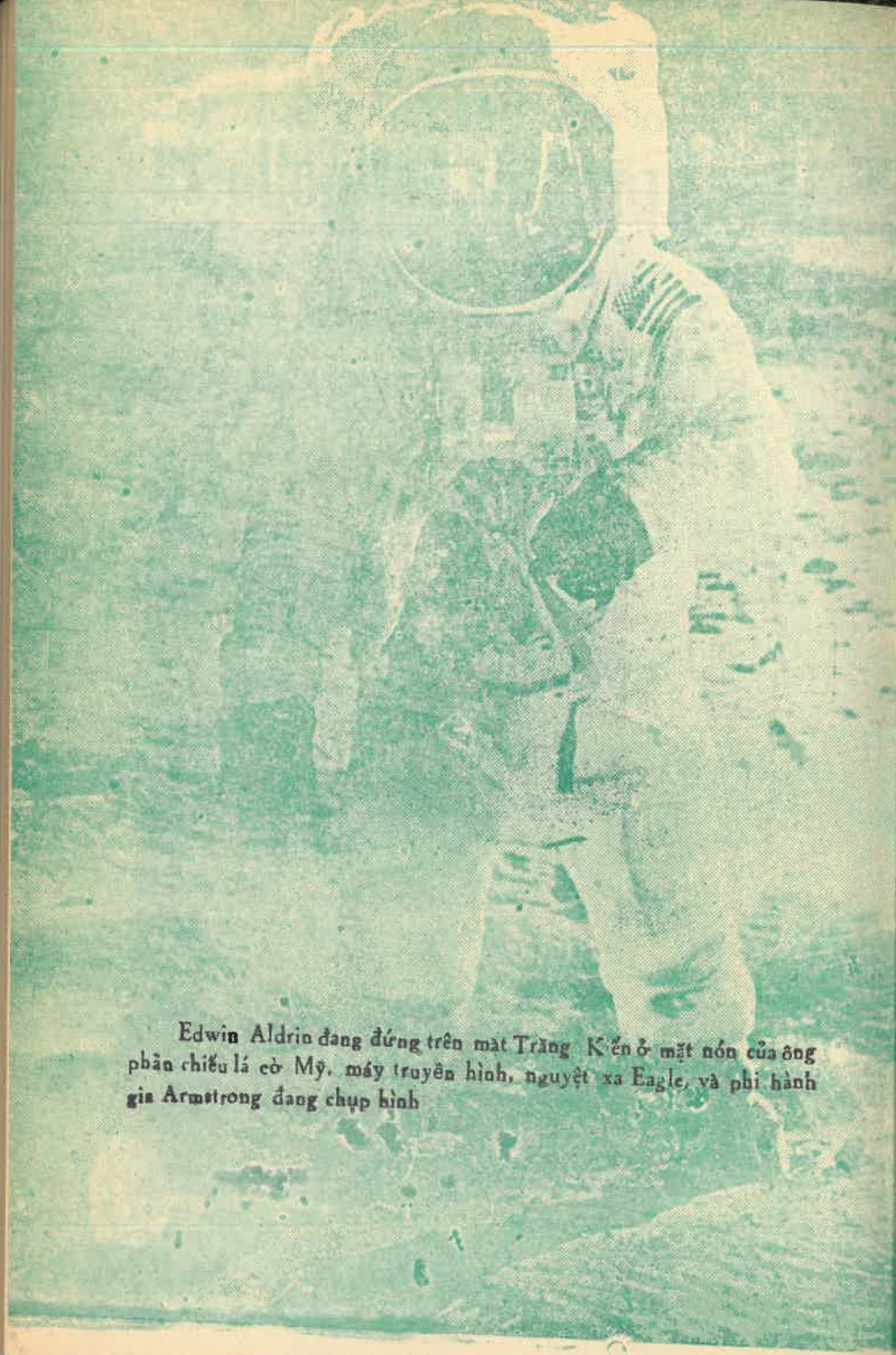
— Nguyệt thuyền Intrepid	41 triệu
— Hệ thống Thí-nghiệmALSEP	25
— 2 túi đựng đồ ăn phòng bị (nếu lỡ bị kẹt ở lại vài ngày)	0 triệu 600.000
— các máy chụp hình (đã lấy phim đem về)	70.000
— Hai đôi giày cao su	8.000
— các dụng cụ linh tinh (cuốc, xén, v.v...)	45.000
— Lá cờ Mỹ	7.330

V.V.V.

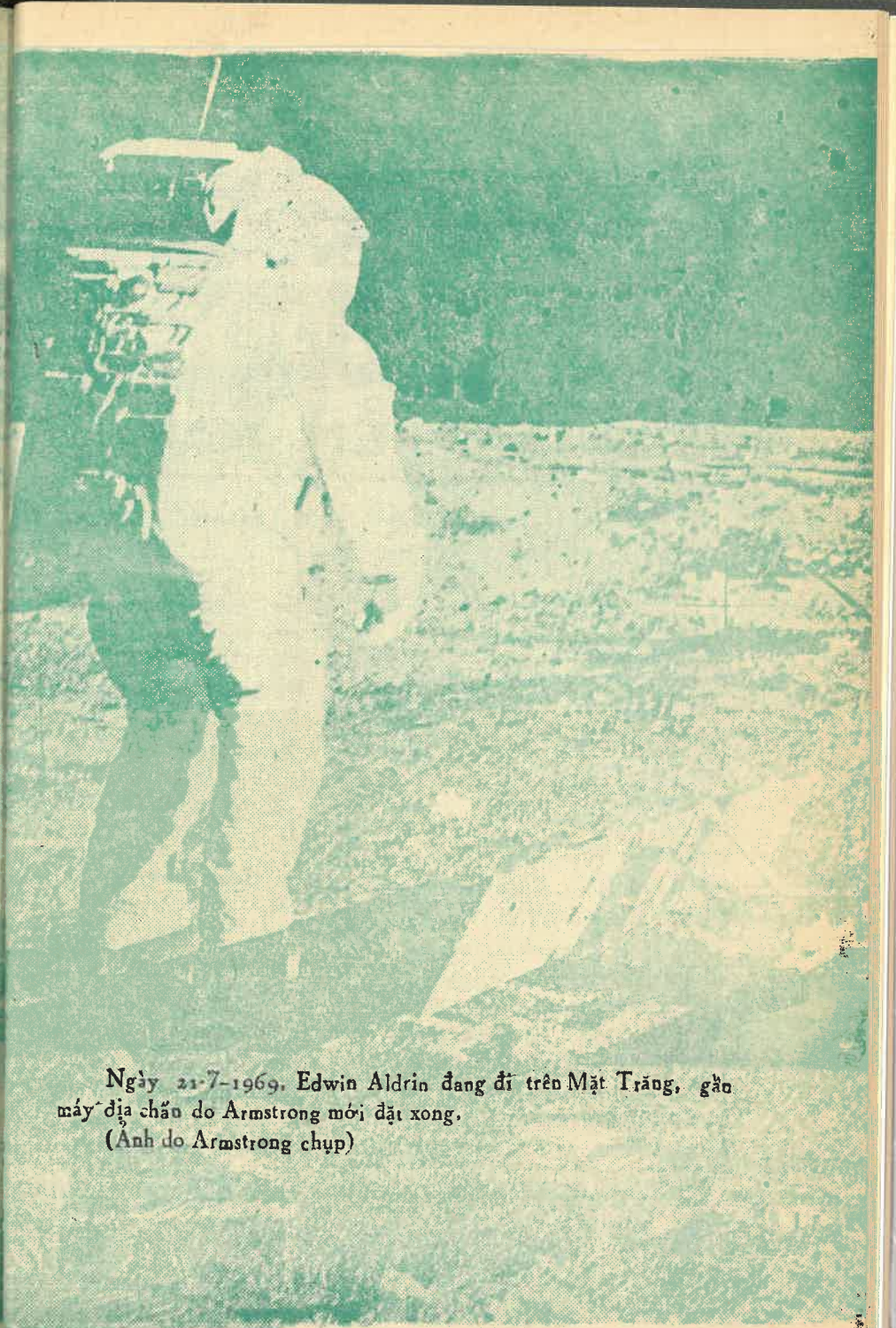
Ba ảnh rõ nhất của Apollo 11

Tảng đá khu tiền của Mặt Trăng, do Armstrong và Aldrin đã lấy về. Tảng đá làm chứng có hạt nhỏ, hiện đang bày ở Trung Tâm Không-gian Mỹ.





Edwin Aldrin đang đứng trên mặt Trăng. Kiến ở mặt nón của ông phản chiếu lá cờ Mỹ, máy truyền hình, nguyệt xa Eagle, và phi hành gia Armstrong đang chụp hình.



Ngày 21-7-1969, Edwin Aldrin đang đi trên Mặt Trăng, gần máy địa chấn do Armstrong mới đặt xong.
(Ảnh do Armstrong chụp)



● HOÀNG-THẮNG

□ Văn Hóa Xuất Ngoại

● Sau khi *Phái Đoàn Văn Nghệ Việt Nam* — dưới sự bảo trợ của Tô Chức Thân Hứa Các Dân Tộc — đi «du ca» qua 5 quốc gia : Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Bỉ và Anh quốc do cựu Thiếu tướng Lâm văn Phát hướng dẫn với Khánh Ly, Thanh Lan, Phương Oanh, Anh Hồng, Kim Nga, cùng Nguyễn Xuân Định và Nguyễn Đức Quang trong thời gian gần hai tháng và đã trở về Saigon thì, lại tới lượt *Phái đoàn Văn Nghệ Quân Đội* sang trình diễn tại Hội Chợ Thất Luông (Ai Lao) gồm có 49 người đủ các bộ môn cải Lương Tân Nhạc, Kịch, Vũ bộ. Trong phái đoàn gồm có

nam nghệ sĩ Thành Được, Thanh Tú, Thanh Sang, Diệp Lang, Thanh Việt, Duy Khánh, Văn Hùng, Hà Sa, cùng các nữ nghệ sĩ Thanh Xuân, Tường Vi, Hoài Thu. 2 vở tuồng đề trình diễn bên Hội Chợ Thất Luông là *Người Mang Sóng Núi* và *Chiếc Áo Thiên Nga*.

□ Triền Lãm và diễn thuyết

● Cuối tháng 11/1969, nữ họa sĩ Bé Ký cùng Hồ thành Đức đã tổ chức cuộc triền lãm tranh lụa tại trụ sở Pháp Văn Đồng Minh Hội, số 24 đường Gia Long Saigon. Buổi khai mạc đã diễn ra dưới sự bảo trợ của bà L. Giovgrandi.

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

● Cũng cuốn tháng 11/1969, tại tỉnh đường trường quốc gia âm nhạc, số 112 đường Nguyễn Du Saigon, đã có một buổi nói chuyện với đề tài truyện ngắn, Tân Truyện, Tiểu thuyết do diễn giả *Bình nguyên Lộc* tiểu thuyết gia thuyết trình :

□ Xuất bản

● *Cây khô Tờ lá*, tiểu thuyết của nhà văn Hà Thủy do Phương Thúy xuất bản, nói về tình yêu và linh cùng cảnh sắc đồng quê Việt Nam trong chiến tranh hiện tại.

● Tiểu luận về Kinh Kim Cương, cuốn *qua Suối Mây Hồng*, tư tưởng căn bản Thiên Tông do Việt Chiến xuất bản-tác giả là Đại đức Phạm Thiên Thư.

● *Người năm xuống Kẽ* còn lại truyện chiến trường của Nguyễn Đức Hếu, một tập truyện diễn tả lại những trận chiến khốc liệt đã diễn ra trên khắp các mặt trận. Một truyện ghi những hình ảnh, chuyện đau thương của quê hương trong chiến tranh tàn phá.

● Trong tháng này, *Tổ Hợp Gió* sẽ xuất bản trong tháng 12 bộ trường thiên tiểu thuyết khoảng 1.500 trang của nữ sĩ Nguyễn thị Hoàng với nhan đề *Cho Đến Khi Chiều Xuống*. Theo tác giả thì đây là tác phẩm duy nhất mà tác giả ưng ý. Nội dung kể lại đời một người con gái sống qua những thăng trầm của lịch sử, từ 1942 đến nay, trong xã hội cô kính và bài thù : đó là xứ Huế.

● Nhà Văn *Bình Nguyên Lộc* lại cho ra mắt trong tháng 11/69 thêm cuốn truyện nữa mang tên *Cường Rém Chưa Lìa*.

● Truyện *Nửa Chừng Xuân* của nhà văn quá cố Khải Hưng đã được thiếu tá Yoon Seok Doo dịch ra tiếng Đại Hàn và xuất bản tại Đại Hàn.

Thiếu tá Yoon Seok Doo, hiện phục vụ tại Bộ Tư lệnh Đại Hàn tại Việt Nam trong thời gian lưu trú tại Việt Nam thiếu tá Yoon Seok Doo đã trau dồi thêm Việt ngữ và để cả tâm trí vào việc dịch thuật tác phẩm nổi danh của

Khái Hưng sang Hàn ngữ.

● Nhà văn *Du Tử Lê* mới ở Hoa Kỳ về, đã có ngay cuốn *Mắt Thù* để đóng góp với làng văn. *Mắt thù* do nhà Văn Uyên phát hành.

Đã xuất bản thành sách :

● **Người Chồng Muôn Thuở**

Một danh tác của đại văn hào *DOSTOIEVSKI*

ĐỒ KIM BẮNG dịch

TÔ THÙY YÊN đề bạt

Bìa offset nhiều màu với một bức danh họa của Renoir.

● Một cuốn sách làm sáng rực tử sách của bạn.

● Người chồng muôn thuở là cái bóng ma khật khùng của một quá khứ ô nhục mà vì thế diện, người ta đã giấu nhem trong một góc tiềm thức khuất lấp nhất, đã xếp bỏ lại một tình lệ đã mơ hồ...

KẾ SĨ xuất bản.

Các em trai và gái cào tìm đọc

Đường lên đời thông

Các bậc phụ huynh không phải lo ngại khi con em đọc

Đường lên đời thông

Tiêu thuyết Giáo dục của Giang Tân

Vui — Hấp Dẫn — Lành Mạnh

— BỔ ÍCH —

Đã có bán khắp các hiệu sách. Do nhà xuất bản Hoàng Đông Phương phát hành.

● Yên đồ từng biên phụ dẫn.

Có phần khảo luận về Tiêu sử và bình giảng văn thơ Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn gia Thiệu, Đoàn thị Điểm, theo chương trình Thi Trưng-học và Tú tài.

Nhuệ-Giang biên tập và x.b.

□ Báo Chí

● Nghiệp đoàn ký giả Việt Nam chánh thức bầu *Ban quản trị Hợp tác xã Kiến Ốc* với thành phần như sau : Chủ tịch : Thanh Thương Hoàng, Phó chủ tịch : Trần Việt Hoài, thư ký : Thái Dương, thủ quỹ : ông Nguyễn. Ủy viên tổ chức : Thanh Chiêu, Ủy viên ngoại giao : Minh Đăng Khánh, Ủy viên pháp lý ; luật sư Doãn, Ủy viên kỹ thuật ; kiến trúc sư Đông, Ủy viên xã hội : bà Thùy Dương. Ngoài ra, còn có 5 kiểm soát viên : Các ông Lê Tất Thiên, Hoàng Châu, Văn Kha, Trần Minh Ý, họa sĩ Tuýt.

Điều đặc biệt nhất là Nghiệp Đoàn ký giả Việt Nam đã được Bộ Thông Tin cho mượn cuốn phim *Xin Nhận Noi Ngày Làm Quê Hương* trong vòng 1 tháng để khai thác thương mại hầu có tiền... lời đóng góp thêm vào quỹ... xây nhà :

○ Nhật báo *Tiến* do ông Đặng Văn Nhâm làm chủ nhiệm, sau một thời gian dài «nghỉ ngơi»

đã ra mắt độc giả. Nhưng, buồn một nỗi là, lần tái sinh này chỉ sống độc có một ngày rồi... chết. Vì đã «vi phạm luật lệ báo chí hiện hành.»

● Ngoài ra, ấn phẩm *Cậu Chó* của Trần Đức Lai (do nhà xuất bản Cửu Long phát hành) đã bị Bộ Thông Tin quyết định tịch 'hâu với lý do «tác giả «Cậu Chó» đã cố ý để nguyên các đoạn văn tả chân khiêu dâm, phạm thuần phong mỹ tục đã bị xóa bỏ trong bản thảo xin phép».

□ Điện Ảnh

● Phim *Cái Mắt* của Trung Tâm Quốc Gia Điện Ảnh do Thân Trọng Kỳ đạo diễn đã hoàn tất. Chắc chắn phim này sẽ được chiếu ra mắt vào đầu năm dương lịch 70 này. Nhạc chủ đề trong phim là bản Cát Bụi của Trịnh Công Sơn

● Phim *Chân trời tím* đã bắt đầu quay với thành phần tài tử như sau !

Vai nam có Hùng Cường, Trần Quang, Bảo Ân, Ngọc Phú

Trung tá Trần đồ Cung, Mỹ Tín, Hoàng Long.. Vai nữ có Kim Vui, Thanh Lan, Ánh Nga, bà Năm Sadec

● Hãng *alpha Films* cũng quay cuốn phim *Tiếng Hát Học Trò*, phỏng theo tiểu thuyết cùng tên của nhà văn *Văn Quang* với các tài tử Kiều Chinh Thanh Lan, Hùng Cường, Bảo Ân Văn Phụng..

● **Nốt gảy và máy**

Thơ của **Nguyễn Hoàng Thu**

Có nhiều câu thơ dễ thương

Tác-giả x. bản và trình bày.

● **Sinh khí văn nghệ Qui-Nhơn**

Ở Qui nhơn có tạp chí *Nhìn Mặt*.

Sự hiện diện đã kết hợp được nhiều cây bút chân tài và tên tuổi. Trong đó, đa số là sự hợp tác của quân nhân. *Người ta nhận thấy* : Nhà thơ Lê khắc Lý, Thái

ngọc Sam, Trần hoài Thư, Lê Quỳnh, Lê văn Trung, Phạm cao Hoàng. Nhà văn Nguyễn kim Phụng, Doãn Dân. Hồ ngọc Ngũ, Tích Chu, Trần thúc Vũ, Đặng Hòa..

Các nhà thơ thường xuất hiện trên **VĂN BÁCH KHOA** cũng đã hợp tác :

Mường Mán, Lê văn Ngăn, Lương thái Sỹ, Nguyễn thị Thùy My, Luân Hoán.. Cao my Nhân.

Ngoài ra người chủ trương : *Giáo sư Đặng Hòa và Thiệu úy Trần hoài Thư* còn kêu gọi sự hợp tác của văn, thi hữu bốn phương.

Giữa lúc vật giá leo thang, thiếu thốn phượng tiện ăn uống, nhà giáo Đặng Hòa và nhà thơ Trần hoài Thư đã cố gắng hết mình mới chào đời được : *Nhìn mặt* số 2

NHÌN MẶT số 2 rất phong phú và đặc sắc.

Chúng tôi hy vọng, **NHÌN MẶT** trường thọ đề nói lên những gì mà dân tộc và nhân loại muốn nói.



● của Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật-Bản
4-5-29 Komaba, Meguro-ku Tokyo, Japan

... Chúng tôi xin hân-hạnh giới thiệu cùng Ông Chủ-Nhiệm thành-phần Ban-chấp-hành nhiệm-kỳ 16 của Hội sinh-viên Việt-Nam tại Nhật-bản kể từ ngày 1-11-1969 đến ngày 30-4-1970 thể theo kết quả của buổi Đại-hội! 26-10 1969 vừa qua tại trụ-sở Hội :

- | | |
|----------------------|---------------------|
| Hội-trưởng | Ô. Đinh-quốc-Tuấn |
| Phó hội-trưởng | Ô. Nguyễn-xuân Đĩnh |
| Tổng-thư-ký | Ô. Lê-văn-Phụng |
| Phó tổng-thư-ký | Ô. Lê-tiến-Cường |
| Trưởng ban Xã-hội | Ô. Nguyễn-dịch-Hoàn |
| Trưởng ban Báo-chí | Ô. Ngô-viết-Cầm |
| Trưởng ban Văn-hóa | Ô. Huỳnh-trí-Chánh |
| Trưởng ban Thể-thao | Ô. Nguyễn-quý-Lê |
| Trưởng ban Tài-chính | Ô. Tô-bửu-Lương |

Nếu không có điều chi trở ngại, kính mong Ông Chủ nhiệm cho đăng trên Quý báo thành-phần Ban-chấp-Hành của Hội chúng tôi hầu các bạn sinh-viên bên nhà hoặc các bạn sinh-viên sắp du-học Nhật-bản có dịp liêu-lạc và trao đổi tin-tức cùng học hỏi lẫn nhau.

Trân trọng kính chào Ông Chủ-nhiệm.

TM ban-chấp-hành

Tổng-thư-ký

LÊ-VĂN-PHỤNG

đáp bạn 4 Phương



- **Ô Phạm ngọc Bông, Đà Nẵng, KBC 4466**
Ngày 22-12-1957, là ngày 2 tháng 11 năm Đinh Dậu (ngày chủ-nhật)
- **Bạn Mạch-Quế Hương, Pharmacie Vĩnh Bình**
Đã nhận được truyện dài. Đang xem.
- **Đã nhận được Thư mừng Phở Thông năm thứ 12 của quý bạn :**
 - Ngô Diệu (Nha Trang) — Lâm thị-Bi (Chợ Lớn)
 - Thanh-Thanh (U.S.A.I.D. Saigon) — Lê-thành-Đạt (Huế)
 - Lê thị-Diệu T. (Huế) Công-Tôn-Nữ-Trình-Đào (Huế)
 - Phan Bình (cần Thơ), Minh Châu Lệ-Hoa (Washington)
 - Trắc, Minh, Cần (Paris), Lê-Thùy-Dương (Đại học Văn-khoa). Nguyễn duy-Ba (Quinhon)
- Xin cảm ơn quý bạn.
- **Giáo-sư Lâm-Hứa-Ngân Bạc-Liêu**
Sẽ đăng bài «Năm chó» trong số Xuân — mong nhận được bài thứ hai mà bạn đề nghị trong thư.
- **Em Ngọc Thạch, quận Châu thành, Long Xuyên**

DÁP BẠN

Rất cảm ơn thư em. D.H. Bạn quá không viết thư riêng cho em được. Xem Ti-vi tắt đèn để xem được rõ hơn. Nếu thấy choáng mắt quá, thì cứ để đèn. Nên ngồi cách xa Ti vi độ, 3, 4 thước.

— Đừng xem những sách tình cảm nhảm nhí, rất có hại cho tinh thần, Cảm ơn em chúc mừng Phở-Thông năm 12.

- **bạn Võ văn Chơi, KBC 4749 Qui.Nhơn.**

— Bạn cứ làm đơn gửi lên thượng cấp. trình bày hoàn cảnh của bạn.

— Số P.T. bạn hỏi, hiện ở tòa soạn không còn. Mến.

- **bạn X. 821B Hoàng Diệu. Đà Nẵng**

Có sách dạy Thôi miên. Bạn viết thư hỏi các nhà sách lớn, Saigon, chắc có bán.

— Học Thôi miên không khó. Nhưng phải có rất nhiều kiên nhẫn, trong những ngày đầu. Nhất là khi bắt đầu luyện đôi mắt hàng giờ. Phải có đôi mắt thật tốt mới học thôi miên được.

Phân ưu

Cảm động được tin cụ Nhạc phụ của Ông Bàng-bá-Lân vừa mệnh chung đau đớn chia buồn cùng bạn và Bà Bàng-bá-Lân, cùng tang quyến.

NGUYỄN-VỸ

Nhà hàng Đại - La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- * Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- * Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. Nhà thuốc Ông Tiên » Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CBVITTINH ngày 9-1-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN VỸ

THU LÂM ẤN THU QUÁN

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 40 đồng

Công sở : gấp đôi

NEUROTOMIC

CORNELL
UNIVERSITY

APP

LIB

*Trở môn quý đến thị thành
ST. Nông, Công, Thương chng. danh NEURO*

NEUROTOMIC

CÔNG DỤNG NHIEU THÀNH

- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LỰC